

Số/ No.: 491 /XLDK-TCKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026
Ha Noi, day 14 month 04 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN INFORMATION DISCLOSURE

Báo cáo thường niên năm 2025 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam 2025 Annual Report of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi the Stock Exchange.*

- Tên đơn vị/ *Name of Organization*: **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS)/ Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation**
- Mã chứng khoán/ *Stock Code* : **PVX**
- Trụ sở chính/ *Head Office*: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội/ *14th Floor, Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam.*
- Điện thoại/ *Telephone* : 04.37689291 Fax: 04.37689290
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Person Responsible for Information Disclosure*: **Ngô Thị Thu Hoài/ Ms. Ngo Thi Thu Hoai.**
- Địa chỉ thường trú/ *Permanent address*: Khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Đô, TP Hà Nội/ *Nghia Tan Residential Area, Nghia Do Ward, Hanoi City.*
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng)/ *Phone (mobile, office, home)*: 04.37689291 Fax: 04.37689290
- Loại thông tin công bố/ *Type of disclosed information*:
 24h 72h Yêu cầu/Requirement
 Bất thường/Extraordinary Định kỳ/ Periodic
- Nội dung của thông tin công bố/ *Content of Information Disclosure*:

Báo cáo thường niên năm 2025 của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam/
Annual Report 2025 of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation (PETROCONS).

10. Địa chỉ Website đăng tải nội dung CBTT của PetroCons/ *The website address for PetroCons' information disclosure:* <http://www.pvc.vn> hoặc/ or [http://www.petrocons.vn./](http://www.petrocons.vn/)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố/ *We hereby certify that the disclosed information above is true and accurate, and we take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.*

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/*As mentioned above;*
- HĐQT/BOD, BKS/BOS (e-copy);
- Ban TGD/ *Executive Board* (e-copy);
- Người PT QT kiêm thư ký Công ty/*CGO-CS* (e-copy);
- Lưu VT/OD, TCKT-KT/ *FAD.*

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
Authorized Person for Information Disclosure



Ngô Thị Thu Hoài
Ms. Ngo Thi Thu Hoai

Tài liệu đính kèm/ Attached Documents:

Báo cáo thường niên năm 2025/ Annual Report 2025

Số: 490/BC-XLDK

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
Thường niên năm 2025

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

* Tên công ty bằng tiếng Việt:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

* Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

* Tên công ty viết tắt: **PETROCONS**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng.

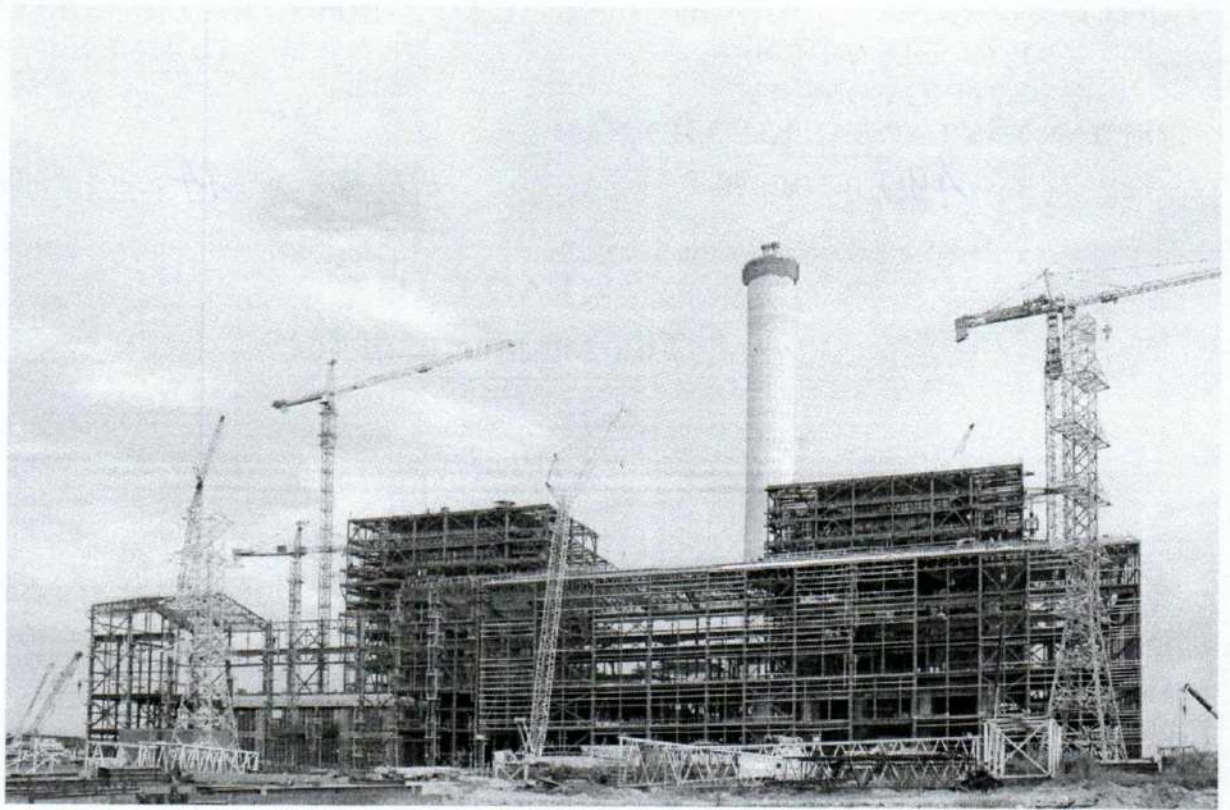
* Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

* Số điện thoại: 0243.7689291

* Số fax: 0243.7689290

* Website: www.pvc.vn/ www.petrocons.vn

* Mã cổ phiếu: PVX



2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PetroCons) là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Petrovietnam/Tập đoàn) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 43 năm qua, PetroCons nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng:

- **14/9/1983**, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập **Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí** với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi để cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axêtylen, kho đông lạnh, hố chôn bùn khoan.

- **19/9/1995**, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành **Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)** - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- **1/4/2006**, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, **Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí** chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- **26/10/2007**, Chủ tịch Hội đồng thành viên Petrovietnam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)**.

- **19/8/2008**, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- **2010**, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mở Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mở Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- **1/2013**, theo đề án tái cơ cấu Petrovietnam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của Petrovietnam trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

- **20/01/2022**, Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2022 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK thông qua việc đổi tên viết tắt của Tổng công ty từ PVC thành PetroCons và Bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- **13/11/2025**, PetroCons đã thay đổi Đăng ký kinh doanh lần thứ 23 (Đăng ký kinh doanh lần đầu là ngày 20/12/2007).

Trải qua 43 năm hình thành và phát triển, PetroCons đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ dịch vụ tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đồng Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và gần nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II, Dịch vụ mua sắm và chế tạo và lắp đặt Grillage trên sà lan nhà ở PTSC OFFSHORE 1 (MDV/POS/23/054), Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió - DA Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204, Chế tạo khối thượng tầng giàn dầu giếng DH01 - Dự án phát triển mở Đại Hùng Pha 3, Lô 05.1a, Chế tạo External Platform HĐ số 1610-2023/AECC/PVCMS ký ngày 16/10/2023, Thi công lắp ráp và hàn 8 ladle Hợp đồng số 1811-2023/AECC/PVCMS ký ngày 18/11/2023, Cung cấp cầu cảng neo đậu và dịch vụ hậu cần cho POS theo hợp đồng MDV/POS/23/107 ngày 16/5/2023, dự án đường ống Lô B-Ô Môn, dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, Nhà máy nhiệt điện Cao Ngạn, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, mở rộng và nâng cấp nhà máy Lọc Dầu Dung Quất... đều ghi dấu vai trò quan trọng của PetroCons.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PetroCons đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II, ... Các công trình này đến nay đều đã được hoàn thành, bàn giao và đi vào hoạt động.

Đặc biệt, PetroCons tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PetroCons thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông, Dịch vụ mua sắm và chế tạo và lắp đặt Grillage trên sà lan nhà ở PTSC OFFSHORE 1 (MDV/POS/23/054), Cung cấp dịch vụ chế tạo chân đế điện gió - DA Greater Changhua Offshore Wind Farm CHW2204, Chế tạo khối thượng tầng giàn dầu giếng DH01 - Dự án phát triển mở Đại Hùng Pha 3, Lô 05.1a, Chế tạo External Platform HĐ số 1610-2023/AECC/PVCMS ký ngày

16/10/2023, Thi công lắp ráp và hàn 8 ladle Hợp đồng số 1811-2023/AECC/PVCMS ký ngày 18/11/2023, Cung cấp cầu cảng neo đậu và dịch vụ hậu cần cho POS theo hợp đồng MDV/POS/23/107 ngày 16/5/2023...

PetroCons khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PetroCons có những bước tiến trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Toà nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Hiện tại, với mọi nguồn lực và nỗ lực, PetroCons tham gia đấu thầu tại các Dự án trọng điểm của Quốc gia và ngành như: Nhà máy Ô Môn 4, nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, san lấp mặt bằng dự án nâng cấp mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất. Năm 2025, PetroCons đã tham gia hiện đấu 32 gói thầu; trúng 8/32 gói với tổng giá trị khoảng 756 tỷ đồng. Thực hiện ký mới 19 Hợp đồng với tổng giá trị khoảng 1.012,6 tỷ đồng, sản lượng thực hiện khoảng 165,9 tỷ đồng.

Trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã thực hiện khởi công các công trình/dự án: Gói thầu Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Gói thầu mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn; Gói thầu T37, T23 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1. Thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư C&I (hệ thống DCS) cho NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2; Mua sắm bi nghiền đá vôi phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2.

PetroCons đã hoàn thành, bàn giao trong năm 2025 các gói thầu: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2-NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của NMNĐ Cao Ngạn (Thái Nguyên); Cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2; Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1. Hoàn thiện hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng số 158 và hợp đồng số 49 tại dự án Khu Đào tạo Quốc tế- Học viện An ninh Nhân dân.

Trên những chặng đường đã qua, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam và của đất nước. “Mục tiêu lớn, đòi hỏi những nỗ lực lớn” là mục tiêu toàn thể tập thể lãnh đạo và CBCNV của PetroCons đều thấu hiểu. Với nền tảng vững chắc đã tạo dựng trên chặng đường phát triển và sự quyết tâm của “người PetroCons”, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam quyết tâm tiếp tục khắc ghi những dấu ấn trên chặng đường mới, góp phần vào sự phát triển chung của Petrovietnam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

3.1 Ngành nghề:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PetroCons là doanh nghiệp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PetroCons trong 43 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.

- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.

- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PetroCons còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...

- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.

- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...

- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện.

c. Xây dựng dân dụng

PetroCons đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PetroCons còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới.

d. Sản xuất công nghiệp

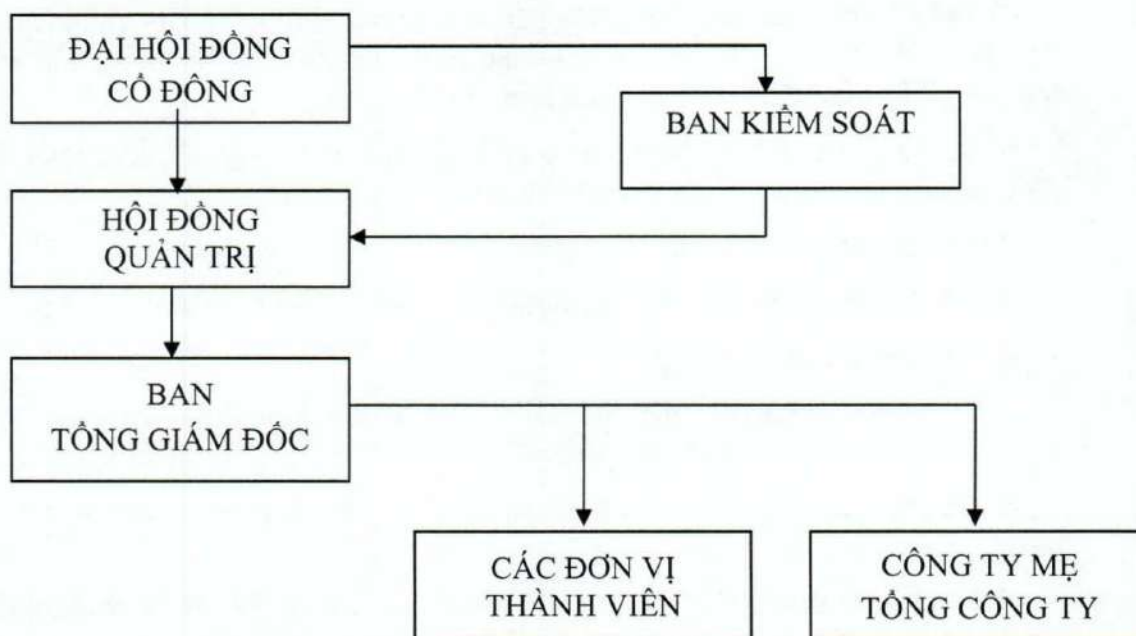
Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PetroCons chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí và hướng tới thi công các hạng mục điện hạt nhân).

3.2 Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của PetroCons bao gồm xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng trải rộng trong cả nước. Trong 2 năm gần đây tập trung doanh thu chủ yếu ở dự án NMNĐ Thái Bình 2 tại tỉnh Hưng Yên (tỉnh Thái Bình cũ) với tỷ trọng doanh thu chiếm 90% doanh thu Công ty mẹ PetroCons.

4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết, đầu tư tài chính:

Stt	Tên Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PetroCons	Lĩnh vực SXKD chính
I	Các Công ty con/chi phối				
1	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	600	50,97%	Khảo sát, tư vấn, thiết kế và bán buôn các thiết bị, máy móc liên quan công trình dầu khí; Gia công cơ khí, kinh doanh bất động sản và dịch vụ ...
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	Số 35G đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	200	51%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa; Thi công tác công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, các hệ thống công nghệ, bồn chứa, bồn chịu áp lực, bồn chứa khí hoá lỏng...
3	Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Số 35D đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	300	51%	Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng...; Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp; Đầu tư xây lắp các công trình Dầu khí; Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị...
4	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	Số 458 đường Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	450	72,22%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng nhà

					các loại, hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh BĐS...
5	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PetrCons-Dông Đô)	Tầng 2 tòa nhà Dolphin Plaza 28 Trần Bình - Mỹ Đình -Hà Nội	500	34,87%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh BĐS; XD các công trình kỹ thuật dân dụng khác; XD công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, kinh doanh bất động sản ...
6	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	Số 33, Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	365,5	46,51%	Gia công cơ khí; Thoát nước và xử lý nước thải; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, kinh doanh bất động sản ...
7	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Lô D khu đô thị Dầu khí, Ngõ Quyền, P1, Cà Mau	280,689	53,44%	Tư vấn lập hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản...
II Các Công ty liên kết, đầu tư tài chính					
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Số 1 ngõ 86 Chùa Hà - Hà Nội	300	35,83%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng trong và ngoài ngành dầu khí, sản xuất gia công kim loại; Kinh doanh bất động sản...
2	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Tầng 4 tòa nhà Sannam - phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	500	40%	Thi công xây dựng các công trình dầu khí, các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng, nền móng của toà nhà... Kinh doanh bất động sản...
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	Tầng 4 khách sạn Dầu khí, số 427 đường Đà Nẵng - P. Đông Hải 1 - Q.Hải An - Hải Phòng	136,732.5	42,46%	Kinh doanh khách sạn; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, khu công nghiệp, giao thông thủy lợi, khu đô thị, hạ tầng cơ sở...
4	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Tầng 10 tòa nhà PVFC Land - 38A đại lộ Lê Lợi - TP.Thanh Hóa	210	36%	Đầu tư xây dựng (khu công nghiệp, khu đô thị, văn phòng, khách sạn...); Kinh doanh bất động sản; Sản xuất VLXD, Cơ khí...
5	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	KĐT mới Đông Hương - TP.Thanh Hóa	190	30%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Hoạt động tổ chức các sự kiện; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Kinh doanh bất động sản...
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	Tầng 9 tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí	150	48,27%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình

	Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng - Lô A2.1 đường 30/4, Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng			dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...
7	Công ty Cổ phần thiết kế quốc tế Heerim PVC	P.1401 A2 khu Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Hà Nội	8,5	44%	Thiết kế, giám sát, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng...
8	Công ty Cổ phần TM và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petrolink)	Số 12 ngách 15/10 phố Pháo Đài Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	3,6	97,22%	Truyền thông, Tổ chức sự kiện, thương mại
9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC-ID)	Số 1 ngõ 86 Chùa Hà - Hà Nội	40	49,98%	Đầu tư xây dựng, trang trí nội ngoại thất công trình...
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PETROVIETNAMC	Nhà A2/07 Tòa nhà PETROVIETNAMC2-CT2, Số 6 đường Nguyễn Quốc Trị, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, Nghệ An	218,46	22,64%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng và công nghiệp; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	Số 02 Nguyễn Gia Thiều P6, Q3, TP.Hồ Chí Minh	350	24,72%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ kèm theo...
12	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	280 Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	150	15,67%	Thiết kế, xây dựng công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; trang trí nội ngoại thất, kinh doanh VLXD; Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng...
13	Công ty CP Tập đoàn Trường Sơn	Số 251A, đường Quang Trung, phường Phú Hải, Đông Hới, Quảng Bình	75,13	3,99%	Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; thủy lợi, đê kè, bến cảng, cầu cảng; san lấp mặt bằng; Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng...
14	Công ty CP xi măng Hạ Long	Xã Thống Nhất - Hoàn Bồ - Quảng Ninh	1.945,095	7,58%	Sản xuất, kinh doanh xi măng; Khai thác nguyên, nhiên vật liệu và các phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng...
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cảng và hạ tầng Việt Nam (VIPICO)	P1206 tòa nhà 17T2 KĐT Trung Hòa Nhân chính, Cầu Giấy, Hà Nội	250	5%	Sản xuất, mua bán gang thép; Khai thác và chế biến mua bán khoáng sản; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện; Mua bán VLXD, đồ trang trí nội, ngoại thất, thiết bị vệ sinh...
16	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4	A4 lô 11 Định Công, Hà Nội	25	10%	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Trang trí nội, ngoại thất công trình...

17	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Số 1 Đồng Tiến, cụm Công nghiệp An Xá, Nam Định	55,9	5%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất gia công cơ khí; San lắp mặt bằng...
18	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Tầng 5, P502, Số 60 Lê Trung Nghĩa, P12, Q. Tân Bình, TP.HCM	70	20,86%	Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị trong xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng...

5. Định hướng phát triển của PetroCons:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của PetroCons:

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại, phát huy có hiệu quả các nguồn lực, lợi thế hiện có của PetroCons và các đơn vị; thu gọn mô hình tổ chức SXKD, tập trung và ngành nghề kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Khôi phục hoạt động SXKD của PetroCons, đạt mục tiêu có lợi nhuận và có lộ trình hoàn vốn điều lệ; từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PetroCons trong lĩnh vực thi công xây lắp và các lĩnh vực kinh doanh khác của Tổng công ty.

- Xây dựng PetroCons trở thành một trong những đơn vị dịch vụ kỹ thuật có năng lực, trình độ kỹ thuật cao, Tổng thầu EPC lớn trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình dầu khí.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục xác định ngành nghề kinh doanh chính của PetroCons là thi công xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Trong đó, Công ty mẹ PetroCons là tổng thầu EPC các công trình, trực tiếp tổ chức quản lý, điều hành và triển khai các dự án mà PetroCons là tổng thầu/Nhà thầu.

- Sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả để có cơ cấu hợp lý, tập trung vào lĩnh vực, ngành nghề then chốt và các dự án trọng điểm, từng bước xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh tại thị trường trong nước và dần mở rộng ra thị trường ngoài nước.

- Chuẩn bị từng bước các nguồn lực, tài chính, kỹ thuật công nghệ và đặc biệt nguồn nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, nâng cao chất lượng công tác quản trị để sẵn sàng tham gia các dự án lớn, trọng điểm trong thời gian tới, đảm bảo tính chính xác, phù hợp khi xây dựng hồ sơ năng lực tham gia dự thầu.

- Tổ chức sắp xếp, thu gọn các đơn vị thành viên/các công ty con theo hướng chuyên môn hóa vào từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với chuỗi liên kết, ngành nghề kinh doanh của PetroCons, phân đấu các đơn vị thành viên tự chủ trong hoạt động SXKD không tạo sự cạnh tranh về thị trường giữa các đơn vị thành viên trong Tổng công ty.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030: Giữ vững nguồn việc ổn định, phát triển và tăng trưởng các chỉ tiêu sản lượng doanh thu. Từng bước đưa PetroCons trở thành đơn vị xây lắp chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong nước.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2031-2035: Tiếp tục giữ vững tỷ lệ tăng trưởng hàng năm, mở rộng thị trường ra ngoài nước. Khẳng định thương hiệu, uy tín của PetroCons trong lĩnh vực tổng thầu EPC thi công xây lắp trong nước.

6. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2025

6.1 Rủi ro từ bên ngoài:

- Rủi ro về kinh tế:

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, giá cả vật tư, vật liệu, nhiên liệu... cũng như chính sách phát triển đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của PetroCons nói riêng. Tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, không ổn định, khó lường; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm. Các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro; tỷ giá hối đoái, giá xăng dầu, nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động tiêu cực gây khó khăn cho hoạt động SXKD của các doanh nghiệp, đặc biệt là ngành xây dựng. Ngoài ra, PetroCons còn chịu ảnh hưởng từ những khó khăn trong công tác thu xếp vốn đầu tư, thu xếp mặt bằng của các chủ đầu tư dẫn đến nguồn hợp đồng xây dựng mới trên thị trường bị hạn chế.

- Rủi ro đặc thù:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của PetroCons là xây dựng - là ngành sản xuất kinh doanh phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro có thể kể đến như: rủi ro từ nguồn thanh toán của chủ đầu tư, rủi ro quản lý dòng tiền do dòng tiền đan chéo, phức tạp và phải xử lý linh hoạt, rủi ro phát sinh từ yếu tố cạnh tranh, rủi ro về nhân sự, rủi ro về an toàn lao động,...

- Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro trên, PetroCons cũng luôn phải đối mặt với các rủi ro không lường trước như thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, cháy nổ. Đây là những rủi ro hiếm xảy ra nhưng đòi hỏi doanh nghiệp luôn phải chủ động có phương án phòng ngừa, khắc phục rủi ro thông qua mua bảo hiểm cho nhân viên, tài sản,...

6.2 Rủi ro nội tại:

Bên cạnh những khó khăn khách quan của nền kinh tế, PetroCons còn tồn tại nhiều vướng mắc nội tại như: thiếu vốn, năng lực cạnh tranh thấp, nhiều tồn tại cũ vì nhiều lý do chưa thể giải quyết... làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 của PetroCons:

- Công tác trả nợ gốc và lãi vay đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn: Đến thời điểm 31/12/2025: số dư các khoản nợ vay ủy thác của PetroCons/các đơn vị thành viên phải trả Petrovietnam tại MBV là: Gốc vay ủy thác còn phải trả là 575,67 tỷ đồng, trong đó: các đơn vị sử dụng: 344,67 tỷ đồng; Công ty mẹ PetroCons sử dụng 230,99 tỷ đồng. Lãi vay PetroCons còn phải trả tính đến thời điểm 31/12/2025 là: 182,78 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90,079 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả lãi, gốc 92,7 tỷ đồng. Các tài sản/dự án hình thành từ nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn không phát huy được hiệu quả. Một số đơn vị của PetroCons đã chuyển nhượng/sử dụng vào mục đích khác, dẫn đến PetroCons khó có khả năng thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn.

- Đối với các công trình/dự án đã hoàn thành, đang chờ quyết toán như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch, dự án Ethanol, dự án PVTex,... khi quyết toán/bàn giao các Dự án/Hợp đồng đều tồn tại và tiềm ẩn các rủi ro liên quan đến việc cắt giảm khối lượng/thực hiện, ghi nhận tăng chi phí thực hiện theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Tiềm ẩn rủi ro về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán: Tổng các nghĩa vụ bảo lãnh của PetroCons đến nay là 266,846 tỷ đồng (trong đó: bảo lãnh vay vốn là 155,046 tỷ đồng, bảo lãnh thanh toán là 111,8 tỷ đồng).

- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PetroCons từ các khoản đầu tư tài chính: Hầu hết các đơn vị đều đối diện với việc kinh doanh thua lỗ trong các năm tiếp theo nên sẽ tiềm ẩn phải tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính bổ sung.

- Tiềm ẩn rủi ro trong trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PetroCons tại 31/12/2025 là 1.645,46 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 1.622,57 tỷ đồng và phải thu dài hạn là 22,89 tỷ đồng. Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi (ngắn hạn) là 876,93 tỷ đồng. PetroCons cũng đối diện với tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong các năm tiếp theo.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2025 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	Năm 2025		Tỷ lệ so sánh (%)	
			Kế hoạch	Thực hiện	TH/KH 2025	TH 2025/ TH 2024
A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
1	Giá trị SXKD					
	Hợp nhất	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	Công ty mẹ	261,84	332,00	160,02	48%	61%
2	Tổng doanh thu					
	Hợp nhất	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%
	Công ty mẹ	609,04	796,00	1.040,63	131%	171%
3	Lợi nhuận trước thuế					
	Hợp nhất	4,81	4,56	7,51	165%	156%
	Công ty mẹ	4,12	3,72	10,53	283%	255%
4	Lợi nhuận sau thuế					
	Hợp nhất	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	Công ty mẹ	4,12	3,72	10,53	283%	255%

- Tình hình sản xuất kinh doanh của tổ hợp Tổng công ty: các chỉ tiêu kế hoạch Giá trị SXKD - Doanh thu - Lợi nhuận trước thuế năm 2025 đều có kết quả hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và có sự tăng trưởng so với năm 2024.

- Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ Tổng công ty:

+ Đối với chỉ tiêu Giá trị SXKD Công ty mẹ không hoàn thành kế hoạch năm và giảm so với thực hiện năm 2024 phần lớn nguyên nhân từ sự thiếu hụt phần sản lượng dự kiến từ dự án Khu nhà ở CBCNV Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (kế hoạch 108 tỷ đồng) và dự án NMSX Oxy già (kế hoạch 70 tỷ đồng) do đến nay 02 dự án này lùi thời hạn đấu thầu. Trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã tích cực tham gia dự thầu nhiều gói thầu và đã ký thêm nhiều hợp đồng thi công, mua sắm, lắp đặt mới và 01 hợp đồng ủy thác nhập khẩu thiết bị với tổng giá trị hơn 548 tỷ đồng. Tuy nhiên vẫn chưa đủ bù đắp sản lượng kế hoạch từ các dự án bị giãn tiến độ nêu trên do các hợp đồng lớn tại dự án NMNĐ Long Phú 1 và hợp đồng Thi công Xử lý nền và san lấp trạm Mũi Tràm và Trạm An Minh- Đường ống Lô B- Ô Môn triển khai chậm so với dự kiến.

+ Doanh thu của Công ty mẹ năm 2025 đạt vượt mức kế hoạch đề ra và tăng trưởng 71% so với năm 2024 chủ yếu do trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành ký biên bản quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 với Chủ đầu tư, qua đó ghi nhận toàn bộ giá trị doanh thu còn lại của dự án. Bên cạnh đó, doanh thu của Công ty mẹ còn có được từ công tác triển khai thực hiện các công trình khác trong năm 2025, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

+ Lợi nhuận của Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận gộp từ hoạt động SXKD 24,19 tỷ đồng; từ hoạt động tài chính 30,67 tỷ đồng; từ các hoạt động khác 5,45 tỷ đồng; hoàn nhập trích lập dự phòng phải thu khó đòi 1,3 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty mẹ PetroCons thực hiện hạch toán các khoản chi phí quản lý của Cơ quan Công ty mẹ 44,01 tỷ đồng, chi phí quản lý của các Ban ĐHDA/ Chi nhánh thuộc Công ty mẹ 7,07 tỷ đồng.

+ Lũy kế của Công ty mẹ đến thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng.

+ Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PetroCons tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, gồm 5 thành viên, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức danh	Tỷ lệ đại diện vốn của Tập đoàn
1	Trần Quốc Hoàn	1973	Nghệ An	phường Liễu Giai, quận Ba Đình, Hà Nội	Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân ngoại ngữ - Tiếng Anh	Tổng giám đốc	0
2	Nguyễn Văn Đồng	1965	Bình Định	Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Phó Tổng giám đốc	0

3	Bùi Sơn Trường	1970	Nghệ An	Phường Thanh Xuân, Hà Nội	Thạc sĩ QTKD Kỹ sư - ngành cơ khí chế tạo máy	Phó Tổng giám đốc	0
4	Phạm Trung Kiên	1978	Bắc Ninh	Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	Kỹ sư Máy và thiết bị công nghiệp Hoá chất - Dầu khí	Phó Tổng giám đốc	0
5	Vũ Minh Công	1979	Nam Định	Thành phố Hồ Chí Minh.	Cử nhân Kinh tế	Kế toán trưởng	0

- Năm 2025, Ban điều hành không có thay đổi nhân sự.

- Số lượng CBCNV: Tổng số CBCNV tính đến 31/12/2025 của PetroCons là 1.311 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 153 người.

Năm 2025, PetroCons thực hiện việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn số 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ nội vụ.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn bao gồm đầu tư tài chính, đầu tư các dự án:

- Đầu tư các dự án: Năm 2025, PetroCons và các đơn vị thành viên không thực hiện đầu tư dự án.

- Đầu tư tài chính: Năm 2025, Công ty mẹ PetroCons không thực hiện đầu tư tài chính.

Giảm vốn đầu tư/vốn góp: Trên cơ sở Nghị quyết số 115/NQ-XLKD ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty, PetroCons đã thực hiện ghi giảm giá trị đầu tư góp vốn tại PVC-Kinh Bắc 21 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31/12/2025, Công ty mẹ PetroCons có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.305,55 tỷ đồng. Trong đó: tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng; 11 đơn vị đơn vị liên kết là 735,45 tỷ đồng và 07 đơn vị đầu tư tài chính là 185,20 tỷ đồng.

Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2025 là 1.823,03 tỷ đồng bằng 79,07% tổng giá trị đầu tư tài chính của PetroCons. Trong năm 2025, PetroCons đã hạch toán hoàn nhập chi phí trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với tổng giá trị 12,44 tỷ đồng. Bao gồm: (i) Trích lập bổ sung cho các đơn vị thua lỗ 31,37 tỷ đồng, (ii) Hoàn nhập trích lập 43,81 tỷ đồng (hoàn nhập toàn bộ giá trị đã trích lập 32,54 tỷ đồng cho khoản vốn góp tại PVC- Bình Sơn sau khi thẩm định giá trị thị trường của doanh nghiệp).

b) Tóm tắt hoạt động các công ty con, công ty liên kết:

- Các công ty con:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PetroCons	Doanh thu năm 2025	Lợi nhuận sau thuế năm 2025

TT	Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PetroCons	Doanh thu năm 2025	Lợi nhuận sau thuế năm 2025
1	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	600	50,97%	947,40	14,78
2	CTCP Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	300	51,00%	23,21	0,50
3	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	200	51,00%	121,32	1,80
4	CTCP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	365,50	46,51%	35,61	0,33
5	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) (*)	280,69	53,44%	-	-
6	CTCP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	450	72,22%	61,24	(39,18)
7	CTCP Dầu khí Đông Đô (PetroCons Đông Đô)	500	34,87%	145,48	7,35

- Các công ty liên kết:

Hiện PetroCons có 11 công ty liên kết với tổng giá trị đầu tư góp vốn là 735,45 tỷ đồng. Lũy kế trích lập giảm giá đầu tư tài chính tại các công ty liên kết đến thời điểm 31/12/2025 là 706,32 tỷ đồng bằng 96% tổng giá trị đầu tư. Trong năm 2025, phần lớn các đơn vị liên kết của PetroCons có kết quả kinh doanh tiếp tục thua lỗ dẫn đến lỗ lũy kế lớn. Năng lực tiếp thị đấu thầu không có, không có nguồn việc hoặc nguồn việc rất hạn chế. Một số đơn vị trước kia có lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính là đầu tư kinh doanh bất động sản đến nay vẫn tiếp tục phải chịu các chi phí tài chính, khấu hao đối với các bất động sản tồn đọng chưa thể thoái vốn/ thu hồi vốn đầu tư.

- Đối với các khoản đầu tư tài chính khác:

Đến thời điểm báo cáo, PetroCons chưa nhận được BCTC năm 2025 của các đơn vị đầu tư tài chính.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ Tiêu (Báo cáo Tài chính Công ty Mẹ)	Năm 2025	Năm 2024	% TH/KH
A	1	2	3=1/2
1. Tổng giá trị tài sản	4.248.313.363.931	4.326.672.249.883	98%
2. Doanh thu thuần	1.040.632.574.493	609.044.259.665	171%

3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	5.080.567.276	(35.862.555.256)	
4. Lợi nhuận khác	5.445.907.342	39.983.446.416	14%
5. Lợi nhuận trước thuế	10.526.474.618	4.120.891.160	255%
6. Lợi nhuận sau thuế	10.526.474.618	4.120.891.160	255%
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-	
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

Chỉ tiêu	Báo cáo Tài chính Công ty mẹ		
	31/12/2025	31/12/2024 (điều chỉnh sau kiểm toán)	Chênh lệch (cuối kỳ - đầu kỳ)
TÀI SẢN	1	2	3=1-2
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	2.828.165.643.136	3.638.934.763.990	(810.769.120.854)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	185.725.106.002	354.571.200.087	(168.846.094.085)
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	189.752.688.190	154.509.326.478	35.243.361.712
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	1.622.574.306.650	1.632.922.337.631	(10.348.030.981)
IV. Hàng tồn kho	771.647.894.657	1.383.604.585.419	(611.956.690.762)
V. Tài sản ngắn hạn khác	58.465.647.637	113.327.314.375	(54.861.666.738)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	1.420.147.720.795	687.737.485.893	732.410.234.902
I. Các khoản phải thu dài hạn	22.893.210.988	22.893.210.988	0
II. Tài sản cố định	9.840.937.675	10.497.124.460	(656.186.785)
1. Tài sản cố định hữu hình	9.595.937.665	10.152.124.454	(556.186.789)
2. Tài sản cố định vô hình	245.000.010	345.000.006	(99.999.996)
III. Bất động sản đầu tư	24.089.000.000		24.089.000.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	167.308.721.200	158.163.600.046	9.145.121.154
V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.191.490.011.281	490.360.967.556	701.129.043.725
VI. Tài sản dài hạn khác	4.525.839.651	5.822.582.843	(1.296.743.192)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.248.313.363.931	4.326.672.249.883	(78.358.885.952)
NGUỒN VỐN			

Chỉ tiêu	Báo cáo Tài chính Công ty mẹ		
	31/12/2025	31/12/2024 (điều chỉnh sau kiểm toán)	Chênh lệch (cuối kỳ - đầu kỳ)
C. NỢ PHẢI TRẢ	3.951.612.858.730	4.040.498.219.300	(88.885.360.570)
I. Nợ ngắn hạn	3.790.579.194.052	3.874.354.502.480	(83.775.308.428)
II. Nợ dài hạn	161.033.664.678	166.143.716.820	(5.110.052.142)
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	296.700.505.201	286.174.030.583	10.526.474.618
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	296.700.505.201	286.174.030.583	10.526.474.618
1. Vốn góp của chủ sở hữu	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	0
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu			0
5. Cổ phiếu quỹ	(29.710.000)	(29.710.000)	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			0
8. Quỹ đầu tư phát triển	76.986.992.734	76.986.992.734	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	500.000.000	500.000.000	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa PP	(3.780.756.777.533)	(3.791.283.252.151)	10.526.474.618
- LNST chưa PP l. kể đến c.kỳ trước	(3.791.283.252.151)	(3.795.404.143.311)	4.120.891.160
- LNST chưa phân phối kỳ này	10.526.474.618	4.120.891.160	6.405.583.458
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát			0
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>			0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.248.313.363.931	4.326.672.249.883	(78.358.885.952)

4.2 Các chỉ tiêu đánh giá tài chính chủ yếu (Công ty mẹ - Tổng công ty)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
A	1	2	3
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,75	0,94	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,54	0,58	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,93	0,91	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	13,32	12,97	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	1,27	1,29	
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu Thuần/Tổng tài sản BQ	0,14	0,14	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	0,01	0,04	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu	0,35	0,11	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Tổng tài sản	0,002	0,001	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.01	0.01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Vốn điều lệ của PetroCons là: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ Tổng công ty được chia thành 400.000.000 (Bốn trăm triệu) cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

Mã cổ phiếu: PVX. Hiện đang giao dịch trên sàn UpCoM (HNX)F.

Tất cả các cổ phần của PetroCons đều là cổ phần phổ thông và được tự do chuyển nhượng.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Trong 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn) vốn điều lệ; Vốn nhà nước do PETROVIETNAM nắm giữ là 2.178.733.330.000 đồng, tương đương 217.873.333 cổ phần, chiếm 54,47%.

* 03 thành viên HĐQT là Người đại diện quản lý vốn của Tập đoàn tại PetroCons là:

+ Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL tương đương 100.000.000 cổ phần.

+ Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL tương đương 60.000.000 cổ phần.

+ Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc đại diện quản lý 14,47% VDL tương đương 57.873.333 cổ phần.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm 2025, PetroCons không thay đổi giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Lịch sử và các đợt tăng vốn kể từ khi thành lập/cổ phần hóa đến 31/12/2025:

Tiền thân của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam là *Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí*, được thành lập ngày 14/9/1983, theo quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983).

Năm 2007, Petrovietnam ban hành Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

21/11/2007 Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí với Vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

27/6/2008 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.

16/5/2009 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty thông qua kế hoạch niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

19/8/2009 Tổng công ty hiện niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

20/01/2010 Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

PetroCons tăng vốn điều lệ từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 23/4/2011 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011. Kết quả đợt tăng vốn: VDL của PetroCons là 4.000 tỷ đồng.

- Vốn điều lệ qua các năm:

- + Năm 2007: 150 tỷ đồng.
- + Năm 2008: 1.500 tỷ đồng.
- + Năm 2009: 1.500 tỷ đồng.
- + Năm 2010: 2.500 tỷ đồng.
- + Năm 2011: 2.500 tỷ đồng.
- + Năm 2012 đến nay: 4.000 tỷ đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PetroCons

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát khí thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không đáng kể.

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: hưởng ứng các chương trình giảm thiểu phát thải khí nhà kính của Chính phủ như tăng cường sử dụng phương tiện vận tải tập thể, đường biển, phương tiện vận tải sử dụng nhiên liệu sinh học và điện.

Trong các thiết kế và xây dựng: sử dụng vật liệu thân thiện môi trường, gạch không nung, giảm ứng dụng nhôm kính kim loại nặng,,,

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:

- Sắt thép các loại: 6.943 tấn;
- Vật tư sơn và làm sạch: 7.070 lít;
- Vật tư thép: 136 tấn;
- Grating: 298 m²;
- Ván khuôn: 1.347 m²;
- Bê tông các loại: 2.324 m³;
- Bê tông nhựa đường: 37 tấn;
- Vữa Xi măng: 580 m³;
- Xi măng: 400 tấn;
- Sika: 8 tấn;

- Khí ga:	5.477 kg;
- Bột giặt:	931 kg;
- Nước tẩy:	855 lít;
- Cát:	1.136 m ³ ;
- Đá các loại:	901 m ³ ;
- Gạch xây:	714 m ³ ;
- Gạch lát:	2.702 m ² ;
- Sơn:	5.500 lít;
- Dung môi	230 lít;
- Cốp pha các loại:	208 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức: 0%

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ điện năng: 6.183.843 kWh;
- Dầu Diezen/xăng: 577.281 lít.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này: không có.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 63.983 m³
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: tính đến 31/12/2025, Tổng số CBCNV của PetroCons là 1.311 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 153 người..

- Thu nhập bình quân đầu người trong toàn Tổng công ty năm 2025 đạt 17,8 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi: Thực hiện nghiêm túc công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, người lao động.

c) Hoạt động đào tạo: Năm 2025, Tổng công ty triển khai thực hiện đào tạo 1.452 lượt người với tổng chi phí đào tạo là 1,52 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ PetroCons cử 197 lượt người tham gia các khóa đào tạo với chi phí đào tạo là 730 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu, cụ thể:

Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu:

- Thực hiện nghiêm túc công tác Quân sự, An ninh - Quốc phòng, Dân quân tự vệ. Tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ, tham gia công tác giáo dục bồi dưỡng kiến thức ANQP, huấn luyện quân sự và các hoạt động Quốc phòng khác tại địa phương.

- Phối hợp với Công an địa phương thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ An ninh - Tổ quốc trong năm 2025.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Bám sát theo các tiêu chuẩn quốc tế (như ICMA) và các quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP:

(1) Thứ nhất: nâng cao nhận thức về các vấn đề phát triển bền vững để doanh nghiệp biết cần làm gì trong lĩnh vực của mình và trong thị trường vốn.

(2) Thứ hai: nghiên cứu để xây dựng các bộ tiêu chuẩn; căn cứ vào đó xác định chuẩn đầu tư xanh nói chung.

(3) Thứ ba: tăng cường công bố thông tin vì nhà đầu tư luôn muốn có thông tin để đảm bảo khoản đầu tư của mình được sử dụng đúng mục đích.

Trước mắt, PetroCons nhận thức định kỳ, thường xuyên lập kế hoạch SXKD, bám sát thực hiện kế hoạch đã được Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua hằng năm. PetroCons xây dựng chiến lược phát triển với tầm nhìn ngắn hạn và dài hạn, kịp thời điều chỉnh kế hoạch và chiến lược để thích nghi các thay đổi về vi mô và vĩ mô của nền kinh tế, của ngành và của nội tại doanh nghiệp để giữ cho doanh nghiệp phát triển bền vững nhất có thể.

Ngoài ra, PetroCons luôn tuân thủ Luật, Nghị định và các Thông tư liên quan đến các lĩnh vực hoạt động, đặc biệt là lĩnh vực Tài chính, chứng khoán để minh bạch thông tin, minh bạch số liệu và sức khỏe doanh nghiệp nhằm tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư và phục vụ các công tác quản lý của Nhà nước, quản trị của Doanh nghiệp.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

- Các chỉ tiêu kinh tế:

+ Về chỉ tiêu giá trị sản xuất kinh doanh: Toàn tổ hợp thực hiện 1.555,50 tỷ đồng đạt 116% kế hoạch năm 2025 và bằng 158% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, Công ty mẹ thực hiện 160,02 tỷ đồng đạt 48% kế hoạch năm 2025 và bằng 61% so với thực hiện năm 2024.

+ Về chỉ tiêu doanh thu: Toàn tổ hợp thực hiện 2.274,02 tỷ đồng đạt 133% kế hoạch năm 2025 và bằng 173% so với thực hiện năm 2024. Trong đó, Công ty mẹ

thực hiện 1.040,63 tỷ đồng đạt 131% kế hoạch năm 2025 và bằng 171% so với thực hiện năm 2024.

+ Về chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: Toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng.

+ Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế: Toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng.

+ Lũy kế của Công ty mẹ đến thời điểm 31/12/2025 là 3.780,76 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PetroCons tại thời điểm 31/12/2025 là 296,70 tỷ đồng.

- Đánh giá kết quả SXKD năm 2025 của Toàn tổ hợp lãi chủ yếu do: Năm 2025, trong 7 đơn vị thành viên, có 05/7 đơn vị có lãi với tổng giá trị 24,76 tỷ đồng (PVC-MS lãi 14,77 tỷ đồng, DOBC lãi 1,8 tỷ đồng, PVC-Bình Sơn lãi 0,33 tỷ đồng và PetroCons- Đông Đô lãi 7,35 tỷ đồng, PVC-IC lãi 0,50 tỷ đồng); 02 đơn vị còn lại thua lỗ với tổng giá trị lỗ 39,17 tỷ đồng (PVC-Thái Bình lỗ 39,17 tỷ đồng, và PVC-Mekong lỗ). Tổng lợi nhuận của các đơn vị thành viên lỗ 14,4 tỷ đồng, cộng với khoản lãi từ Công ty mẹ 10,526 tỷ đồng nên toàn tổ hợp sau loại trừ lãi 7,51 tỷ đồng trước thuế và 0,76 tỷ đồng sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Một số kết quả tích cực đã đạt được của PetroCons trong năm 2025:

+ Trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã thực hiện khởi công các công trình/dự án: Gói thầu Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Gói thầu mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của nhà máy Nhiệt điện Cao Ngạn; Gói thầu T37, T23 Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1. Thực hiện các hợp đồng mua sắm vật tư C&I (hệ thống DCS) cho NMNĐ Sông Hậu 1 và NMNĐ Thái Bình 2; mua sắm bi nghiền đá vôi phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2025 của NMNĐ Thái Bình 2.

+ PetroCons cũng đã hoàn thành, bàn giao các gói thầu: Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2- NMNĐ Thái Bình 2; Cung cấp, lắp đặt Bơm nước cấp 1A của NMNĐ Cao Ngạn (Thái Nguyên); Cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2; Nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí; Thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1.

+ Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: đã ký Biên bản quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ngày 24/6/2025 và ghi nhận toàn bộ doanh thu phần còn lại của dự án. Trên cơ sở Biên bản Quyết toán Hợp đồng EPC đã ký giữa Ban QLDA - Tổng thầu PetroCons và Biên bản Điều chỉnh giá trị quyết toán Hợp đồng Tổng thầu EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 ký ngày 24/10/2025, PetroCons đang tiếp tục phối hợp với các Nhà thầu phụ để hoàn thiện các thủ tục thanh/quyết toán Hợp đồng thầu phụ.

+ Tăng cường công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm nguồn việc bổ sung cho các năm sau. Kết quả, trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã trúng thầu và thực hiện ký kết nhiều hợp đồng thi công, mua sắm, lắp đặt mới và 01 hợp đồng ủy thác nhập khẩu thiết bị với tổng giá trị hơn 548 tỷ đồng. Tại các đơn vị thành viên đã ký kết nhiều hợp đồng/phụ lục hợp đồng với tổng giá trị khoảng 3.500 tỷ đồng.

+ PetroCons đã thực hiện rà soát lại toàn bộ thực trạng, tình hình thực hiện công tác tái cơ cấu Công ty mẹ và các đơn vị thành viên có tiềm lực. Qua đó đưa ra các giải pháp nhằm tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh để đến hết năm 2025 giải quyết tối đa các vướng mắc, tồn tại của Công ty mẹ và tại các đơn vị thành viên, từng bước khôi phục lại hoạt động SXKD, nâng cao cơ hội thoái vốn.

+ Trong công tác tái cơ cấu, PetroCons tiếp tục rà soát nhằm xây dựng đề án tái cơ cấu giai đoạn 5 năm 2026-2030. Năm 2025, PetroCons đã triển khai các công tác liên quan đến chuyển nhượng phần vốn góp của PetroCons tại PVC-Bình Sơn. Tuy nhiên đợt chào bán cổ phần của PetroCons tại PVC-Bình Sơn trong tháng 12/2025 không thành công. Công tác thoái vốn tại PVC-Bình Sơn sẽ tiếp tục triển khai thực hiện khi có được sự quan tâm của nhà đầu tư với mức giá đề xuất nhận chuyển nhượng tiệm cận với giá trị doanh nghiệp để đảm bảo công tác thẩm định giá và chuyển nhượng được thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty.

+ Đối với khu đất 3.400m² tại thị trấn Tam Đảo, PetroCons đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và nhận giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đứng tên chủ quyền và ghi nhận tăng tài sản đối với thửa đất theo Nghị quyết 115/NQ-XLTK ngày 24/9/2025 của HĐQT Tổng công ty. PetroCons đã phê duyệt phương án và kế hoạch đấu giá khu đất Tam Đảo. Hiện PetroCons đang triển khai các thủ tục tổ chức đấu giá tài sản.

+ Trong năm 2025, PetroCons đã tích cực phối hợp với các đơn vị tư vấn luật thực hiện các công tác pháp chế nhằm bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của PetroCons.

- Về công tác tổ chức đại hội cổ đông thường niên: PetroCons và các đơn vị thành viên đã thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo đúng kế hoạch và quy định của Luật doanh nghiệp.

2. Tình hình tài chính (Công ty mẹ)

2.1. Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản tại 31/12/2025 là 4.248,313 tỷ đồng giảm 78,358 tỷ đồng so với cuối kỳ năm 2024 do các chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn giảm và tài sản dài hạn tăng, cụ thể: tài sản ngắn hạn giảm 810,769 tỷ đồng từ 3.638,934 tỷ đồng xuống 2.828,165 tỷ đồng; tài sản dài hạn tăng 732,410 tỷ đồng từ 687,737 tỷ đồng lên 1.420,147 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn tại 31/12/2025 là 4.248,313 tỷ đồng giảm 78,358 tỷ đồng so với cuối kỳ năm 2024 do các chỉ tiêu Nợ phải trả giảm và Vốn chủ sở hữu tăng. Chỉ tiêu Nợ phải trả giảm 88,885 tỷ đồng từ 4.040,498 tỷ đồng xuống 3.951,612 tỷ đồng; Chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu tăng 10,526 tỷ đồng từ 286,174 tỷ đồng lên 296,700 tỷ đồng.

- Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ PetroCons năm 2025 lãi 10,526 tỷ đồng. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối giảm tương ứng. Tại 31/12/2025, lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ PetroCons là 3.780,756 tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 biến động so với cuối kỳ năm 2024 do các các chỉ tiêu sau:

+ Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tiền và các khoản tương đương tiền) giảm trong kỳ là 168,84 tỷ đồng từ 354,571 tỷ đồng xuống 185,72 tỷ đồng (trong đó: Tiền mặt là 0,438 tỷ đồng; tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 96,98 tỷ

đồng, tiền gửi có kỳ hạn là 88,3 tỷ đồng). Các nguồn thu và chi năm 2025 của PetroCons được trình bày chi tiết tại Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ - Mẫu số B03-DN – Báo cáo tài chính Công ty mẹ.

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn của PetroCons tại 31/12/2025 là 189,752 tỷ đồng, tăng 35,243 tỷ đồng so với cuối kỳ năm 2024.

+ Tại 31/12/2025, giá trị đầu tư tài chính dài hạn của PetroCons là 1.191,490 tỷ đồng, tăng 701,129 tỷ đồng so với cùng kỳ. Trong đó: tổng giá trị đầu tư vào các công ty thành viên là 2.305,954 tỷ đồng; vào 7 công ty con là 1.384,909 tỷ đồng; 11 công ty liên doanh liên kết: 735,449 tỷ đồng; đầu tư vào 6 công ty khác là 170,595 tỷ đồng. Do kết quả kinh doanh tại các công ty thành viên cũng không hiệu quả, lỗ lũy kế kéo dài nên PetroCons đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn lũy kế đến 31/12/2025 là 1.823,03 tỷ đồng, giảm 12,44 tỷ đồng so với số trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cuối năm 2024.

+ Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 10,348 tỷ đồng từ 1.632.922 tỷ đồng tại 31/12/2024 xuống 1.622,574 tỷ đồng tại 31/12/2025. Số liệu này biến động chủ yếu do giảm phải thu ngắn hạn tại Ban Quản lý Dự án NMNĐ Thái Bình 2 là 95 tỷ đồng, các khoản phải thu khách hàng khác tăng 51,19 tỷ đồng.

AASC đánh giá, trong 1.043 tỷ đồng các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi tại 31/12/2025 thì có 166,81 tỷ đồng có khả năng thu hồi. Số còn lại khó có khả năng thu hồi.

+ Tài sản ngắn hạn khác trong kỳ giảm 54,861 tỷ đồng so với cuối kỳ 2024. Hiện tài sản ngắn hạn khác là 58,465 tỷ đồng.

+ Hàng tồn kho trong kỳ giảm 611,956 tỷ đồng từ 1.383,604 tỷ đồng tại 31/12/2024 xuống 771,647 tỷ đồng tại 31/12/2025. Nguyên nhân chính do biến động bởi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

+ Tài sản dở dang dài hạn của PetroCons có biến động trong kỳ, tại 31/12/2025 và cuối kỳ năm 2024 tăng 9,14 tỷ đồng. Hiện tài sản dở dang dài hạn là 167,30 tỷ đồng.

+ Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình: Trong kỳ, PetroCons cũng ghi giảm TSCĐ do khấu hao. Như vậy, tại 31/12/2025, nguyên giá TSCĐ Tổng công ty đang ghi nhận với giá trị là 50,296 tỷ đồng và giá trị còn lại (GTCL) là 9,59 tỷ đồng.

+ TSCĐ vô hình của PetroCons giảm 100 triệu đồng trong kỳ. Nguyên nhân TSCĐ giảm do Tổng công ty ghi nhận thêm giá trị khấu hao trong kỳ; giá trị KH lũy kế đến 31/12/2025 là 5,26 tỷ đồng và GTCL của TS vô hình là 245 triệu đồng.

+ Vay và nợ thuê tài chính: Tại ngày 31/12/2025, dư vay và nợ thuê tài chính của PetroCons là 575,67 tỷ đồng (Vay MBV dài hạn đến hạn trả - vay ủy thác: 575,67 tỷ đồng). Tất cả các khoản vay và nợ thuê tài chính đều được đánh giá là có khả năng trả nợ.

+ Các khoản phải trả người bán ngắn hạn tại 31/12/2025 là 2.403,857 tỷ đồng giảm 180,70 tỷ đồng so với cuối kỳ 2024. PetroCons đánh giá là có khả năng trả các khoản nợ này.

+ Doanh thu tại thời điểm 31/12/2025:

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tăng 25,25 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2024. Có giá trị là 26,699 tỷ đồng.

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn giảm 5,11 tỷ đồng từ 50,632 tỷ đồng tại 31/12/2024 xuống 45,522 tỷ đồng tại 31/12/2025.

+ Doanh thu hoạt động SXKD năm 2025 tại Công ty mẹ đã thực hiện là 1.040,6 tỷ đồng, trong đó: doanh thu hoạt động xây lắp là 1.003,01 tỷ đồng, doanh thu hoạt động tài chính: 29,23 tỷ đồng; thu nhập khác là 8,37 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động SXKD năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm trước 431,588 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động xây lắp tăng 472,656 tỷ đồng, doanh thu tài chính giảm 8,7 tỷ đồng, thu nhập khác giảm 32,33 tỷ đồng.

+ Giá vốn hàng bán tại 31/12/2025 là 978,823 tỷ đồng (trong đó chủ yếu từ hoạt động xây lắp), tăng 436,96 tỷ đồng so với giá vốn hàng bán cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí quản lý của Công ty mẹ năm 2025 là 49,78 tỷ đồng;

+ Kết quả kinh doanh năm 2025 của Công ty mẹ PetroCons: Công ty mẹ lãi 10,526 tỷ đồng.

Theo BCTC công ty Mẹ tại 31/12/2025 đã được kiểm toán, Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 962,41 tỷ đồng. PetroCons đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025 (Cuối kỳ)	01/01/2025 (đầu kỳ)	Chênh lệch (cuối kỳ - đầu kỳ)
NỢ PHẢI TRẢ	3.951.612.858.730	4.040.498.219.300	(88.885.360.570)
I. Nợ ngắn hạn	3.790.579.194.052	3.874.354.502.480	(83.775.308.428)
II. Nợ dài hạn	161.033.664.678	166.143.716.820	(5.110.052.142)

+ Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2025 là 3.790 tỷ đồng trong đó:

(1) phải trả người bán ngắn hạn là 3.403 tỷ đồng (số có khả năng trả nợ là 100% dư nợ. Công nợ phải trả công ty DL E&C Co, Ltd là 1.044 tỷ đồng chiếm 46%/tổng nợ phải trả người bán: Tổng công ty và công ty DL E&C Co, Ltd đang tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, hai bên đang đàm phán để giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hòa giải);

(2) người mua trả tiền trước ngắn hạn là 222 tỷ đồng;

(3) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước còn phải nộp tại 31/12/2025 là 4,46 tỷ đồng (số phải nộp trong năm là 17,8 tỷ đồng, số đã thực nộp trong năm là 15,8 tỷ đồng);

(4) doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là 26,699 tỷ đồng.

(5) Phải trả ngắn hạn khác là 422,93 tỷ đồng. Trong đó chủ yếu từ dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là 137,94 tỷ đồng; phải trả MBV là 182,7 tỷ đồng; phải trả Petrovietnam là 54 tỷ đồng.

+ Vay ngắn hạn ngân hàng là 42,744 tỷ đồng tại BIDV phục vụ bổ sung VLD và bảo lãnh mở LC.

+ Vay và nợ đến hạn trả là 575,67 tỷ đồng. Đây là khoản vay ủy thác (vay dài hạn, vay quá hạn chưa thanh toán) tại MBV từ 03 hợp đồng đầu tư vào các DN. Tổng công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 962,41 tỷ đồng. PetroCons đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

+ Nợ dài hạn tại 31/12/2025 là 161 tỷ đồng, trong đó Chi phí phải trả dài hạn là 115,497 tỷ đồng và doanh thu chưa thực hiện dài hạn là 45,522 tỷ đồng.

+ Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Tại 31/12/2025	Tại 31/12/2024	Tăng giảm so với cùng kỳ
Nợ phải trả trên VCSH	Lần	13,32	14,12	-0,80
Khả năng thanh nợ đến hạn	Lần	0,75	0,94	-0,19
Hệ số th. toán nợ tổng quát	Lần	1,08	1,07	0,004

Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu: Nợ phải trả đang chiếm tỷ lệ rất lớn so với vốn chủ sở hữu, PetroCons gặp khó khăn lớn về khả năng thanh toán nợ phải trả.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Tài sản ngắn hạn đang nhỏ hơn Nợ ngắn hạn. Điều này dẫn đến, trong ngắn hạn, PetroCons gặp khó khăn trong việc thanh toán cho các khoản nợ đến hạn. Trường hợp các chủ nợ đồng loạt đòi nợ thì doanh nghiệp sẽ mất khả năng thanh toán và đối diện yêu cầu phá sản từ các chủ nợ.

Khả năng thanh toán nợ tổng quát (khả năng thanh toán hiện thời) = 1,08 lần phản ánh việc Tổng công ty gặp khó khăn thanh toán tại thời điểm báo cáo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2025, về cơ bản, PetroCons không có thay đổi về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

PetroCons vẫn tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng số vào trong các mặt sản xuất kinh doanh và trong công tác điều hành, quản lý và vận hành bộ máy như nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản lý công văn, tài liệu (idoc), nâng cấp website.

Về quản lý tiền lương, lao động: triển khai thực hiện điều chỉnh nhân sự, phân công nhiệm vụ, chuyển xếp lương, đánh giá xếp lương trên cơ sở đánh giá KPI cá nhân, đảm bảo đúng công việc đảm nhiệm, năng lực và hiệu suất công việc; minh bạch, khách quan, phù hợp quy định của Nhà nước và của Tập đoàn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trong ngắn hạn, Ban Lãnh đạo PetroCons có kế hoạch tiếp tục triển khai các công tác sau:

+ Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu; củng cố, phát triển nguồn nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... để hoàn thành hồ sơ năng lực. Tích cực, chủ động tham gia đấu thầu tìm kiếm nguồn việc đảm bảo nguồn công việc cho năm 2026 và các năm tiếp theo.

+ Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, tổ chức triển khai thi công một cách khoa học, rút ngắn tối đa tiến độ thi công tại các dự án nhưng vẫn đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

+ Tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng các đơn vị thành viên của PetroCons trên toàn bộ các lĩnh vực hoạt động SXKD, tài chính, cơ cấu tổ chức, con người, tài sản, máy móc thiết bị,... qua đó xác định vị thế và xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, tái cơ cấu đơn vị dựa trên năng lực thực tế. Trên cơ sở rà soát đánh giá từng đơn vị, PetroCons sẽ thực hiện xem xét, định hướng sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế.

+ Hoàn thiện dứt điểm các thủ tục, hồ sơ còn thiếu và phối hợp với các bên để giải quyết các vướng mắc trong công tác quyết toán các Dự án tồn đọng (Dự án Liên hợp Lọc hóa Dầu Nghi Sơn, Dự án NMNĐ Thái Bình 2, Dự án TTĐL Quảng Trạch, Dự án Viện dầu khí phía Nam, Dự án NMĐ Sông Hậu 1).

+ Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi vốn, thu hồi, xử lý/bù trừ các khoản công nợ nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

+ Xúc tiến, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyền lợi của PetroCons/PVN liên quan đến phương án thu hồi chi phí đã đầu tư tại dự án Khu công nghiệp Soài Rạp, Tiền Giang. Hoàn thành chuyển nhượng khu đất tại Tam Đảo để bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động SXKD.

+ Tiếp tục thu xếp nguồn vốn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Petrovietnam qua MBV. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PetroCons tại các đơn vị làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết các khoản bảo lãnh vay vốn của PetroCons cho các đơn vị.

+ Rà soát, đánh giá sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu tinh gọn, chất lượng phù hợp với nguồn công việc và các nguồn lực của Tổng công ty. Chú trọng bồi dưỡng, đào tạo, bổ sung lực lượng cán bộ công nhân viên tại các lĩnh vực được xác định là trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo như Tiếp thị đấu thầu, Quản lý dự án... và các lĩnh vực bổ trợ khác.

+ Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PetroCons đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PetroCons.

- Năm 2026 tiếp tục là một năm thách thức đối với PetroCons khi đã hoàn thành xong dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình, các dự án khác gói đầu còn ít, giá trị chưa cao, yêu cầu PetroCons phải tăng cường, tích cực trong công tác tiếp thị đấu thầu tìm kiếm nguồn công việc. Trên cơ sở đánh giá thực tế, PetroCons đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026, cụ thể như sau:

S TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH2026/ TH2025
1	Giá trị SXKD				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	1.555,50	3.884,00	250%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	160,02	890,00	556%
2	Tổng doanh thu				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	2.274,02	3.859,00	170%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.040,63	864,00	83%
3	Lợi nhuận trước thuế				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	7,51	28,56	380%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	10,53	7,99	76%
4	Lợi nhuận sau thuế				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	0,77	28,31	3.685%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	10,53	7,99	76%

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán độc lập tại Báo cáo tài chính sau kiểm toán năm 2025.

5.1 Đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ sau kiểm toán năm 2025:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, AASC đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2025 do AASC đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.780,76 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 3.791,28 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 3.790,58 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) 962,41 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 nợ phải trả ngắn hạn là 3.874,35 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn 235,42 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 758,43 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 748,45 tỷ VND). Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được đầy đủ thông tin do đó không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2 “Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày lập báo cáo do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 234,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của số chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 4 “Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước. Tại ngày 31/12/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí số tiền là 3,88 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang tổng số tiền là 5,72 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 5 “Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự

phòng lần lượt là 911,58 tỷ VND và 861,84 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 04). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không..”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán của PetroCons, PetroCons chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2025 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PetroCons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để thực hiện đánh giá các khoản đầu tư theo đúng quy định. PetroCons tin tưởng rằng, việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.2 Đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất sau kiểm toán của PetroCons năm 2025 sau kiểm toán:

Do AASC không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, AASC không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của PetroCons.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.566,39 tỷ VND”

VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ thông tin do đó, không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2: “Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 234,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày lập báo cáo, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 4: “Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước. Tại ngày 31/12/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí số tiền là 3,88 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2025, Dự án Khu đô thị

Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang tổng số tiền là 5,72 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 5. “Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 do Công ty này tự lập (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ 6 tháng đầu năm 2024 lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét kiểm toán của PetroCons, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính soát xét kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PetroCons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp nhất. PetroCons tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 6: “Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 175,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 196,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND), dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét của PetroCons, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính soát xét kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PetroCons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp

nhất. PetroCons tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 7: “Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của kiểm toán viên là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 8: “Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty này tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 với tổng số tiền lần lượt là 33,647 tỷ VND và 31,148 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 9: “Tại ngày 31/12/2025, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 58,80 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025: 55,36 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 10: “Tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con), Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là 25,88 tỷ VND và 23,40 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là: 15,83 tỷ VND và 22,49 tỷ VND. Các khoản nợ phải thu chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2025 là 64,19 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi

cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi lại thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

Ý kiến 11: “Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con), tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025, Công ty đang theo dõi khoản phải trả cổ tức năm 2011 số tiền là 25 tỷ VND (xem thuyết minh 22). Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (Nghị quyết số 23/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2012) với tỷ lệ cổ tức là 5% Vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện chốt danh sách cổ đông và chi trả phần cổ tức này. Chúng tôi chưa thể đánh giá nghĩa vụ của Công ty về khoản cổ tức này”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 12: “Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi đã không thể thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến một số hạng mục thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2025 với tổng giá trị lần lượt là 893,96 tỷ VND và 922,11 tỷ VND (trong đó giá trị doanh thu, giá vốn đã được Công ty ghi nhận trong năm nay lần lượt là 987 triệu VND và 987 triệu VND); chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hạng mục nêu trên tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025 với giá trị lần lượt là 146,47 tỷ VND và 146,25 tỷ VND, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 13: “Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ- Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án”.

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Hiện nay Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán vốn đầu tư của dự án, sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán vốn đầu tư thì Công ty sẽ hạch toán chi phí dở dang còn lại trên.

“ Cũng tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 với giá trị sổ sách lần lượt là 81,45 tỷ VND và 40,85 tỷ VND.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Do tại thời điểm lập báo cáo tài chính 2025, một số khối lượng thực hiện vẫn chưa được chủ đầu tư chấp thuận thanh toán, do đó đơn vị chưa xác định được chính xác giá trị khối lượng quyết toán của 2 dự án này, chờ quyết toán dự án thì đơn vị sẽ hạch toán phần chi phí dở dang này.

Ý kiến 14 “Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Hiện nay dự án đang được hoàn thiện hồ sơ pháp lý và làm thủ tục để kiểm toán vốn đầu tư của dự án. Vì vậy Công ty chưa đánh giá hiệu quả của việc góp vốn vào dự án này.

Ý kiến 15: “Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,21 tỷ VND và 3,29 tỷ VND; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 21,27 tỷ VND và 18,78 tỷ VND.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

Ý kiến 16: “Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 15,55 tỷ VND và 18,64 tỷ VND; các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 10,31 tỷ VND và 10,82 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025 lần lượt là 131,89 tỷ VND và 130,49 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.”

Giải trình của Ban Tổng giám đốc: Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các

điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

5.3 Để khắc phục khó khăn và giảm lỗ lũy kế trong thời gian tới, Ban lãnh đạo PetroCons đã có định hướng và giải pháp khắc phục như sau:

Ban lãnh đạo PetroCons nhận thức rõ PetroCons đang gặp khó khăn và đã từng bước vượt qua. Do vậy, cùng với sự ủng hộ PetroCons của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, PetroCons đã rất tích cực trong việc rà soát, xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khôi phục và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Quyết liệt trong công tác điều hành thi công trên tất cả các công trình, dự án mà PetroCons và các đơn vị thành viên thực hiện;

- Tích cực thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm và bổ sung nguồn việc;

- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể PetroCons theo đúng định hướng được Tập đoàn phê duyệt, theo hướng công ty Mẹ trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp, thực hiện vai trò định hướng hoạt động cho các công ty trực thuộc, thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các đơn vị không thuộc chuỗi ngành nghề hoạt động chính của PetroCons; nâng cao vai trò quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của PetroCons;

- Quyết liệt trong công tác rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm dụng vốn;

- Tích cực làm việc với Tập đoàn/đơn vị thành viên Tập đoàn và các cơ quan quản lý nhà nước để đẩy nhanh việc phê duyệt các chi phí phát sinh tại các dự án mà PetroCons đang tham gia;

- Chủ động và tích cực làm việc với các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, đàm phán giảm lãi suất vay vốn và thu xếp đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và giải tỏa các khoản bảo lãnh trong thời gian tới.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1 Về trách nhiệm xã hội đối với môi trường:

PetroCons chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; tuân thủ các tiêu chí sau: Phòng ngừa ô nhiễm, sử dụng tài nguyên bền vững, giảm nhẹ và thích nghi với biến đổi khí hậu, kiểm soát rác thải và hiệu quả năng lượng.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường:

Tiêu thụ nước: Bình thường;

Năng lượng: Bình thường.

Phát thải: Bình thường.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Tổng công ty đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống góp phần đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, tăng năng xuất lao động.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, về khai thác tài nguyên, triển khai các giải pháp về đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo luôn tận dụng và hiệu quả việc sử dụng nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PETROCONS

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Tổng Công ty

Năm 2025, ngành xây dựng có bước chuyển mình nhiều tích cực, đánh dấu giai đoạn phục hồi mạnh mẽ và bước vào chu kỳ tăng trưởng mới sau thời kỳ khó khăn. Giá trị gia tăng của ngành xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2025 đã đạt mức tăng trưởng cao (khoảng 9,62%), là mức cao nhất trong 5 năm gần đây, cho thấy ngành đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất. Trong năm 2025, Chính phủ đẩy mạnh vốn đầu tư công, tập trung nguồn lực để hoàn thiện thủ tục và triển khai thi công các dự án lớn. Bên cạnh đó, việc tháo gỡ các vướng mắc về pháp lý các dự án và mặt bằng lãi suất huy động và cho vay duy trì ở mức thấp đã khiến thị trường bất động sản dần phục hồi.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp xây dựng cũng đối diện với một số thách thức như: i) Giá nguyên vật liệu chủ chốt duy trì ở mức cao, đặc biệt là thép, xi măng và thiết bị cơ khí, gây sức ép lớn lên chi phí đầu vào của các doanh nghiệp xây lắp; ii) Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tuy có cải thiện so với năm 2024 nhưng vẫn chưa đạt kỳ vọng, dẫn tới nhiều dự án hạ tầng trọng điểm chậm được khởi công hoặc điều chỉnh kế hoạch triển khai; iii) Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nhà thầu trong và ngoài nước, đặc biệt trong lĩnh vực EPC, đã làm gia tăng áp lực về năng lực tài chính, tiến độ và chất lượng công trình.

Trong bối cảnh đó, hoạt động sản xuất – kinh doanh của PetroCons chịu ảnh hưởng đáng kể. Một số dự án Tổng công ty dự kiến tiếp thị đấu thầu bị giãn tiến độ, công tác quyết toán gặp nhiều vướng mắc; các khoản công nợ tồn đọng chậm được xử lý, gây ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, việc tái cấu trúc các đơn vị thành viên, xử lý tài chính các dự án dở dang và áp lực hoàn trả các

khoản vay ủy thác cũng ảnh hưởng đến kế hoạch nguồn lực của Tổng công ty. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị và nỗ lực của Ban điều hành, PetroCons vẫn duy trì được sự ổn định tương đối trong hoạt động, tập trung tháo gỡ các vướng mắc tồn đọng, nâng cao năng lực quản trị và chuẩn bị nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

** Tình hình thực hiện một số nhiệm vụ năm 2025*

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: Trên cơ sở kế hoạch SXKD năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 29/05/2025, toàn tổ hợp PetroCons đã nỗ lực thực hiện hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ SXKD, với lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 7,51 tỷ đồng đạt 165% so với kế hoạch năm 2025; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 0,77 tỷ đồng. Công ty mẹ lãi 10,53 tỷ đồng bằng 283% kế hoạch năm 2025. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PetroCons tại thời điểm 31/12/2025 là 296,7 tỷ đồng.

- Công tác thi công tại các công trình/dự án:

+ Đối với công trình trọng điểm Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: Trong năm 2025, PetroCons đã phối hợp với Ban QLDA dự án ĐLDK Thái Bình 2 thực hiện công tác quyết toán giá trị Hợp đồng EPC; đã giải trình và được Chủ đầu tư/Ban QLDA bổ sung chi phí quản lý mua sắm thiết bị nhập khẩu, hai Bên đã tiến hành ký Phụ lục bổ sung số 60 bổ sung giá trị trước thuế là 161.610.093.708 đồng.

+ Dự án NMNĐ Sông Hậu 1:

PetroCons đang thực hiện công tác quyết toán 02 Hợp đồng số C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN về việc Thi công xử lý nền và số C15/SH1-LLM-PVC về việc Thi công các hạng mục xây dựng với Tổng thầu Lilama.

Cung cấp vật tư, dịch vụ sửa chữa trong Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1: Trong năm 2025, PetroCons đã trúng và ký kết một số hợp đồng như Hợp đồng cung cấp bi nghiền số 261/HĐ/2025/PVPG.B.NMNĐSH1-PetroCons/HH, Hợp đồng cung cấp vật tư C&I cho hệ thống DCS 12/HĐ/2025/PVPG.B.TITAN-PetroCons/SH1.

+ Dự án Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam Trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành hồ sơ quyết toán và thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư. Đến thời điểm báo cáo, Chủ đầu tư đã ký quyết toán và thanh lý hợp đồng.

+ Công trình nâng cấp hệ thống DCS tổ máy S7- NMNĐ Uông Bí: Trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư.

+ Dự án cung cấp, lắp đặt biển tần cho quạt khói tổ máy S2 NMNĐ Vĩnh Tân 2: Trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành công tác quyết toán với Chủ đầu tư.

+ Công trình thi công xây dựng bãi thải xỉ, tháp thu nước, tuyến ống nước hồi NMNĐ Quảng Trạch 1: Trong năm 2025, PetroCons hoàn thành công tác thi công trên công trường, hiện đang thực hiện các công tác thanh quyết toán thu hồi vốn.

+ Cung cấp Bơm cấp 1A cho NMNĐ Cao Ngạn: Trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành công tác cung cấp, lắp đặt Bơm cấp 1A theo hợp đồng, hiện đang làm công tác thanh, quyết toán thu hồi vốn.

- Công tác tiếp thị đấu thầu ký kết các hợp đồng kinh tế:

+ Tại Công ty mẹ: Trong năm 2025, Công ty mẹ PetroCons đã tham gia dự thầu và trúng thầu các gói: Hợp đồng cung cấp bi nghiền số 261/HĐ/2025/PVPGB.NMND SH1-PetroCons/HH; Hợp đồng cung cấp vật tư C&I cho hệ thống DCS 12/HĐ/2025/PVPGB.TITAN-PetroCons/SH1; Hợp đồng số 265/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PetroCons/HH về việc thực hiện Gói thầu Nâng cấp hệ thống PLC – Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2; Hợp đồng 15/2025/LP1/T23 về việc Thi công hệ thống thải xỉ cho NMNĐ Long Phú 1; Hợp đồng 14/2025/LP1/T37 về việc Thi công hệ thống EPS và FGD cho NMNĐ Long Phú 1; Hợp đồng số 178/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PetroCons/HH về việc cung cấp bi nghiền cho NMNĐ Thái Bình 2; HĐ số 108/HĐ.2025.PVPGB.NMNDTB2.PETROCONS.HH về việc cung cấp vật tư C&I cho NMNĐ Thái Bình 2; Hợp đồng số: 167/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PVC/HH về việc Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2.

- Công tác xử lý, thu hồi công nợ: Đến thời điểm hiện tại, Công ty mẹ đã xử lý/thu hồi 12,995 tỷ đồng, cụ thể: PVC-ME (0,119 tỷ đồng); Petrovietnam (4,574 tỷ đồng) thông qua bù trừ thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 bằng việc mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2); CNPB (0,278 tỷ đồng); PetroCons – Đông Đô (2,093 tỷ đồng); PVC – Bình Sơn (1,106 tỷ đồng, tiền dư ứng CT Sông Hậu 1); DOBC (4,821 tỷ đồng, tiền dư ứng DA Thái Bình 2). Hiện PetroCons vẫn đang tiếp tục rà soát các khoản nợ chéo, giải quyết các vướng mắc tại các dự án tồn đọng để xây dựng các giải pháp nhằm xử lý/ thu hồi các khoản công nợ.

** Một số hạn chế, tồn tại:*

Năm 2025 được đánh giá là một năm khá thành công của PetroCons trong việc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra với sự hỗ trợ của Tập đoàn cũng như nỗ lực tìm kiếm thực hiện các giải pháp thúc đẩy SXKD của tập thể lãnh đạo, CBCNV toàn Tổng công ty. Bên cạnh các kết quả đã đạt được nêu trên, PetroCons vẫn còn phải đối diện với nhiều khó khăn đến từ cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, như:

- Công tác thanh quyết toán các gói thầu C11, C15 thuộc dự án NMNĐ Sông Hậu 1 còn chậm, do kéo dài thời gian trong việc thống nhất giá trị quyết toán với Tổng thầu/ Chủ đầu tư.

- Việc chậm trễ quyết toán đối với các dự án chuyển tiếp kéo dài nhiều năm của cả Công ty mẹ lẫn các đơn vị thành viên gây tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc thu hồi vốn, phát sinh các tranh chấp, lãng phí nguồn lực.

- Tại các đơn vị thành viên, công tác tìm kiếm nguồn việc, ký kết hợp đồng mới còn hạn chế dẫn đến thiếu hụt sản lượng so với kế hoạch. Công tác hoàn thành hồ sơ nghiệm thu, thanh/ quyết toán còn tương đối chậm.

- Công tác xử lý nợ, thu hồi các khoản công nợ đến hạn/ quá hạn của PetroCons và các đơn vị còn tồn tại nhiều khoản công nợ khó đòi, đặc biệt là các khoản nợ chéo giữa các đơn vị tại các dự án. Hầu hết các đơn vị thành viên của PetroCons hiện nay đều đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD và tài chính, tài sản của các đơn vị hoặc không có hoặc đã cầm cố/thế chấp do đó đơn vị không thể thu xếp được nguồn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho PetroCons.

- Công tác thoái vốn đầu tư tại một số đơn vị còn chậm. Trong quá trình thực hiện, do đặc thù phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PetroCons đều thua lỗ/có

giá trị lỗ lũy kế lớn nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng gặp rất nhiều khó khăn.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

HĐQT thường xuyên thực hiện công tác giám sát đối với Tổng giám đốc và các thành viên trong ban Tổng giám đốc trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm, am hiểu đối với lĩnh vực, nhiệm vụ được phân công.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của PetroCons, quy định của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao ban định kỳ thường xuyên với các đơn vị thành viên để kịp thời quản trị các hoạt động SXKD tại các đơn vị theo đúng định hướng chung, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động của từng đơn vị.

Ban Tổng giám đốc đã tăng cường thực hiện các biện pháp tiết giảm, kiểm soát chặt chẽ chi phí, dòng tiền nhằm duy trì hoạt động SXKD; thực hiện các giải pháp củng cố nội lực và tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu, tìm kiếm việc làm mở rộng thị trường; tích cực triển khai tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn tại các đơn vị cũng như xúc tiến các công tác liên quan đến tái cơ cấu PetroCons.

Thực hiện việc trả lương cho CBCNV Cơ quan PetroCons và Ban ĐH dự án thuộc PetroCons được thực hiện trên nguyên tắc gắn tiền lương với vị trí công việc được định biên, chất lượng và hiệu quả công việc, đảm bảo đời sống của CBCNV làm việc tại Công ty mẹ PetroCons có thu nhập ổn định.

Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện xây dựng điều chỉnh các quy chế/quy định nội bộ của PetroCons nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của PetroCons và trình Hội đồng quản trị PetroCons xem xét, phê duyệt.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2026

3.1. Các chỉ tiêu kinh tế đã thực hiện năm 2025 và các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2026:

Trên cơ sở đánh giá các nguồn lực hiện có và dự kiến nhu cầu của thị trường, HĐQT xây dựng kế hoạch SXKD năm 2026 với các chỉ tiêu kinh tế chính như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/ TH 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
1	Giá trị SXKD	1.345,00	1.555,50	116%	3.884,00	250%
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>332,00</i>	<i>160,02</i>	<i>48%</i>	<i>890,00</i>	<i>556%</i>
2	Tổng doanh thu	1.707,00	2.274,02	133%	3.859,00	170%

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025			Kế hoạch năm 2026	Tỷ lệ % KH 2026/ TH 2025
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH		
	<i>Công ty mẹ</i>	796,00	1.040,63	131%	864,00	83%
3	Lợi nhuận trước thuế	4,56	7,51	165%	28,56	380%
	<i>Công ty mẹ</i>	3,72	10,53	283%	7,99	76%
4	Lợi nhuận sau thuế	4,56	0,77	17%	28,31	3.685%
	<i>Công ty mẹ</i>	3,72	10,53	283%	7,99	76%
5	Nộp NSNN	58,00	50,95	88%	35,00	69%
	<i>Công ty mẹ</i>	9,00	17,82	198%	11,00	62%
6	Thu nhập bình quân (trđ/ người/ tháng)	14,50	16,67	115%	16,00	96%
	<i>Công ty mẹ</i>	19,60	22,54	115%	19,58	87%

3.2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để phân đầu hoàn thành kế hoạch đề ra, PetroCons đã đề ra các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để thực hiện trong năm 2026, cụ thể:

3.2.1. Công tác tái cấu trúc

- Trên cơ sở phương án tái cấu trúc của PetroCons giai đoạn 2026-2030 sau khi được Tập đoàn phê duyệt, xây dựng chi tiết kế hoạch tái cấu trúc năm 2026 để triển khai thực hiện.
- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động SXKD của đơn vị. Nghiên cứu, tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ mới tại đơn vị thành viên: Dịch vụ vận hành và sửa chữa, bảo hành các NMNĐ, Dịch vụ kinh doanh và thương mại các sản phẩm phục vụ công tác thi công xây lắp như xi măng, clinker, tro xỉ, bê tông....
- Thúc đẩy tiến độ thoái vốn góp tại các đơn vị thông qua việc đăng thông tin kế hoạch thoái vốn trên phương tiện truyền thông (báo điện tử/báo giấy,...) để quảng bá và thu hút Nhà đầu tư quan tâm.
- Xây dựng đề án thí điểm phá sản/giải thể: Rà soát danh mục các công ty con, lựa chọn 1-2 đơn vị hoạt động kém hiệu quả nhất, đủ điều kiện pháp lý và xây dựng lộ trình thực hiện thủ tục phá sản/giải thể để báo cáo Petrovietnam.

3.2.2 Công tác triển khai tại các công trình/ dự án

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án. Đảm bảo tiến độ và các tiêu chuẩn về chất lượng trong quá trình thi công.
- Đối với các dự án mới, xây dựng cơ chế kiểm soát chi phí nghiêm ngặt và chặt chẽ, đặc biệt là biến động giá nguyên vật liệu, để đảm bảo biên lợi nhuận dương của từng dự án.
- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PetroCons.

- Tối ưu hóa chi phí và quy trình thông qua việc đổi mới, áp dụng mô hình thông tin công trình - BIM, sử dụng các phần mềm tiên tiến về quản lý dự án, thiết kế... để cải thiện tính chính xác, giảm thời gian, chi phí thi công và nâng cao hiệu quả.
- Tìm kiếm các nguồn cung cấp nguyên vật liệu với giá cả cạnh tranh mà vẫn đảm bảo chất lượng. Sử dụng các vật liệu và công nghệ tiên tiến để gia tăng độ bền, tính thẩm mỹ và thân thiện với môi trường.
- Xây dựng mối quan hệ với khách hàng thông qua việc cung cấp dịch vụ hậu mãi tốt, giải quyết nhanh chóng các vấn đề phát sinh sau khi bàn giao công trình; Tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng trong việc thanh toán/quyết toán.

3.2.3 Công tác tiếp thị đấu thầu

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dữ liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty,...
- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, đẩy mạnh thực hiện công tác tìm kiếm thông tin, tiếp cận thông tin các gói thầu trong và ngoài ngành Dầu khí.
- Xây dựng Đề án cải thiện năng lực đấu thầu chi tiết, trong đó phân tích các gói thầu đã thất bại để rút kinh nghiệm; chủ động tìm kiếm và thành lập liên danh với các đối tác mạnh trong và ngoài ngành để bù đắp phần năng lực còn yếu; tập trung nguồn lực marketing, bám sát các dự án trọng điểm trong ngành như dự án Lô B, NMNĐ Long Phú 1, NMLD Dung Quất...
- Mở rộng thị trường, tăng cường hợp tác và liên kết thông qua việc khai thác các thị trường tiềm năng, đặc biệt ở các khu vực mới và chưa phát triển, liên kết với các đối tác tại các địa phương để tăng khả năng tiếp cận khách hàng; Hợp tác với các công ty lớn, có uy tín trong nước và quốc tế để tiếp cận, tham gia được các dự án lớn.

3.2.4 Công tác tài chính kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của PetroCons trong năm 2026.
- Xây dựng kế hoạch dòng tiền cho toàn bộ hoạt động SXKD năm 2026, tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.
- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.
- Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, các đơn vị. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2026 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Rà soát, xây dựng lộ trình cụ thể để làm việc với Tập đoàn và các tổ chức tín dụng nhằm xử lý các khoản vay ủy thác và các khoản bảo lãnh vay vốn, giảm gánh nặng chi phí tài chính.

3.2.5 Công tác tổ chức quản lý, nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty trong công tác tổ chức, cán bộ, quy hoạch luân chuyển, điều động và bổ nhiệm cán bộ.
- Tiến hành rà soát, đánh giá phân loại cán bộ để thực hiện kiện toàn công tác tổ chức, điều động, luân chuyển cán bộ tại Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên phù hợp với tình hình thực tế nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và công tác tái cơ cấu Tổng công ty/ các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục xây dựng phương án đề xuất kiện toàn Người đại diện phần vốn và tiến hành kiện toàn Người đại diện tại các Đơn vị; Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý và giám sát quá trình điều hành và thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện phần vốn của PetroCons tại các Đơn vị.
- Thực hiện công tác quản lý, giám sát tình hình thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Tăng cường thu hút và duy trì nguồn nhân lực chất lượng cao; Đào tạo chuyên sâu, tập trung vào các lĩnh vực chuyên môn chính, cốt lõi từ nguồn kinh phí Tập đoàn hỗ trợ; Tăng cường đào tạo ứng dụng công nghệ tiên tiến vào quản lý dự án để nâng cao chất lượng; Duy trì và tăng cường đào tạo nội bộ tại công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu HĐQT

- Đến thời điểm hiện tại tại HĐQT PetroCons bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PetroCons. Cụ thể như sau:
 - Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị
 - Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị
 - 01 Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện của Petrovietnam (không đại diện phần vốn): Ông Nguyễn Hoài Nam.
 - 01 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Ông Phạm Văn Khánh.

1.2. Các tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị: PetroCons không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, HĐQT họp 07 phiên họp thường kỳ và 133 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 33 Nghị quyết, 34 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PetroCons. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2025 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 08/BC-XLKD ngày 15/01/2026 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Quang Huy	07/07	100%	
2	Ông Chu Thanh Hải	06/07	86%	Ủy quyền
3	Trần Hải Bằng	07/07	100%	
4	Nguyễn Hoài Nam	07/07	100%	
5	Ông Phạm Văn Khánh	06/07	86%	Vắng có lý do

Bên cạnh đó để tăng cường công tác giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã cử các Thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban và chuyên đề cùng Ban Tổng giám đốc theo đúng trách nhiệm được phân công theo dõi.

1.4 Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

- Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;
- Thành viên độc lập HĐQT cơ bản tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT và có đầy đủ ý kiến tại các phiếu xin ý kiến của HĐQT;
- Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của PetroCons, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

1.5. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

- Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
1	Ông Nghiêm Quang Huy	<ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên - Đào tạo tiền công vụ - Bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu - Bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA và định giá xây dựng trong lĩnh vực cầu đường 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐTCB Lê Hồng Phong - Học viện hành chính Quốc gia - Trung tâm đào tạo về quản lý - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải 	<ul style="list-style-type: none"> Từ 24/6/2004 – 10/01/2005 - Từ 9/2005 – 12/2005 5/2006 11/2009

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
		<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn nghiệp vụ cho kỹ sư giao thông - Trung cấp lý luận chính trị - HCK112 - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP - Chương trình chuyển đổi số dành cho lãnh đạo QL nâng cao - Hội nghị Đầu tư – Tài chính năm 2024 -Tọa đàm kinh tế vĩ mô và Tài chính tiền tệ 	<ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức JICA (Nhật Bản) - Trường CBQL Giao thông vận tải - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) -Trường Đại học Dầu khí Việt Nam (PVU). -PETROVIETNAM -PETROVIETNAM 	<ul style="list-style-type: none"> 9/2008 - Từ tháng 6/2020 đến tháng 3/2021 9/2022 - 10-11/2023 - T6/2024 - T6/2024
2	Ông Chu Thanh Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận bồi dưỡng Kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước năm 2004 - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị-DCP - Quốc phòng an ninh đối tượng 2 - Tọa đàm dự thảo Luật quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại DN 	<ul style="list-style-type: none"> -Học viện tài chính - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) - Học viện Chính trị Bộ Quốc phòng PETROVIETNAM 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/5/2004 đến 26/6/2004 - 11/2022 - Tháng 10/2023 - T8/2024
3	Ông Nguyễn Hoài Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ Đàm phán HĐ xây dựng, giải quyết xung đột và tranh chấp trong dự án xây dựng, xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả tại. - Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu nâng cao - Trung cấp lý luận 	<ul style="list-style-type: none"> -Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. - Công ty CP CFTD sáng tạo -Đảng ủy khối doanh nghiệp TW - Trường cán bộ 	<ul style="list-style-type: none"> 11/2006 5/2013 -Tháng 06/2020 đến

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
		chính trị - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị-DCP	quản lý Giao thông vận tải - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)	tháng 02/2021 9/2022
4	Ông Trần Hải Bằng	- Chứng chỉ đào tạo khóa học “Quản trị doanh nghiệp” - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP - Lãnh đạo tầm vóc -Nhà lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động - Tổng quan về ESG - Chứng nhận Thành viên HĐQT tích hợp Quản trị môi trường và xã hội (DCP-IESG)	- Công ty cổ phần đào tạo và công nghệ STEC - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) -Brainword Việt Nam -Đại học Fulbright Việt Nam - PETROVIETNAM và Trường Cao đẳng Dầu khí -Viện thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)	8/2022 11/2022 -Tháng 4,5,6/2023 -Tháng 2/2023 -Tháng 10/2023 - Tháng 10/2023

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên.

Năm 2025, nhân sự Ban kiểm soát có sự thay đổi (Bà La Minh Huệ thay Ông Phùng Văn Sỹ), cụ thể:

+ Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát

+ Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021).

+ Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021 đến 29/5/2025 theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 29/5/2025).

+ Bà La Minh Huệ - Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách (kể từ ngày 29/5/2025 theo Nghị quyết số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 29/5/2025).

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm 2025, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Thường niên của Tổng công ty, Ban Kiểm soát đã tập trung triển khai công tác giám sát thường xuyên tại Công ty mẹ Tổng công ty đối với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hoạt động SXKD) của Tổng công ty. Nội dung giám sát được thực hiện bao gồm các công việc sau:

+ Giám sát hoạt động SXKD của Tổng công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các chính sách, chế độ của Nhà nước; các quy định của cổ đông lớn là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam; các nghị quyết của HĐQT và các Quyết định điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc xem xét, nghiên cứu các văn bản có liên quan.

+ Tham dự các cuộc họp rà soát, đánh giá kết quả hoạt động SXKD định kỳ quý và năm của Tổng công ty.

+ Thực hiện thẩm tra nội dung phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của các đơn vị thành viên, công ty liên kết và công ty đầu tư tài chính; Trưởng Ban Kiểm soát trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tại các đơn vị thành viên.

+ Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát ban hành văn bản gửi HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty đề nghị cung cấp thông tin, báo cáo về kết quả hoạt động SXKD tại Công ty mẹ Tổng công ty để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời làm cơ sở lập báo cáo định kỳ gửi Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

- Thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và quy chế làm việc của Ban Kiểm soát: kiểm tra giám sát thường xuyên tại công ty mẹ Tổng công ty; Xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm trình Đại hội Đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Trong năm 2025 Ban Kiểm soát đã hoàn thành kế hoạch kiểm tra, giám sát tại 05 đơn vị: Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH), Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải), Công ty CP Xây lắp Dầu khí Đông Đô (PetroCons-Đông Đô), Công ty CP Xây dựng Dân Dụng và Công nghiệp Dầu Khí (PVC-IC), Công ty CP Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC).

- Đối với các đơn vị thành viên khác, Ban Kiểm soát thực hiện xem xét các báo cáo hoạt động SXKD và các báo cáo liên quan của Người đại diện/Người đại diện phần vốn của PetroCons tại các đơn vị, qua đó kịp thời đưa ra các kiến nghị, đề xuất đối với HĐQT, Tổng giám đốc PetroCons.

- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất của toàn Tổng công ty theo định kỳ quý, năm 2025; rà soát việc thực hiện các quy định của Nhà nước liên quan đến lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần có vốn góp chi phối.

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp (ngày 20/3/2025 và ngày 25/09/2025) nhằm đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, quý và triển khai kế hoạch công tác của các quý tiếp theo. Ngoài ra, Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, xử lý công việc thông qua các hình thức như email và điện thoại.

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Ngày tháng năm	Số thành viên tham gia	Nội dung	Kết quả
1	20/3/2025	3/3	Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2025.	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp.
2	25/09/2025	3/3	- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 của Ban Kiểm soát. - Triển khai thực hiện kế hoạch năm 2026.	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp.

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT TCT

Tiền lương/thù lao của HĐQT năm 2025 là 2.284.460.076 đồng.

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao thực hiện năm 2024	Tiền lương/thù lao thực hiện năm 2025
	Tổng cộng		2.207.775.903	2.284.460.076
1	Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	545.647.303	573.551.443
2	Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	479.906.106	500.481.311
3	Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	466.008.070	479.537.200
4	Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	471.929.424	483.450.122
5	Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	244.285.000	247.440.000

- Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2025 là: 510.027.759 đồng. Sử dụng tuân thủ theo quy chế chi tiêu nội bộ của PetroCons và các quy định hiện hành.

b. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương/thù lao của Ban Tổng giám đốc thực lĩnh trong năm 2025 là 2.111.886.132, đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm 2024	Tiền lương năm 2025
	Tổng cộng		1.905.185.412	2.111.886.132
1	Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc, bổ nhiệm ngày 01/01/2024	449.814.793	572.557.253
2	Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	507.748.575	521.417.825
3	Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	482.731.554	493.140.774
4	Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	464.890.490	524.770.280

c. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Kiểm soát

- Tiền lương/thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát thực lĩnh trong năm 2025 là 686.187.065 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/thù lao năm 2025	Lương/thù lao năm 2024
	Tổng cộng		686.187.065	506.218.999
1	Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	454.099.420	441.418.999
2	Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	43.200.000	32.400.000
3	Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	16.200.000	32.400.000
4	La Minh Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	172.687.645	

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 là: 85.592.593, đồng.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:

Năm 2025, PetroCons không có giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2025, Tổng công ty có 15 hợp đồng/giao dịch nội bộ, cụ thể:

STT	Nội dung hợp đồng	Đơn vị liên quan	Giá trị hợp đồng đã bao gồm VAT (đồng)
1	Mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6 – Nhà máy Nhiệt điện TB2 (33/HĐ/2025/PVPG.CQCN-PETROCONS/HH ký ngày 26/6/2025)	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPGB)	15.800.000.000
2	Mua vật tư dự phòng chiến lược cho thiết bị gia nhiệt nước cấp HP6 – Nhà máy Nhiệt điện TB2 (25/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH ký ngày 25/7/2025)	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	15.070.000.000
3	Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2 (167/HĐ/2025/PVPG.NMĐTB2-PETROCONS/HH ký ngày 3/7/2025)	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPGB)	2.784.786.862
4	Mua sắm vật tư và thuê dịch vụ lắp đặt hệ thống giám sát thông số áp suất các vòi thổi bụi tổ máy S1, S2 (22/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH ký ngày 22/7/2025)	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	2.695.674.010
5	Mua sắm Bi nghiền đá vôi phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 – NMNĐ Thái Bình 2; 178/HĐ/2025/PVPG.NMĐTB2-PETROCONS/HH ký ngày 8/7/2025)	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPGB)	1.610.999.280
6	Mua sắm Bi nghiền đá vôi phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2025 – NMNĐ Thái Bình 2; 21/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH ký ngày 21/7/2025)	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	1.553.818.750
7	Xử lý nền (Soil Improvement Work) dự án Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn – HĐ số 76-2025/PTSC-SWEPC/HD ký ngày 22/4/2025	Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	95.865.877.214
	Thi công đường vào (access road) –	Công ty Cổ phần Xây	

8	Hợp đồng số 16-2025/ PetroCons-PVC.IC ký ngày 20/5/2025	dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	3.099.239.067
9	Mua sắm vật tư thay thế C&I (Hệ thống DCS) năm 2024 cho NMT Sông Hậu 1 – Hợp đồng số 12/HĐKT/2025/PVPG-B-TITAN-PETROCONS/SH1 ngày 17/4/2025	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPG)	11.689.438.356
10	Gói thầu Mua sắm vật tư C&I đảm bảo khả dụng - NMND Thái Bình 2 – Hợp đồng số 108/HĐ/2025/PVPG.NMĐTB2-PetroCons/HH ngày 16/5/2025	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPG)	1.848.103.400
11	Nâng cấp hệ thống PLC nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 – Hợp đồng số 265/HĐ/2025/PVPG.NMTB2-PetroCons/HH ký ngày 19/9/2025	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPG)	7.463.050.804
12	Gói thầu T37 “Thông quan, vận chuyển nội địa, xây dựng, lắp đặt hệ thống ESP và FGD dự án NMND Long Phú 1” – Hợp đồng số 14/2025/HĐKT/LP1PP/LP1-T37 ký ngày 29/9/2025	Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	90.134.833.764
13	HĐ Ủy thác nhập khẩu: Cung cấp Chân đế và Khối thượng tầng cho các giàn C37-A, NMT-A & SB15-A, bao gồm vật tư cho ONGC WPAPP, Dự án DSF-II theo phạm vi công việc – Hợp đồng số 150/PVCM - PETROCONS/HĐUTNK ký ngày 12/8/2025	Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại & Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	81.654.924.367
14	Mua sắm Bi nghiền đá vôi NMND Sông Hậu 1; 261/HĐ/2025/PVPG.NMĐSH1-PETROCONS/HH ký ngày 21/10/2025)	Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVPG)	3.019.170.000
15	Mua sắm Bi nghiền đá vôi NMND Sông Hậu 1; 47/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH ký ngày 21/11/2025	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	2.906.750.000

3.4 Về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Xem tại mục 5, chương III – Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2025 của PetroCons: đính kèm.
- Báo cáo tài chính riêng của PetroCons năm 2025 sau kiểm toán xem tại website: <https://petrocons.vn/pvx-cbtt-vb-giai-trinh-bctc-cong-ty-me-nam-2025-sau-kiem-toan>

Nơi nhận:

- Như kính gửi; ✓
- HĐQT, Ban KS (b/c);
- Người phụ trách quản trị kiêm thư ký TCT;
- Lưu VT, TCKT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Quốc Hoàn



No.: 490 / BC-XLDK

Hanoi, day 14 month 04 year 2026

ANNUAL REPORT

For the year 2025

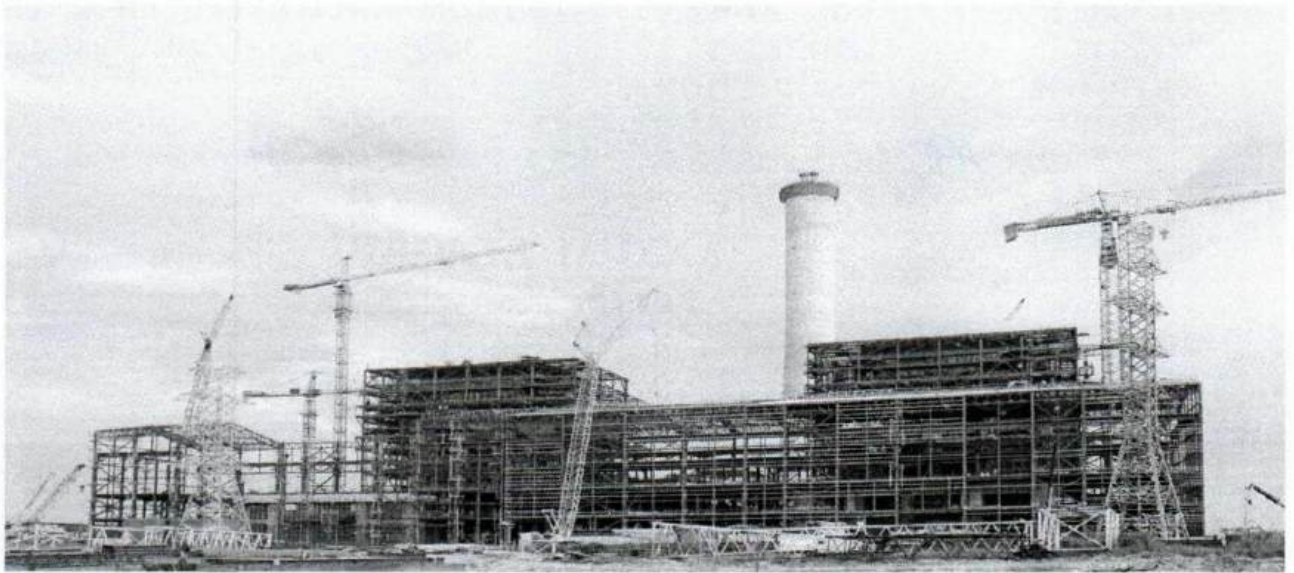
To:

- State Securities Commission of Vietnam
- Hanoi the Stock Exchange.

I. GENERAL INFORMATION

1. General Information

- Company name in Vietnamese: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
- Company name in foreign language: PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION
- Abbreviated name: PETROCONS
- Enterprise Registration Certificate No.: 3500102365
- Charter capital: VND 4,000,000,000,000
- Owner's contributed capital: VND 4,000,000,000,000 (*In words: Four trillion Vietnamese dong*)
- Address: 14th Floor, Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi, Vietnam
- Telephone: +84 24 3768 9291
- Fax: +84 24 3768 9290
- Website: www.pvc.vn / www.petrocons.vn
- Stock code: PVX



2. History of Formation and Development

Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation (PETROCONS) is a member of the Vietnam National Industry and Energy Group (PETROVIETNAM/Group) – one of the country’s most powerful economic conglomerates. Over the past 42 years, PETROCONS has strived to become a key enterprise in the sector, leading in petroleum-specific construction, as well as industrial and civil construction:

- On September 14, 1983, under the implementation of Government directives (Directive No. 224/CT and 225/CT dated August 30, 1983), the General Department of Petroleum issued a decision to establish the Petroleum Construction Joint Enterprise, tasked with executing various works including site leveling, port construction, rig yards, casing pipe storage, the Central Mechanical Enterprise, the Geophysical Enterprise, a 4.2 MW power station, oxygen and acetylene production enterprise, cold storage facilities, and drilling mud pits.

- On September 19, 1995, the Vietnam Oil and Gas Corporation decided to transform the Petroleum Construction Joint Enterprise into the Petroleum Engineering and Construction Company (PVECC) – a significant development milestone that brought both qualitative and quantitative changes to Vietnam’s petroleum construction sector.

- On April 1, 2006, after nearly two years of implementing the equitization process, the Petroleum Construction Joint Stock Company officially began operations under a new management model that is streamlined, compact, and dynamic.

- On October 26, 2007, the Chairman of the PETROVIETNAM Board of Directors signed Resolution No. 3604/NQ-DKVN approving the proposal to convert the Petroleum Construction Joint Stock Company into the Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation (PVC).

- On August 19, 2008, Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation listed 150 million shares with the stock code PVX on the Hanoi Stock Exchange.

- In 2010, PVC fabricated the largest offshore jacket ever in Vietnam: the Dai Hung Oil Platform project in water depth of 110 meters, weighing 7,200 tons; and the Moc Tinh Platform project (East Sea) in water depth of 130 meters, with a total weight of over 13,000 tons.

- In January 2013, according to the restructuring plan of PETROVIETNAM approved by the Government in Decision No. 46/QĐ-TTg dated January 5, 2013, PVC was designated as the core unit of PVN in the construction of onshore petroleum projects.

- On January 20, 2022, at the Extraordinary General Meeting of Shareholders in January 2022, Petrovietnam Construction Joint Stock Corporation issued Resolution No. 28/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK approving the change of the company's abbreviation from PVC to PETROCONs, and adoption of the new brand identity system.

- On November 13, 2025, PETROCONs changed its business registration for the 23rd time (the first business registration was on December 20, 2007).

Over 43 years of establishment and development, PETROCONs has been asserting its prestige and outstanding capabilities in key projects of the petroleum industry and the nation. From integrated onshore services in Vung Tau to major pipeline projects from Long Hai to industrial zones in Phu My, My Xuan, and Dong Nai; and national key projects such as the Phu My Fertilizer Plant, Ca Mau Gas-Power-Fertilizer Complex, Dung Quat Oil Refinery, Vung Ang I Thermal Power Plant, and most recently the Thai Binh II Thermal Power Plant.

It also performed procurement, fabrication, and installation of grillage on PTSC OFFSHORE 1 accommodation barge (MDV/POS/23/054); fabricated offshore wind jackets for the Greater Changhua Offshore Wind Farm (CHW2204); constructed the DH01 wellhead topside for Dai Hung Phase 3 project (Block 05.1a); fabricated external platforms (Contract No. 1610-2023/AECC/PVCMS dated October 16, 2023); welded and assembled 8 ladles (Contract No. 1811-2023/AECC/PVCMS dated November 18, 2023); and provided mooring docks and logistics services for POS (Contract No. MDV/POS/23/107 dated May 16, 2023).

Gaining experience through each project, PETROCONs has risen from the role of subcontractor to international contractors to becoming a full-fledged EPC general contractor capable of executing large-scale and technically complex projects such as the Go Dau LPG Terminal, Thai Binh II Thermal Power Plant, and Nhon Trach II Thermal Power Plant – all of which have been completed, handed over, and put into operation.

PETROCONs continues to affirm its strengths in petroleum construction by executing most EPC projects related to oil and gas transportation and storage, such as the Cu Lao Tao Petroleum Depot and the Dung Quat LPG Storage and Tanker Truck Loading Station.

In the field of design, fabrication, and installation of drilling rigs and jackets, PETROCONs has carried out numerous major petroleum construction works and fabricated complex steel structures, including Vietnamese-record projects such as the Dai Hung jacket, the Moc Tinh 1 jacket and topside (East Sea Project), grillage fabrication for PTSC OFFSHORE 1 barge (MDV/POS/23/054), offshore wind jacket foundations for the Greater Changhua Offshore Wind Farm (CHW2204), the DH01 wellhead topside for Dai Hung Phase 3 (Block 05.1a), external platforms (Contract 1610-2023/AECC/PVCMS dated October 16, 2023), welding and assembly of 8 ladles (Contract 1811-2023/AECC/PVCMS dated November 18, 2023), and provision of mooring docks and logistics services for POS (Contract MDV/POS/23/107 dated May 16, 2023), B-O Mon Block pipeline project, Long Phu 1 Thermal Power Plant project,

Cao Ngan Thermal Power Plant, Song Hau 1 Thermal Power Plant, expansion and upgrade of Dung Quat Oil Refinery.

PETROCONS continues to strengthen and develop its traditional strengths in building storage systems, transporting petroleum products, mechanical installation, and fabrication of petroleum equipment.

The company has also solidified its brand in the field of industrial and civil construction, advancing high-rise building technologies through projects such as the Petroleum Finance Center, the Vietnam Petroleum Institute Office, Phu My Hung Petroleum Tower, Vung Tau Petroleum Hotel, and Dragon Tower Office Building.

Currently, with all resources and efforts, PetroCons participates in bidding for key national and industry projects such as: O Mon 4 Plant, Long Phu 1 Thermal Power Plant, land leveling for the Dung Quat Refinery upgrade and expansion project. In 2025, PetroCons participated in bidding for 32 packages; winning 8 out of 32 packages with a total value of about 756 billion VND. Signed 19 new contracts with a total value of about 1,012.6 billion VND, and executed a volume of about 165.9 billion VND.

In 2025, the parent company PetroCons initiated the following works/projects: The package for purchasing materials and hiring services to install a pressure parameter monitoring system for the dust blowers of units S1, S2 - Thai Binh 2 Thermal Power Plant; The package for purchasing strategic spare materials for the HP6 feedwater heater - Thai Binh 2 Thermal Power Plant; Supply and installation of the 1A feedwater pump for Cao Ngan Thermal Power Plant; Package T37, T23 of the Long Phu 1 Thermal Power Plant Project. Execution of procurement contracts for C&I materials (DCS system) for Song Hau 1 Thermal Power Plant and Thai Binh 2 Thermal Power Plant; Procurement of limestone crushers to serve the 2025 production plan of Thai Binh 2 Thermal Power Plant.

PetroCons has completed and will hand over in 2025 the following packages: Procurement of materials and hiring services for installing the pressure parameter monitoring system for the dust blowers of units S1 and S2 at Thai Binh 2 Thermal Power Plant; Supply and installation of Pump 1A at Cao Ngan Thermal Power Plant (Thai Nguyen); Supply and installation of inverters for the smoke fans of unit S2 at Vinh Tan 2 Thermal Power Plant; Upgrading the DCS system for unit S7 at Uong Bi Thermal Power Plant; Construction of the ash disposal yard, water collection tower, and return water pipeline at Quang Trach 1 Thermal Power Plant. Completion of settlement documents and contract liquidation for contract No. 158 and contract No. 49 at the International Training Area project - People's Security Academy.

On the paths already traveled, the Corporation and its member units have continuously grown, contributing to the general development of the Vietnam National Oil and Gas Group and the country. "Big goals require big efforts" is a goal fully understood by all leaders and employees of PetroCons. With the solid foundation built during the development journey and the determination of "PetroCons people," the Vietnam Oil and Gas Construction Joint Stock Corporation is determined to continue leaving marks on the new journey, contributing to the overall development of Petrovietnam.

3. Main Business Lines and Areas of Operation

3.1. Business Lines

a. Petroleum-Specific Construction

PETROCONs is the core enterprise of the sector in the field of petroleum-specific construction. This is the principal business activity that has established PETROCONs' prestige and brand over the past 42 years, with key operations including:

- Design, construction, installation, maintenance, and repair of petroleum facilities, drilling rigs, offshore and onshore jackets, metal structures, fuel storage tanks, LPG tanks, and water tanks.
- Manufacturing and supplying casing pipes, drill pipes, couplings, connectors, and accessories used in oil and gas drilling and exploitation.
- Shipbuilding for transportation of oil, gas, and chemicals.
- Trading in construction materials and petroleum-related equipment.

b. Industrial Construction

PETROCONs is also known as a capable contractor in constructing large-scale industrial projects both inside and outside the petroleum industry:

- Investment in and construction of mechanical manufacturing plants, shipyards, cement plants, and other building materials factories.
- Survey, design, consultancy, and installation of technological systems, control devices, and automation systems in industrial construction.
- Investment in and general contracting for infrastructure projects including roads, transportation, irrigation systems, dykes, and ports.
- Construction of gas-fired and thermal power plants; installation of transmission lines.

c. Civil Construction

PETROCONs has invested in, provided consultancy, designed, and constructed many civil works including office buildings, hotels, resorts, and high-end apartments, particularly steel structures and high-rise buildings for the petroleum industry and provinces nationwide. PETROCONs also participates in investment, development, and operation of industrial parks and infrastructure; and development of new urban areas.

d. Industrial Production

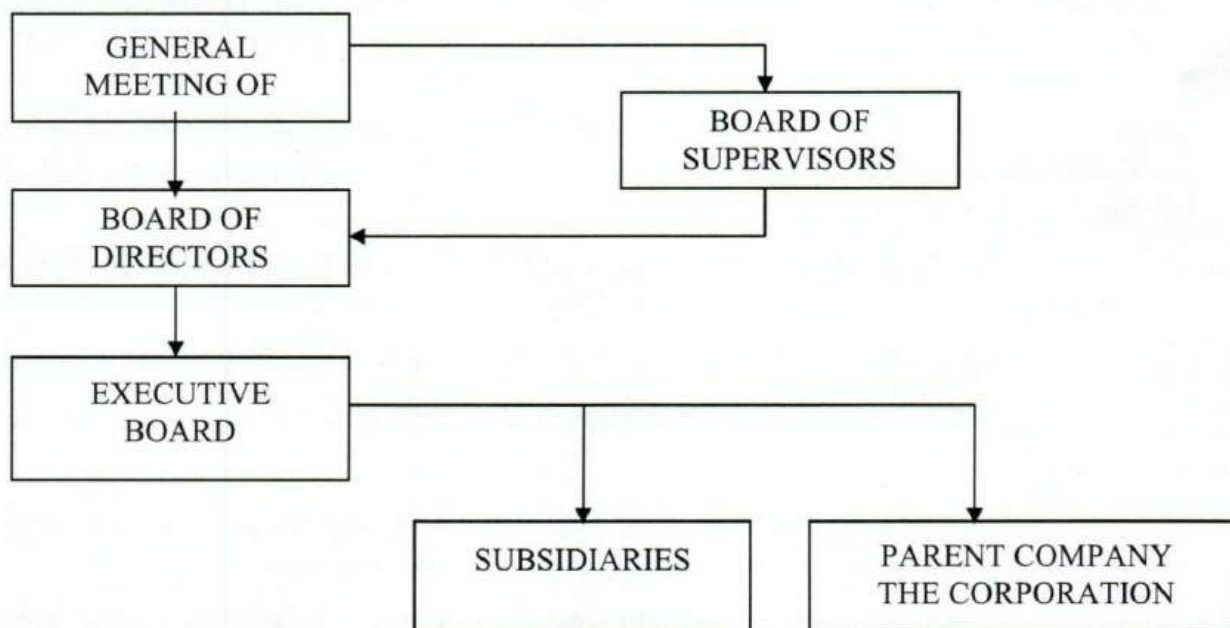
Alongside the expansion of construction activities, PETROCONs also focuses on investment in industrial production, construction materials, mechanical manufacturing for the petroleum industry, and production of industrial products (such as concrete plants, hydropower plants, gas power plants, and gradually moving toward nuclear power construction).

3.2. Areas of Operation

PETROCONs' areas of operation include construction, installation, and maintenance of industrial and civil works throughout Vietnam. In recent years, its revenue has been concentrated mainly in Thai Binh province (particularly from the Thai Binh II Thermal Power Plant project), accounting for 95% of the parent company PETROCONs' revenue.

4. Information on the Governance Model and Management Structure

4.1 Governance Model:



4.2 Subsidiaries, Affiliates, and Financial Investments:

No.	Company Name	Address	Charter Capital (billion VND)	PETROCONs Ownership (%)	Main Business Activities
I	Subsidiaries / Controlled Companies				
1	PetroVietnam Metal Structure and Erection JSC (PVC-MS)	No. 02 Nguyen Huu Canh, Thang Nhat Ward, Vung Tau City, BR-VT	600	50.97%	Surveying, consulting, designing and wholesale of petroleum-related equipment and machinery; mechanical processing...
2	Petroleum Pipeline and Tank Construction JSC (DOBC)	No. 35G, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, BR-VT	200	51%	Construction of other civil engineering works: pipeline, tank fabrication; gas pipeline installation, pressurized tanks, LPG tanks...
3	Petroleum Industrial and	No. 35D, 30/4 Street,	300	51%	Construction of industrial and civil

No.	Company Name	Address	Charter Capital (billion VND)	PETROCONs Ownership (%)	Main Business Activities
	Civil Construction JSC (PVC-IC)	Ward 9, Vung Tau City, BR-VT			projects; infrastructure, ports; investment in industrial production facilities; urban area development...
4	Thai Binh Petroleum Investment and Trading JSC (PVC Thai Binh)	No. 458 Ly Bon Street, De Tham Ward, Thai Binh City, Thai Binh Province	450	72.22%	Short-term accommodation services; catering; travel agency; civil construction; housing and infrastructure; real estate...
5	PetroCons-Dong Do JSC	Floor 2, Dolphin Plaza, 28 Tran Binh, My Dinh, Hanoi	500	34.87%	Road and railway construction; wholesale of machinery and spare parts; real estate; civil engineering; utilities...
6	Binh Son Petroleum Construction JSC (PVC-Binh Son)	No. 33 Hai Ba Trung, Le Hong Phong Ward, Quang Ngai City	365.5	46.51%	Mechanical processing; wastewater treatment; concrete and cement products; civil works; construction materials...
7	Mekong Petroleum Urban Development JSC (PVC-Mekong)	Lot D, Petroleum Urban Area, Ngo Quyen, Ward 1, Ca Mau	280.689	53.44%	Urban planning and design consulting; construction of civil, industrial, infrastructure projects; real estate investment...
II Associates and Financial Investments					
1	Hanoi Petroleum Construction JSC (PVC-HN)	No. 1, Alley 86, Chua Ha, Hanoi	300	35.83%	Civil engineering works, metal fabrication, real estate...
2	Petroleum Mechanical and Erection Construction JSC (PVC-ME)	Floor 4, Sannam Building, Dich Vong Hau, Cau	500	40%	Petroleum, industrial, and civil construction; site preparation; foundations...

No.	Company Name	Address	Charter Capital (billion VND)	PETROCONs Ownership (%)	Main Business Activities
		Giay, Hanoi			
3	Petroleum Construction Investment Duyen Hai JSC (PVC Duyen Hai)	Floor 4, Petro Hotel, 427 Da Nang St., Dong Hai 1 Ward, Hai An Dist., Hai Phong	136.7325	42.46%	Hotel business; civil works, industrial zones, infrastructure...
4	Thanh Hoa Petroleum Construction JSC (PVC-TH)	Floor 10, PVFC Land Building, 38A Le Loi Blvd, Thanh Hoa City	210	36%	Industrial zone, urban area, office, hotel construction; real estate; building materials...
5	Lam Kinh Hotel JSC	Dong Huong Urban Area, Thanh Hoa City	190	30%	Accommodation, catering, tourism, event organizing, civil works, real estate...
6	Central Petroleum Construction JSC (PVC-MT)	Floor 9, PetroFinance Center, Lot A2.1, 30/4 St., Hai Chau, Da Nang	150	48.27%	Infrastructure, roads, industrial/civil construction; real estate, support services...
7	Heerim PVC International Design JSC	Room 1401 A2, Vinaconex 1 Complex, 289A Khuat Duy Tien, Hanoi	8.5	44%	Design, supervision, project management consultancy...
8	Petroleum Alliance Trading and Media JSC (Petrolink)	No. 12, Alley 15/10, Phao Dai Lang, Lang Thuong Ward, Dong Da, Hanoi	3.6	97.22%	Media, event organization, trading
9	PVC Interior Decoration JSC (PVC-ID)	No. 1, Alley 86, Chua Ha, Hanoi	40	49.98%	Construction, interior and exterior decoration...
10	PVNC Construction Group JSC	A2/07, PVNC2-CT2 Building, No. 6 Nguyen Quoc Tri,	218.46	22.64%	Infrastructure, industrial and civil works; real estate...

No.	Company Name	Address	Charter Capital (billion VND)	PETROCONs Ownership (%)	Main Business Activities
		Hung Binh, Vinh City			
11	Saigon Petroleum Construction and Investment JSC (PVC-SG)	No. 02 Nguyen Gia Thieu, Ward 6, District 3, HCMC	350	24.72%	Real estate business, leasing, related services...
12	Kinh Bac Petroleum Construction and Investment JSC	280 Tran Hung Dao, Dai Phuc Ward, Bac Ninh City	150	15.67%	Design and construction of petroleum, civil, industrial works; infrastructure; interior/exterior; equipment installation...
13	Truong Son Group JSC	No. 251A, Quang Trung Street, Phu Hai Ward, Dong Hoi, Quang Binh	75.13	3.99%	Infrastructure, roads, civil, industrial construction; dykes, ports, mechanical production, materials...
14	Ha Long Cement JSC	Thong Nhat Commune, Hoanh Bo, Quang Ninh	1,945.095	7.58%	Cement production and trading; mining materials and additives...
15	Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC (VIPICO)	Room 1206, 17T2 Building, Trung Hoa Nhan Chinh Urban Area, Hanoi	250	5%	Steel production and trading; mining; industrial, civil, hydropower works; building materials, décor, sanitary equipment...
16	Petroleum Construction JSC No.4	A4 Lot 11, Dinh Cong, Hanoi	25	10%	Building materials, décor, real estate, civil/industrial construction...
17	Petroleum Construction JSC No.2	No. 1 Dong Tien, An Xa Industrial Cluster, Nam Dinh	55.9	5%	Civil/industrial construction; mechanical fabrication; site leveling...
18	Petroleum Interior and Exterior Equipment JSC	Floor 5, Room 502, No. 60 Le Trung Nghia, Ward 12, Tan	70	20.86%	Equipment manufacturing, sales and installation for construction works...

No.	Company Name	Address	Charter Capital (billion VND)	PETROCONs Ownership (%)	Main Business Activities
		Binh District, HCMC			

5 Development Orientation of PETROCONs

5.2 Key Objectives of PETROCONs:

- Focus on thoroughly resolving existing issues; effectively leveraging available resources and advantages of PETROCONs and its units; streamlining the business operation model; concentrating on core business activities to enhance efficiency, competitiveness, and sustainable development.

- Restore PETROCONs' business operations to achieve profitability and implement a roadmap to recover charter capital; gradually reaffirm the brand and reputation of PETROCONs in the construction and installation sector and other business fields of the Corporation.

- Build PetroCONs into one of the technical service units with high capability and technical expertise, a major EPC general contractor in the field of construction and installation of oil and gas works..

5.3 Medium- and Long-Term Development Strategy:

- Continue to define the core business of PETROCONs as construction and installation of petroleum-specific projects, industrial works, and infrastructure facilities. In this regard, the parent company PETROCONs will act as the EPC general contractor, directly managing and implementing projects where PETROCONs is the general contractor or main contractor.

- Restructure and innovate operations to achieve a rational and efficient organization focusing on key sectors and major projects; gradually build and enhance competitiveness in the domestic market and expand into international markets.

- Prepare step-by-step the necessary resources, including finance, technical technology, and especially high-quality technical human resources; improve management quality to be ready to participate in large-scale, key projects in the future, ensuring precision and appropriateness in compiling capability profiles for bidding.

- Reorganize and streamline subsidiaries/member units toward specialization by business segment, aligned with PETROCONs' value chain and business sectors, striving for autonomous business operations without creating internal competition among member units within the Corporation.

- Development orientation for the 2026–2030 period: Maintain stable workload sources, grow and improve production and revenue indicators. Gradually position PETROCONs as a leading petroleum-specific, industrial, and infrastructure construction contractor capable of competing with top domestic enterprises.

- Development orientation for the 2031–2035 period: Sustain annual growth rates, expand the market internationally. Strengthen the brand and reputation of PETROCONs as a top EPC contractor in domestic construction and installation.

6 Potential Risks Affecting PETROCONS' Business Performance in 2024

6.2 External Risks:

- Economic risks:

The fluctuations of macroeconomic variables such as growth rate, inflation, interest rates, exchange rates, prices of materials, supplies, fuel... as well as development policies have directly or indirectly impacted the operations and business results of enterprises in general and PetroCons in particular. The world economic and political situation continues to be complex, unstable, and difficult to predict; global economic growth is slow. Financial, monetary, and real estate markets carry many risks; exchange rates, oil prices, and input materials fluctuate negatively, causing difficulties for the production and business activities of enterprises, especially in the construction industry. In addition, PetroCons is also affected by difficulties in arranging investment capital and securing land from investors, leading to a limited supply of new construction contracts in the market.

- Internal Risks:

The main business sector of PetroCons is construction - a complex business sector that involves many potential risks, such as: risks from the payment sources of investors, cash flow management risks due to intertwined and complex cash flows that need to be handled flexibly, risks arising from competitive factors, personnel risks, occupational safety risks, ...

- Other risks:

Besides the above risks, PetroCons also constantly faces unforeseen risks such as natural disasters, epidemics, fires, and explosions. These are rare risks but require the company to always proactively have prevention and risk mitigation measures through purchasing insurance for employees and assets,...

6.3 Inherent risks:

Besides the objective difficulties of the economy, PetroCons also has many internal issues such as: lack of capital, low competitiveness, many persisting problems due to various reasons that cannot yet be resolved... affecting the implementation of PetroCons's 2025 production and business plan:

- Principal and interest repayment for the entrusted loans of the Group: As of December 31, 2025, the balance of PetroCons'/member units' entrusted loans that must be repaid to Petrovietnam at MBV is: The remaining principal of entrusted loans to be repaid is 575.67 billion VND, of which: amount used by units: 344.67 billion VND; amount used by PetroCons parent company: 230.99 billion VND. The remaining interest of PetroCons loans to be paid as of December 31, 2025 is: 182.78 billion VND, including: unpaid on-time interest: 90.079 billion VND, late payment penalty on interest and principal: 92.7 billion VND. Assets/projects formed from the Group's entrusted loans have not been effective. Some units of PetroCons have transferred/used them for other purposes, making it difficult for PetroCons to arrange cash flow to repay the Group's entrusted loans.

- For completed projects/projects pending final settlement, such as the Vung Ang 1 Thermal Power Plant project, the Quang Trach Thermal Power Plant project, the Ethanol project, the PVTex project, etc., when settling/handing over the

Projects/Contracts, there are existing and potential risks related to the reduction of volume/performance, and the recognition of increased implementation costs according to the conclusions of the competent State authorities;

- Potential risks in fulfilling loan guarantee and payment guarantee obligations: The total guarantee obligations of PetroCons to date are VND 266,846 billion (of which: loan guarantees are VND 155,046 billion, payment guarantees are VND 111,8 billion).

- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PetroCons từ các khoản đầu tư tài chính: Hầu hết các đơn vị đều đối diện với việc kinh doanh thua lỗ trong các năm tiếp theo nên sẽ tiềm ẩn phải tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính bổ sung.

- Potential risks in provisioning for doubtful receivables: The total receivables of PetroCons' parent company as of 31/12/2025 amount to VND 1,645.46 billion, of which short-term receivables are VND 1,622.57 billion and long-term receivables are VND 22.89 billion. The total provision for doubtful short-term receivables is VND 876.93 billion. PetroCons also faces potential risks in having to continue provisioning for debts that are not settled and other receivables expected to be overdue in the coming years.

II. OPERATIONAL PERFORMANCE IN 2025

1. Business Operations

The business results achieved in 2025 are as follows:

Unit: VND billion

No.	Indicator	Actual 2024	Plan 2025	Actual 2025	% Plan Achieved 2025	% 2025 vs. 2024
1	Production and Business Value					
	Consolidated	982,88	1.345,00	1.555,50	116%	158%
	Parent Company	261,84	332,00	160,02	48%	61%
2	Total Revenue					
	Consolidated	1.317,87	1.707,00	2.274,02	133%	173%
	Parent Company	609,04	796,00	1.040,63	131%	171%
3	Profit Before Tax					
	Consolidated	4,81	4,56	7,51	165%	156%
	Parent Company	4,12	3,72	10,53	283%	255%
4	Profit After Tax					
	Consolidated	2,61	4,56	0,77	17%	29%
	Parent Company	4,12	3,72	10,53	283%	255%

- The production and business situation of the Corporation: all planned targets for production and business value - revenue - pre-tax profit in 2025 have results exceeding the set plan and show growth compared to 2024.

- Business and production situation of the Parent Company of the General Corporation:

+ Regarding the indicator of the Parent Company's business and production value, it did not meet the annual plan and decreased compared to the implementation in 2024. The main reason is the shortage of expected output from the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Employee Housing Project (planned 108 billion VND) and the Old Oxygen Plant Project (planned 70 billion VND) due to the postponement of tendering for these two projects. In 2025, PetroCons Parent Company actively participated in bidding for many packages and signed many new construction, procurement, and installation contracts and one entrusted import contract for equipment with a total value of over 548 billion VND. However, this is still insufficient to compensate for the planned output from the delayed projects mentioned above, as large contracts at the Long Phu 1 Thermal Power Plant project and the foundation treatment and leveling construction contracts at Mui Tram Station and An Minh Station – Block B – O Mon Pipeline are progressing slower than expected.

+ Doanh thu của Công ty mẹ năm 2025 đạt vượt mức kế hoạch đề ra và tăng trưởng 71% so với năm 2024 chủ yếu do trong năm 2025, PetroCons đã hoàn thành ký biên bản quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 với Chủ đầu tư, qua đó ghi nhận toàn bộ giá trị doanh thu còn lại của dự án. Bên cạnh đó, doanh thu của Công ty mẹ còn có được từ công tác triển khai thực hiện các công trình khác trong năm 2025, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

+ The parent company's profit is 10.53 billion VND, of which gross profit from production and business activities is 24.19 billion VND; from financial activities 30.67 billion VND; from other activities 5.45 billion VND; reversal of provisions for doubtful receivables 1.3 billion VND. In addition, the parent company PetroCons accounted for management expenses of the Parent Company's Office of 44.01 billion VND, and management expenses of the Project Management Boards/Branches under the Parent Company of 7.07 billion VND.

+ The accumulated loss of the parent company as of 31/12/2025 is 3,780.76 billion VND.

+ The equity of the parent company PetroCons as of 31/12/2025 is 296.70 billion VND.

2. Organization and Human Resources

The Executive Board consists of 5 members, specifically:

No.	Full Name	Date of Birth	Place of Birth	Permanent Address	Academic Qualification	Position	PVN Capital Representation (%)
1	Mr. Tran Quoc Hoan	1973	Nghe An	Lieu Giai Ward, Ba Dinh District, Hanoi	Civil Engineer, Bachelor of English	General Director	0

2	Mr. Nguyen Van Dong	1965	Binh Dinh	Viet Hung Ward, Long Bien District, Hanoi	Bachelor of Economics	Deputy General Director	0
3	Mr. Bui Son Truong	1970	Nghe An	Thanh Xuan, Hanoi	MBA, Mechanical Engineer	Deputy General Director	0
4	Mr. Pham Trung Kien	1978	Bac Ninh	Trau Quy Town, Gia Lam, Hanoi	Engineer in Chemical and Petroleum Equipment	Deputy General Director	0
5	Mr. Vu Minh Cong	1979	Nam Dinh	HCM City	Bachelor of Economics	Chief Accountant	0

- In 2025, the Executive Board had no personnel changes.

- Number of employees: The total number of employees as of December 31, 2025, at PetroCons is 1,311 people, of which 153 people are in the parent company, the Corporation.

In 2025, PetroCons implements labor management, salaries, remuneration, and bonuses according to Decree 44/2025/ND-CP dated February 28, 2025, of the Government and Guiding Circular No. 003/2025/TT-BNV dated April 28, 2025, of the Ministry of Home Affairs.

3. Investment Status and Project Implementation

a. Major Investments including Financial Investments and Project Investments:

- Project investment: In 2025, PetroCons and its subsidiaries did not undertake any project investments.

- Financial investment: In 2025, the parent company PetroCons did not undertake any financial investments.

Reduction of investment/capital contribution: Based on Resolution No. 115/NQ-XLDK dated September 24, 2025, of the Corporation's Board of Directors, PetroCons carried out a write-down of the capital contribution value at PVC-Kinh Bac by VND 21 billion.

As of December 31, 2025, the parent company PetroCons had capital contributions in 25 units with an investment value of VND 2,305.55 billion. Specifically: in 07 subsidiaries, it was VND 1,384.91 billion; in 11 associated units, it was VND 735.45 billion; and in 07 financial investment units, it was VND 185.20 billion. The accumulated provision for financial investment devaluation as of December 31, 2024 is VND 1,796.242 billion, accounting for 77.2% of the total financial investment value of PETROCONS (VND 2,326.55 billion).

- The accumulated provision for the decrease in financial investment value as of December 31, 2025, is VND 1,823.03 billion, accounting for 79.07% of PetroCons' total financial investment value. In 2025, PetroCons recorded a reversal of the provision for the decrease in financial investment value with a total amount of VND 12.44 billion, including: (i) Additional provision for loss-making units of VND 31.37 billion, (ii) Reversal of provisions of VND 43.81 billion (completely reversing the

previously provisioned VND 32.54 billion for the capital contribution in PVC-Binh Son after appraising the market value of the enterprise).

b. Summary of Operations of Subsidiaries and Associates:

- Subsidiaries:

Unit: VND billion

No.	Company Name	Charter Capital	PETROCONS Ownership (%)	Revenue in 2025	Profit After Tax in 2025
1	PetroVietnam Metal Structure and Erection JSC (PVC-MS)	600.00	50.97%	947,40	14,78
2	PetroVietnam Industrial and Civil Construction JSC (PVC-IC)	300.00	51.00%	23,21	0,50
3	Petroleum Pipeline and Tank Construction JSC (DOBC)	200.00	51.00%	121,32	1,80
4	Binh Son Petroleum Construction JSC (PVC-Binh Son)	365.50	46.51%	35,61	0,33
5	Mekong Petroleum Urban Development JSC (PVC-Mekong)	280.69	53.44%	-	-
6	Thai Binh Petroleum Investment and Trading JSC (PVC-TB)	450.00	72.22%	61,24	(39,18)
7	PetroCons-Dong Do JSC	500.00	34.87%	145,48	7,35

- Associated companies:

Currently, PetroCons has 11 associated companies with a total contributed capital investment of 735.45 billion VND. The cumulative provision for devaluation of financial investments in associated companies as of December 31, 2025, is 706.32 billion VND, equivalent to 96% of the total investment value. In 2025, most of PetroCons' associated units continued to report losses, resulting in accumulated losses. They lack bidding and marketing capabilities, have no projects or very limited projects. Some units that previously operated mainly in real estate investment and business still have to bear financial costs and depreciation for unsold properties that cannot yet be divested or recovered.

- Regarding other financial investments:

As of the reporting date, PetroCons has not received the 2025 financial statements of the financial investment units. Associates: Currently, PETROCONS has 11 associate companies with a total capital contribution value of VND 735.45 billion.

The accumulated provision for devaluation of financial investments in associates as of December 31, 2024 is VND 703.24 billion, equivalent to 96% of the total investment value.

4. Other Financial Investments:

a. Other Financial Investments:

Unit: VND

No.	Indicator	Year 2025	Year 2024	% Increase/Decrease
1	Total assets	4.248.313.363.931	4.326.672.249.883	98%
2	Net revenue	1.040.632.574.493	609.044.259.665	171%
3	Operating profit	5.080.567.276	(35.862.555.256)	
4	Other income	5.445.907.342	39.983.446.416	14%
5	Profit before tax	10.526.474.618	4.120.891.160	255%
6	Profit after tax	10.526.474.618	4.120.891.160	255%
7	Basic earnings per share	-	-	
8	Dividend payout ratio	-	-	

Target	Parent Company Financial Report		
	31/12/2025	31/12/2024 (adjusted after audit)	Difference (end period - beginning period)
ASSETS	1	2	3=1-2
A- SHORT-TERM ASSETS	2.828.165.643.136	3.638.934.763.990	(810.769.120.854)
I. Cash and cash equivalents	185.725.106.002	354.571.200.087	(168.846.094.085)
II. Short-term financial investment	189.752.688.190	154.509.326.478	35.243.361.712
III. Short-term receivables	1.622.574.306.650	1.632.922.337.631	(10.348.030.981)
IV. Inventory	771.647.894.657	1.383.604.585.419	(611.956.690.762)
V. Other current assets	58.465.647.637	113.327.314.375	(54.861.666.738)
B. LONG-TERM ASSETS (200=210+220+240+250+260)	1.420.147.720.795	687.737.485.893	732.410.234.902
I. Long-term receivables	22.893.210.988	22.893.210.988	0
II. Fixed assets	9.840.937.675	10.497.124.460	(656.186.785)
1. Tangible fixed assets	9.595.937.665	10.152.124.454	(556.186.789)
2. Intangible fixed assets	245.000.010	345.000.006	(99.999.996)

Target	Parent Company Financial Report		
	31/12/2025	31/12/2024 (adjusted after audit)	Difference (end period - beginning period)
III. Investment Real Estate	24.089.000.000		24.089.000.000
IV. Long-term work in progress	167.308.721.200	158.163.600.046	9.145.121.154
V. Long-term financial investment	1.191.490.011.281	490.360.967.556	701.129.043.725
VI. Other long-term assets	4.525.839.651	5.822.582.843	(1.296.743.192)
TOTAL ASSETS	4.248.313.363.931	4.326.672.249.883	(78.358.885.952)
CAPITAL			
C. LIABILITIES	3.951.612.858.730	4.040.498.219.300	(88.885.360.570)
I. Short-term debt	3.790.579.194.052	3.874.354.502.480	(83.775.308.428)
II. Long-term debt	161.033.664.678	166.143.716.820	(5.110.052.142)
D-OWNER'S EQUITY	296.700.505.201	286.174.030.583	10.526.474.618
<i>I. Owner's equity</i>	296.700.505.201	286.174.030.583	10.526.474.618
1. Owner's contributed capital	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	0
- Common stock has voting rights	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000	0
4. Other owner's equity			0
5. Treasury stock	(29.710.000)	(29.710.000)	0
6. Asset revaluation difference			0
7. Exchange rate difference			0
8. Development Investment Fund	76.986.992.734	76.986.992.734	0
9. Business Restructuring Support Fund			0
10. Other funds belonging to equity	500.000.000	500.000.000	0
11. Undistributed after-tax profit	(3.780.756.777.533)	(3.791.283.252.151)	10.526.474.618
- Undistributed profit after tax at the beginning of the period carried forward to the previous period	(3.791.283.252.151)	(3.795.404.143.311)	4.120.891.160
- Undistributed net profit for this period	10.526.474.618	4.120.891.160	6.405.583.458
12. Investment capital for construction and development			0
13. Non-controlling interests			0
<i>II. Sources of funding and other funds</i>			0
TOTAL CAPITAL	4.248.313.363.931	4.326.672.249.883	(78.358.885.952)

b. Key Financial Indicators

No.	Indicator Category	Indicator Formula / Description	2025	2024	Notes
	A				
1	Liquidity Ratios				
	+ Current Ratio	Current Assets / Current Liabilities	0,75	0,94	
	+ Quick Ratio	(Current Assets – Inventories) / Current Liabilities			
2	Capital Structure Ratios		0,54	0,58	
	+ Debt to Total Assets Ratio	Total Liabilities / Total Assets			
	+ Debt to Equity Ratio	Total Liabilities / Owner's Equity	0,93	0,91	
3	Operational Efficiency Ratios		13,32	12,97	
	+ Inventory Turnover Ratio	Cost of Goods Sold / Inventories			
	+ Total Asset Turnover Ratio	Net Revenue / Average Total Assets			
4	Profitability Ratios		1,27	1,29	
	+ Net Profit Margin	Profit After Tax / Net Revenue			
	+ Return on Equity (ROE)	Profit After Tax / Owner's Equity	0,14	0,14	
	+ Return on Assets (ROA)	Profit After Tax / Total Assets			
	+ Operating Profit Margin	Operating Profit / Net Revenue	0,01	0,04	

5. Shareholding Structure and Changes in Owner's Equity

5.1 Shares:

PETROCONs' charter capital is VND 4,000,000,000,000 (Four trillion Vietnamese dong). The total charter capital is divided into 400,000,000 shares, each with a par value of VND 10,000.

Stock code: PVX. Currently traded on the UpCoM exchange. All shares of PETROCONs are common shares and are freely transferable.

5.2 Shareholding Structure:

Out of the total charter capital of VND 4,000,000,000,000, the state capital held by PETROVIETNAM is VND 2,178,733,330,000, equivalent to 217,873,333 shares,

representing 54.47% of the charter capital.

The 03 Board of Directors members representing PETROVIETNAM's capital in PETROCONS are:

- + Mr. Nghiem Quang Huy – Chairman of the Board of Directors, represents 25% of charter capital, equivalent to 100,000,000 shares.
- + Mr. Tran Hai Bang – Member of the Board of Directors, represents 15% of charter capital, equivalent to 60,000,000 shares.
- + Mr. Chu Thanh Hai – Member of the Board of Directors and Deputy General Director, represents 14.47% of charter capital, equivalent to 57,873,333 shares.

5.3 Changes in Owner's Equity:

- In 2025, PetroCons does not change the value of the owner's equity.

- History and capitalization increases from establishment/privatization until December 31, 2025:

The predecessor of Vietnam Oil and Gas Construction Joint Stock Corporation was the United Oil and Gas Construction Enterprise, established on September 14, 1983, according to the Government's decision (Directives 224/CT and 225/CT dated August 30, 1983).

In 2007, Petrovietnam issued Resolution No. 3604/NQ-DKVN approving the plan to convert the Oil and Gas Construction Joint Stock Company into Vietnam Oil and Gas Construction Joint Stock Corporation. November 21, 2007: General Meeting of Shareholders approved the transformation plan with charter capital of VND 150 billion.

21/11/2007 The General Meeting of Shareholders of the Corporation approved the plan to transform the Oil and Gas Construction Joint Stock Company with a charter capital of 150 billion VND.

27/6/2008 The annual General Meeting of Shareholders of the Corporation approved the plan to increase the charter capital from 150 billion VND to 1,500 billion VND.

16/5/2009 The annual General Meeting of Shareholders of the Corporation approved the plan to list the shares on the Hanoi Stock Exchange.

19/8/2009 The Corporation is currently listed with 150,000,000 shares with the stock code PVX on the Hanoi Stock Exchange under the Hanoi Stock Exchange.

June 27, 2008: Annual General Meeting approved increasing charter capital from VND 150 billion to VND 1,500 billion.

May 16, 2009: Annual General Meeting approved listing shares on the Hanoi Stock Exchange.

August 19, 2009: PETROCONS listed 150,000,000 shares under the stock code PVX on the Hanoi Stock Exchange.

On January 20, 2010, the Extraordinary General Meeting of Shareholders of the Corporation approved the plan to increase the charter capital to 2,500 billion VND. PetroCons increased its charter capital from 2,500 billion VND to 5,000 billion VND

according to Resolution No. 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK dated April 23, 2011, at the Annual General Meeting of Shareholders in 2011. Result of the capital increase: PetroCons' charter capital is 4,000 billion VND.

- Charter capital over the years:
- + 2007: 150 billion VND.
- + 2008: 1,500 billion VND.
- + 2009: 1,500 billion VND.
- + 2010: 2,500 billion VND.
- + 2011: 2,500 billion VND.
- + 2012 to present: 4,000 billion VND.

5.4 Treasury Share Transactions: None

5.5 Other Securities: None

6. PETROCONS' Environmental and Social Impact Report

6.1 Environmental Impact:

Total direct and indirect greenhouse gas (GHG) emissions: *insignificant*.

Initiatives and measures to reduce GHG emissions: PETROCONS participates in government-led GHG reduction programs, such as promoting the use of mass transit, marine transportation, and vehicles powered by biofuels or electricity. In design and construction activities, the company uses environmentally friendly materials such as non-fired bricks and minimizes the use of heavy metal aluminum-glass combinations.

6.2 Raw Material Management:

a. Total amount of raw materials used in production during the year:

- Various types of steel: 6,943 tons;
- Paint and cleaning supplies: 7,070 liters;
- Steel materials: 136 tons;
- Grating: 298 m²;
- Formwork panels: 1,347 m²;
- Various types of concrete: 2,324 m³;
- Asphalt concrete: 37 tons;
- Cement mortar: 580 m³;
- Cement: 400 tons;
- Sika: 8 tons;
- Gas: 5,477 kg;
- Detergent powder: 931 kg;
- Cleaning water: 855 liters;
- Sand: 1,136 m³;

- Various types of stone: 901 m³;
- Building bricks: 714 m³;
- Floor tiles: 2,702 m²;
- Paint: 5,500 liters;
- Solvent: 230 liters;
- Various types of formwork: 208 tons.

b. Percentage of recycled materials used in production of products and services:
0%

6.3 Energy Consumption:

a. Direct and indirect energy consumption:

- Electricity consumption: 6,183,843 kWh;
- Diesel/gasoline: 577,281 liters.

b. Energy saved through efficiency initiatives: None.

c. Reports on energy-saving initiatives (e.g., provision of energy-efficient products and services or use of renewable energy); results of such initiatives: None.

6.4 Water Consumption (for business activities during the year):

a. Source and amount of water used: 63.983 m³

b. Percentage and total volume of recycled and reused water: None.

6.5 Compliance with Environmental Laws and Regulations:

a. Number of violations resulting in penalties or fines: None

b. Total monetary penalties/fines for non-compliance: VND 0

6.6 Labor-Related Policies:

a. Labor force: As of December 31, 2025, the total number of employees of PetroCons is 1,311, of which the parent company has 153 people.

- The average income per person in the entire Corporation in 2025 reaches 17.8 million VND per person per month.

b. Labor policy to ensure health, safety, and welfare: Strictly implement regular health check-ups for employees.

c. Training activities: In 2025, the Corporation carried out training for 1,452 participants with a total training cost of 1.52 billion VND. Of which, the parent company PetroCons sent 197 participants to training courses with a training cost of 730 million VND.

6.7 Community Responsibility Report:

Participated in all local activities as required:

- Seriously carried out Military, Security - National Defense, and Militia work. Organized the building of self-defense forces, participated in education and training on National Defense and Security knowledge, military training, and other local National Defense activities.

- Coordinated with the local Police to effectively implement the movement of all people protecting National Security in 2025.

6.8 Report on Activities Related to the Green Capital Market (as guided by the State Securities Commission):

Following closely international standards (such as ICMA) and the regulations in Decree 155/2020/ND-CP:

(1) First: raise awareness about sustainable development issues so that businesses know what they need to do in their field and in the capital market.

(2) Second: conduct research to develop standard frameworks; based on that, determine the general green investment standards.

(3) Third: strengthen information disclosure because investors always want information to ensure that their investments are used for the right purposes.

For the time being, PetroCons periodically recognizes, regularly plans business production activities, closely follows through on plans approved annually by the Group and the Annual General Meeting of Shareholders. PetroCons develops development strategies with both short-term and long-term visions, promptly adjusting plans and strategies to adapt to micro and macro changes in the economy, the industry, and the internal conditions of the enterprise to keep the business as sustainable as possible.

In addition, PetroCons always complies with Laws, Decrees, and Circulars related to operating fields, especially in the Finance and Securities sectors, to ensure transparency of information, transparency of figures, and corporate health to build trust with investors and facilitate State management tasks and Enterprise governance.

III. REPORT AND EVALUATION BY THE GENERAL DIRECTORATE

1. Evaluation of Business Performance

- Economic indicators:

+ Regarding the business production value indicator: The entire complex achieved VND 1,555.50 billion, reaching 116% of the 2025 plan and 158% compared to 2024. Specifically, the parent company achieved VND 160.02 billion, reaching 48% of the 2025 plan and 61% compared to 2024.

+ Regarding the revenue indicator: The entire complex achieved VND 2,274.02 billion, reaching 133% of the 2025 plan and 173% compared to 2024. Specifically, the parent company achieved VND 1,040.63 billion, reaching 131% of the 2025 plan and 171% compared to 2024.

+ Regarding the profit before tax indicator: The entire complex made a profit of VND 7.51 billion. Specifically, the parent company made a profit of VND 10.53 billion.

+ Regarding the profit after tax indicator: The entire complex made a profit of VND 0.77 billion. Specifically, the parent company made a profit of VND 10.53 billion.

+ The accumulated loss of the parent company as of December 31, 2025, is VND 3,780.76 billion. The equity of the parent company PetroCons as of December 31, 2025, is VND 296.70 billion.

- Evaluation of the business production results of the entire group in 2025 is mainly based on: In 2025, among the 7 member units, 5 out of 7 units made a profit with a total value of VND 24.76 billion (PVC-MS profit VND 14.77 billion, DOBC profit VND 1.8 billion, PVC-Binh Son profit VND 0.33 billion, PetroCons-Dong Do profit VND 7.35 billion, PVC-IC profit VND 0.50 billion); the remaining 2 units incurred losses with a total loss of VND 39.17 billion (PVC-Thai Binh loss VND 39.17 billion, and PVC-Mekong loss). The total profit of the member units was a loss of VND 14.4 billion, combined with the profit from the parent company of VND 10.526 billion, resulting in the entire group having a net profit before tax of VND 7.51 billion and after corporate income tax of VND 0.76 billion.

- Some positive results achieved by PetroCons in 2025:

+ In 2025, the parent company PetroCons initiated construction of projects/contracts: The tender for purchasing materials and hiring installation services for the pressure monitoring system of dust blower nozzles for units S1 and S2 - Thai Binh 2 Thermal Power Plant; The tender for purchasing strategic standby materials for the HP6 feedwater heater - Thai Binh 2 Thermal Power Plant; Supply and installation of Pump 1A for Cao Ngan Thermal Power Plant; T37, T23 contract packages of Long Phu 1 Thermal Power Plant Project. Implemented contracts for purchasing C&I materials (DCS system) for Song Hau 1 and Thai Binh 2 Thermal Power Plants; purchased limestone grinding mills to serve the 2025 production plan of Thai Binh 2 Thermal Power Plant.

+ PetroCons has also completed and handed over the packages: Procurement of materials and hiring services to install the pressure parameter monitoring system for the dust blowers of units S1 and S2 of Thai Binh 2 Thermal Power Plant; Supply and installation of 1A water pumps for Cao Ngan Thermal Power Plant (Thai Nguyen); Supply and installation of inverters for the smoke fans of unit S2 at Vinh Tan 2 Thermal Power Plant; Upgrading the DCS system for unit S7 of Uong Bi Thermal Power Plant; Construction of ash disposal yard, water collection tower, and return water pipelines at Quang Trach 1 Thermal Power Plant.

+ At the Thai Binh 2 NPP project: the EPC contract finalization minutes of the Thai Binh 2 NPP project were signed on June 24, 2025, and all remaining revenue of the project was recorded. Based on the EPC contract finalization minutes signed between the Project Management Board - General Contractor PetroCons and the Adjustment Minutes of the EPC General Contractor Contract Finalization of the Thai Binh 2 NPP project signed on October 24, 2025, PetroCons is continuing to coordinate with subcontractors to complete the procedures for payment/settlement of subcontractor contracts.

+ Strengthen bidding marketing efforts to seek additional job sources for the following years. As a result, in 2025, the parent company PetroCons won bids and executed the signing of many construction, procurement, and installation contracts, as well as one entrusted contract for importing equipment, with a total value of over 548 billion VND. At the member units, many contracts/contract appendices were signed with a total value of approximately 3,500 billion VND.

+ PetroCons has reviewed the entire situation and the implementation status of the restructuring work of the parent company and its capable member units. Based on that, solutions were proposed to reorganize business operations in order to resolve the

maximum obstacles and existing issues of the parent company and its member units by the end of 2025, gradually restoring business activities and increasing divestment opportunities.

+ In the restructuring work, PetroCons continued to review in order to develop a restructuring plan for the 2026-2030 five-year period. In 2025, PetroCons carried out tasks related to transferring its equity stake in PVC-Binh Son. However, PetroCons' share offering at PVC-Binh Son in December 2025 was not successful. The divestment at PVC-Binh Son will continue to be implemented when there is investor interest at a proposed transfer price close to the enterprise value to ensure that the valuation and transfer work is carried out in accordance with the law and the Corporation's regulations.

+ For the 3,400m² land plot in Tam Đảo town, PetroCons has completed its tax obligations and received the land use right certificate in the name of the owner and recorded the asset increase for the plot according to Resolution 115/NQ-XLTK dated September 24, 2025, of the Corporation's Board of Directors. PetroCons has approved the plan and auction plan for the Tam Đảo land. Currently, PetroCons is carrying out procedures to organize the asset auction.

+ In 2025, PetroCons actively coordinated with legal consulting units to perform legal work to ensure the legitimate rights and interests of PetroCons.

- Regarding the organization of the annual general meeting of shareholders: PetroCons and its member units have organized the 2025 Annual General Meeting of Shareholders in accordance with the plan and the provisions of the Enterprise Law.

2. Financial Position (Parent Company)

2.1 Assets:

- Total assets as of 31/12/2025 are VND 4,248.313 billion, down VND 78.358 billion compared to the end of 2024 due to a decrease in current assets and an increase in non-current assets, specifically: current assets decreased by VND 810.769 billion, from VND 3,638.934 billion to VND 2,828.165 billion; non-current assets increased by VND 732.410 billion, from VND 687.737 billion to VND 1,420.147 billion.

- Total capital as of 31/12/2025 is VND 4,248.313 billion, down VND 78.358 billion compared to the end of 2024 due to a decrease in liabilities and an increase in equity. Liabilities decreased by VND 88.885 billion from VND 4,040.498 billion to VND 3,951.612 billion; Equity increased by VND 10.526 billion from VND 286.174 billion to VND 296.700 billion.

- The parent company's business results of PetroCons in 2025 recorded a profit of VND 10,526 billion. The undistributed accumulated post-tax loss decreased correspondingly. As of December 31, 2025, the parent company's undistributed accumulated post-tax loss of PetroCons was VND 3,780.756 billion.

- The parent company's financial indicators as of December 31, 2025, changed compared to the end of 2024 due to the following indicators:

+ Cash and demand deposits (cash and cash equivalents) decreased during the period by VND 168.84 billion, from VND 354.571 billion to VND 185.72 billion (including: Cash is VND 0.438 billion; demand deposits are VND 96.98 billion, term deposits are VND 88.3 billion). PetroCons' revenue and expenditure for 2025 are

presented in detail in the Interim Cash Flow Statement - Form B03-DN – Parent Company Financial Statements.

+ PetroCons' short-term financial investments as of 31/12/2025 are VND 189.752 billion, an increase of VND 35.243 billion compared to the end of 2024.

+ As of December 31, 2025, PetroCons' long-term financial investment value was VND 1,191.490 billion, an increase of VND 701.129 billion compared to the same period. Specifically: the total investment in member companies was VND 2,305.954 billion: in 7 subsidiaries was VND 1,384.909 billion; in 11 joint ventures and associates: VND 735.449 billion; investment in 6 other companies was VND 170.595 billion. Due to the business results of member companies also being ineffective, with prolonged accumulated losses, PetroCons had made a provision for long-term financial investments accumulated up to December 31, 2025, of VND 1,823.03 billion, a decrease of VND 12.44 billion compared to the provision for long-term financial investments at the end of 2024.

+ Short-term receivables decreased by VND 10,348 billion from VND 1,632,922 billion as of 31/12/2024 to VND 1,622,574 billion as of 31/12/2025. This fluctuation is mainly due to a decrease in short-term receivables at the Thai Binh 2 Thermal Power Project Management Board by VND 95 billion, while other customer receivables increased by VND 51.19 billion.

AASC assessed that, out of VND 1,043 billion of overdue or not-yet-overdue but unlikely-to-be-collected receivables as of 31/12/2025, VND 166.81 billion is likely to be recoverable. The remaining amount is unlikely to be recoverable.

+ Other current assets during the period decreased by VND 54,861 billion compared to the end of 2024. Currently, other current assets are VND 58,465 billion.

+ Inventories during the period decreased by VND 611,956 billion from VND 1,383,604 billion at 31/12/2024 to VND 771,647 billion at 31/12/2025. The main reason is due to fluctuations in work-in-progress production costs at the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project.

+ PetroCons' long-term work-in-progress assets fluctuated during the period, increasing by VND 9.14 billion at 31/12/2025 compared to the end of 2024. Currently, long-term work-in-progress assets are VND 167.30 billion.

+ Tangible fixed assets (TFA): During the period, PetroCons also recorded a decrease in fixed assets due to depreciation. Thus, as of December 31, 2025, the original cost of the Company's fixed assets is recorded at 50,296 billion VND, and the remaining value (net book value) is 9.59 billion VND.

+ Intangible fixed assets of PetroCons decreased by 100 million VND during the period. The decrease in fixed assets is due to the Company recognizing additional depreciation during the period; the accumulated depreciation as of December 31, 2025, is 5.26 billion VND, and the net book value of intangible assets is 245 million VND.

+ Loans and finance leases: As of December 31, 2025, PetroCons' outstanding loans and finance leases amounted to VND 575.67 billion (long-term MBV loans due - entrusted loans: VND 575.67 billion). All loans and finance leases are assessed as being repayable.

+ Short-term payables to suppliers as of December 31, 2025, amounted to VND

2,403.857 billion, down VND 180.70 billion compared to the end of 2024. PetroCons assesses that it is capable of repaying these debts.

+ Revenue as of 31/12/2025:

Short-term unearned revenue increased by VND 25.25 billion compared to 31/12/2024. It amounts to VND 26.699 billion.

Long-term unearned revenue decreased by VND 5.11 billion from VND 50.632 billion on 31/12/2024 to VND 45.522 billion on 31/12/2025.

+ Operating revenue from production and business activities in 2025 at the parent company reached 1,040.6 billion VND, of which: revenue from construction and installation activities was 1,003.01 billion VND, financial revenue was 29.23 billion VND; other income was 8.37 billion VND. Operating revenue from production and business activities in 2025 increased by 431.588 billion VND compared to the same period last year. Revenue from construction and installation activities increased by 472.656 billion VND, financial revenue decreased by 8.7 billion VND, other income decreased by 32.33 billion VND.

+ Cost of goods sold as of 31/12/2025 was VND 978.823 billion (mainly from construction activities), an increase of VND 436.96 billion compared to the cost of goods sold in the same period last year.

+ Management expenses of the Parent Company in 2025 were VND 49.78 billion;

+ Business results of PetroCons Parent Company in 2025: the parent company made a profit of VND 10.526 billion.

According to the audited financial statements of the Parent Company as of 31/12/2025, current liabilities exceeded current assets by VND 962.41 billion. PetroCons is facing a shortage of working capital to pay off due debts.

2.2. Payables situation:

Unit of measure: dong

Target	31/12/2025 (End of term)	01/01/2025 (Beginning of the period)	Difference (end of period - beginning of period)
LIABILITIES	3.951.612.858.730	4.040.498.219.300	(88.885.360.570)
I. Short-term debt	3.790.579.194.052	3.874.354.502.480	(83.775.308.428)
II. Long-term debt	161.033.664.678	166.143.716.820	(5.110.052.142)

+ Short-term and long-term debts due for payment as of December 31, 2025, amount to VND 3,790 billion, including:

(1) Short-term payables to suppliers are VND 3,403 billion (the amount likely to be repayable is 100% of the outstanding debt. Payables to DL E&C Co., Ltd. amount to VND 1,044 billion, accounting for 46% of total payables to suppliers: The Corporation and DL E&C Co., Ltd. are participating in arbitration proceedings at

VIAC, and both parties are negotiating to resolve the dispute through amicable settlement);

(2) Short-term advances from customers are VND 222 billion;

(3) Taxes and amounts payable to the State remaining to be paid as of December 31, 2025, are VND 4.46 billion (amounts due during the year are VND 17.8 billion, and amounts actually paid during the year are VND 15.8 billion).

(4) Short-term unearned revenue is VND 26,699 billion.

(5) Other short-term payables are VND 422.93 billion, mainly from provisions for guarantee obligations of VND 137.94 billion; payables to MBV of VND 182.7 billion; payables to Petrovietnam of VND 54 billion.

+ Short-term bank loans are VND 42.744 billion at BIDV to supplement working capital and guarantee LC issuance.

+ Loans and due payables are VND 575.67 billion. These are entrusted loans (long-term loans, overdue loans not yet paid) at MBV from 03 investment contracts in the enterprises. The Corporation is still seeking measures to repay the principal of the above loans.

Short-term liabilities exceed short-term assets by VND 962.41 billion. PetroCons is lacking working capital to pay due debts.

+ Long-term debt as of 31/12/2025 is VND 161 billion, including long-term payables of VND 115.497 billion and long-term unearned revenue of VND 45.522 billion.

+ Debt-to-equity ratio

Financial Indicator	Unit	As of 31/12/2025	As of 31/12/2024	Change vs. Previous Year
Liabilities to Owner's Equity	Times	13,32	14,12	-0,80
Debt Payment Capacity	Times	0,75	0,94	-0,19
Overall Debt Payment Ratio	Times	1,08	1,07	0,004

- Debt/Equity: Debt accounts for a very large proportion compared to equity, and PetroCons faces significant difficulties in its ability to pay off debt.

- Debt repayment capability for due debts: Current assets are less than current liabilities. This leads to, in the short term, PetroCons experiencing difficulties in paying off due debts. In the case that all creditors simultaneously demand repayment, the company will lose its ability to pay and face bankruptcy claims from creditors.

- Overall debt repayment ability (current ratio) = 1.08 times, reflecting that the Corporation faces payment difficulties at the reporting time.

3. Improvements in Organizational Structure, Policies, and Management

In 2025, basically, PetroCons will have no changes in organizational structure, policies, or management.

PetroCons will continue to promote the digital application in business production

areas as well as in the operation, management, and administration processes, such as upgrading and improving the document management system (idoc) and upgrading the website.

Regarding salary and labor management: implementation of personnel adjustment, task assignment, salary grade transfer, and salary evaluation based on individual KPI assessment, ensuring it aligns with job responsibilities, capability, and work performance; transparent, objective, and in compliance with the regulations of the State and the Corporation.

4. Future Development Plan

- In the short term, the PetroCons Leadership Board plans to continue implementing the following tasks:

+ Enhance the capacity and quality of the financial management, marketing, and bidding departments; consolidate and develop human resources, capital, infrastructure, construction equipment, etc., to complete the capability profile. Actively and proactively participate in bidding to find work sources to ensure job availability for 2026 and the following years.

+ Apply technology to management work and organize construction implementation scientifically, minimizing construction timelines at projects while still ensuring quality according to the investor's requirements.

+ Continue reviewing and assessing the current status of PetroCons' member units across all areas of production and business activities, finance, organizational structure, personnel, assets, machinery and equipment, etc., thereby determining their position and developing operational and business directions, as well as restructuring units based on actual capacity. Based on the review and assessment of each unit, PetroCons will consider and plan the arrangement and restructuring of member units in accordance with the actual situation.

+ Complete all remaining procedures and documentation, and coordinate with relevant parties to resolve issues in the settlement of pending projects (Nghi Son Petrochemical Refinery Complex Project, Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project, Quang Trach Gas-Fired Power Plant Project, Southern Petroleum Institute Project, Song Hau 1 Thermal Power Plant Project).

+ Be determined in the work of acceptance, final payment, capital recovery, collection, handling/offsetting receivables to ensure capital for the Corporation's business operations.

+ Promote and propose to competent authorities to resolve the interests of PetroCons/PVN related to the plan to recover costs already invested in the Soai Rap Industrial Park project, Tien Giang. Complete the transfer of land in Tam Dao to supplement working capital for business operations.

+ Continue arranging capital, supplement collateral/repay the entrusted loan of Petrovietnam through MBV. Direct PetroCons' capital representatives at units to work with credit institutions to resolve PetroCons' loan guarantee issues for the units.

+ Review and assess, reorganize the organizational structure and personnel to ensure a streamlined structure and quality suitable for the company's workload and resources. Focus on training, developing, and supplementing the workforce in areas

identified as key in the next phase, such as Marketing and Bidding, Project Management... and other supporting fields.

+ Review and revise PetroCons' internal regulations and rules to ensure consistency and coherence among/in the regulations, while also ensuring compliance with current State regulations and PetroCons' charter.

- The year 2026 continues to be a challenging year for PetroCons as it has completed the key project Thái Bình Thermal Power Plant, while there are few overlapping projects remaining, with low value, requiring PetroCons to strengthen and actively engage in marketing and bidding to seek work sources. Based on practical assessment, PetroCons has developed the main plan targets for 2026, specifically as follows:

No.	Indicator	Unit	Actual 2025	Planned 2026	2026 Plan / 2025 Actual (%)
1	Production and Business Value				
	- Consolidated	Billion VND	1.555,50	3.884,00	250%
	- Parent Company	Billion VND	160,02	890,00	556%
2	Total Revenue				
	- Consolidated	Billion VND	2.274,02	3.859,00	170%
	- Parent Company	Billion VND	1.040,63	864,00	83%
3	Profit Before Tax				
	- Consolidated	Billion VND	7,51	28,56	380%
	- Parent Company	Billion VND	10,53	7,99	76%
4	Profit After Tax				
	- Consolidated	Billion VND	0,77	28,31	3685%
	- Parent Company	Billion VND	10,53	7,99	76%

5. Management's Explanations on the Auditor's Opinions – Audited Financial Statements for 2025

5.1 Regarding the Parent Company's Audited Financial Statements for 2025:

AASC Auditing Firm Co., Ltd. (AASC) conducted the audit in accordance with Vietnamese Auditing Standards. However, AASC disclaimed an opinion on the parent company's financial statements for 2025 as it was unable to obtain sufficient appropriate audit evidence to provide a basis for an audit opinion.

Opinion 1: “As at 31 December 2025, the Separate Financial Statements of the Corporation reflect the following: Accumulated loss (code 421) of VND 3,780.76 billion (compared to VND 3,791.28 billion as at 01 January 2025) current liabilities (code 310) of VND 3,790.58 billion exceeding current assets (code 100) by 962.41

billion (as at 01 January 2025, current liabilities were 3,874.35 billion, exceeding current assets by VND 235.42 billion); overdue debts of VND 758.43 billion (compared to 748.45 billion as at 01 January 2025). These factors, along with the disclosures in Note 1, raise significant doubts about the Corporation's ability to continue as a going concern. The Corporation's continuing operations depend on plans to recover debts, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, and obtain financial support from shareholders and creditors. Within the scope of our review report on the Financial Statements, we do not have sufficient information to evaluate the appropriateness and effectiveness of these plans.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the audit report is due to the inability to obtain sufficient appropriate information and, as a result, the auditor was unable to determine whether the accompanying separate financial statements were prepared appropriately under the assumption that the Corporation would continue as a going concern.

Opinion 2: “As at 31 December 2025, the Corporation recorded a loan receivable of VND 200 billion lent to Lam Kinh Hotel Joint Stock Company to support its operations (the same amount was recorded as at 01 January 2025), for which a provision of VND 124.4 billion had been made (unchanged from 01 January 2025) (see Note 7). We were unable to obtain sufficient evidence regarding the recoverable amount of this receivable as at both 31 December 2025 and 01 January 2025. Consequently, we could not determine whether any adjustments to these amounts are necessary.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverable amount of this receivable as at the reporting date. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related figures were necessary.

Opinion 3: “As at 31 December 2025, the cost of work in progress for the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project (see Note 10) and the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (See Note 15) amounted to approximately VND 234.1 billion and VND 25.8 billion, respectively (the same amounts were reported as at 01 January 2025). As at the reporting date of the Separate Financial Statements, the Corporation was still working with the relevant authorities on (1) approval for adjustments relating to unexpected expenses incurred in the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project and (2) the acceptance and finalization of the Corporation’s incurred expenses for the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. We were unable to obtain sufficient evidence regarding the net realizable value of these works in progress as at both 31 December 2025 and 01 January 2025. Consequently, we could not determine whether any adjustments to these amounts are necessary.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the net realizable value of the work-in-progress balance, as well as the inability to perform alternative procedures to assess the required provision for inventory devaluation. Accordingly, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related items were necessary.

Opinion 4: “Note 15 of the Separate Financial Statements presents the balance of construction in progress including projects for which the Corporation acts as the Investor that have been suspended since prior years. As at 31 December 2025, the carrying amount relating to the PetroVietnam University Urban Area Project was VND 3.88 billion. As at 1 January 2025, the total carrying amount relating to PetroVietnam University Urban Area Project and the Tien Giang Petroleum Industrial Park Project was VND 5.72 billion. We were unable to obtain adequate documentation regarding the potential future economic benefits of these projects. Consequently, we could not determine whether any adjustments to these amounts are necessary.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the future economic benefits of these projects. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related items were necessary.

Opinion 5: “As at 31 December 2025, the Corporation held investments in subsidiaries, associates and other entities with a total book value of VND 911.58 billion and an impairment provision of VND 861.84 billion. These investments were provided for impairment based on the latest financial statements available to the Corporation (see Note 4). We were unable to obtain adequate documentation regarding the impairment losses on these investments and to perform alternative procedures to assess the adequacy of the impairment provision as at 31 December 2025. Therefore, we could not determine whether adjustments to these figures are necessary.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the impairment of these investments, as well as the inability to perform alternative audit procedures to assess the required provision as at the reporting date. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary. As of the issuance date of Petrocons’ audited financial statements, Petrocons had not yet obtained the audited financial statements as of 31 December 2025 of the aforementioned companies. Accordingly, Petrocons used the most recently available financial statements of these entities to assess the value of the investments, in compliance with applicable regulations. Petrocons believes that the assessment of the aforementioned financial investments was conducted in accordance with prevailing accounting standards and regulatory requirements.

Regarding the Emphasis of Matters included in the audit report on the post-audit financial statements:

The auditors highlighted certain matters in the audit report in accordance with Vietnamese Auditing Standard No. 706. The Company affirms that these matters emphasized in the report do not constitute qualifications or disclaimers of opinion. These emphasized matters also do not represent a limitation in the scope of the audit, as the Company had fully provided all necessary supporting documents for the auditors to form their basis for assessing the issues related to these emphasis matters. These highlights are presented to draw readers’ attention to issues already disclosed in the Financial Statements. Moreover, these emphasized matters do not indicate that the financial statements fail to present fairly, in all material respects, the financial position of the Company as of December 31, 2024, as well as the results of its operations and cash flows, in conformity with Vietnamese accounting standards, the accounting regime for enterprises in Vietnam, and the relevant legal regulations on the preparation

and presentation of financial statements.

5.2 Regarding the Audited Consolidated Financial Statements of PetroCons for 2025:

AASC Auditing Firm Co., Ltd. (AASC) was unable to obtain sufficient appropriate audit evidence to form a basis for an audit opinion. Therefore, AASC could not express an audit opinion on the 2025 consolidated financial statements of PETROCONS.

Opinion 1: “As at 31 December 2025, the Consolidated Financial Statements reflect the following: an accumulated loss (code 421) of VND 4,035.98 billion, current liabilities (code 310) of VND 5,438.38 billion, which exceeded current assets (code 100) by VND 1,486.37 billion, and overdue debts as at 31 December 2025 amounting to VND 1,566.39 billion. The Corporation’s financial position as at 01 January 2025 was similarly challenging. These factors, together with the disclosures in Note 1, lead to substantial doubt about the Corporation’s ability to continue as a going concern. The Corporation’s ability to maintain operations depends on its plans to recover outstanding receivables, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, and secure financial support from shareholders and creditors. Within the scope of an audit of the financial statements, we did not obtain sufficient appropriate evidence to assess the feasibility and effectiveness of these operational plans.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the audit report is due to the inability to obtain sufficient appropriate information and, as a result, the auditor was unable to determine whether the accompanying consolidated financial statements were prepared appropriately under the assumption that the Corporation would continue as a going concern.

Opinion 2: As at 31 December 2025, the Corporation recorded a loan receivable of VND 200 billion, lent to Lam Kinh Hotel Joint Stock Company to support its business operations (as at 01 January 2025: VND 200 billion). A provision of VND 124.4 billion had been made for this loan (as at 01 January 2025: VND 124.4 billion) (Note 07). We were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverability of this receivable as at 31 December 2025 and 01 January 2025. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverable amount of this receivable as at the reporting date. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related figures were necessary.

Opinion 3: “As at 31 December 2025, the cost of work in progress related to Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project (Note 10) and Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (Note 15) amounted to approximately VND 234.1 billion and VND 25.8 billion (as at 01 January 2025: VND 245.1 billion and VND 25.8 billion). As at the reporting date, the Corporation was still engaging with the relevant authorities on: (1) approval for adjustments relating to unexpected expenses incurred in the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project and (2) acceptance and finalization of the Corporation’s incurred expenses under the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. We were unable to obtain the net realizable value of these work in progress as at 31 December

2025 and 01 January 2025. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the net realizable value of the work-in-progress balance, as well as the inability to perform alternative procedures to assess the required provision for inventory devaluation. Accordingly, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related items were necessary.

Opinion 4: Note 15 of the Notes to the Consolidated Financial Statements presents the balance of construction in progress including projects for which the Corporation acts as the Investor that have been suspended since prior years. As at 31 December 2025, the PetroVietnam University Urban Area Project amounted to approximately VND 3.88 billion. As at 01 January 2025, the PetroVietnam University Urban Area Project and the Tien Giang Petroleum Industrial Park Project amounted in aggregate to approximately VND 5.72 billion. We were unable to obtain sufficient appropriate evidence regarding the potential future economic benefits of these projects. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the net realizable value of the work-in-progress balance, as well as the inability to perform alternative procedures to assess the required provision for inventory devaluation. Accordingly, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related items were necessary.

Opinion 5: “The Corporation is consolidating Petrovietnam Urban Development Joint Stock Company (a subsidiary) into the Corporation’s Consolidated Financial Statements based on the unaudited Financial Statements for the second quarter of 2024. As at 30 June 2024, the subsidiary reported total asset of VND 15.16 billion and negative equity of VND 193.44 billion, with revenue and profit after corporate income tax amounting to VND 0.09 billion and negative VND 0.53 billion, respectively. Regarding associate companies, except for Thanh Hoa Petroleum Construction Joint Stock Company and Mien Trung Petroleum Construction Joint Stock Company, whose financial statements have been audited, the value of investments in the remaining associates is presented using the equity method based on unaudited financial statements for the financial year ended 31 December 2025 or the most recent Financial Statements available to the Corporation (Note 04). We were unable to assess the appropriateness of these figures.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the audit report was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence to assess the impact of the aforementioned matter on the Corporation’s consolidated financial statements. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

As of the issuance date of Petrocons’ audited financial statements, the Corporation had not yet obtained the audited financial statements as of 31 December 2025 of the aforementioned entities. Accordingly, Petrocons used the most recently available financial statements of those entities for consolidation purposes. Petrocons believes that the aforementioned consolidation was conducted in accordance with applicable accounting standards and prevailing regulations.

Opinion 6: As at 31 December 2025, the Corporation was unable to obtain financial statements from the investee entities related to the “Equity investments in other entities” item (code 253) on the Consolidated Statement of Financial position. The total carrying amount and total provision for these investments were VND 175.995 billion and VND 155.39 billion, respectively (as at 01 January 2025: VND 196.995 billion and VND 155.39 billion, respectively). Provisions for these investments were made based on the latest financial statements available to the Corporation. We were unable to obtain sufficient appropriate documentation to assess the impairment of these investments.”

Explanation of the Board of General Directors: The auditor’s opinion stated in the audit report was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence to assess the impact of the aforementioned matter on the Corporation’s consolidated financial statements. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

As of the issuance date of Petrocons’ audited financial statements, the Corporation had not yet obtained the audited financial statements as of 31 December 2025 of the aforementioned entities. Accordingly, Petrocons used the most recently available financial statements of those entities for consolidation purposes. Petrocons believes that the aforementioned consolidation was conducted in accordance with applicable accounting standards and prevailing regulations.

Opinion 7: Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company (a subsidiary) has neither assessed the impairment nor estimated the net realizable value of its real estate inventories, which had carrying value of VND 36.3 billion as at 01 January 2025 and 31 December 2025 (Note 10). We were unable to obtain appropriate documentation regarding the net realizable value of these real estate inventories.”

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion issued on the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor’s opinion was expressed due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the net realizable value of the aforementioned inventories, as well as the inability to perform alternative audit procedures to assess the necessary provision. Accordingly, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were required.

Opinion 8: “ At Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company, we have carried out the necessary audit procedures. However, we were unable to obtain sufficient audit evidence to confirm the accuracy and recoverable value of the work in progress of this Company as of 01 January 2025 and 31 December 2025 with a total amount of VND 33.647 billion and VND 31.148 billion, respectively. Therefore, we have not determined the necessary adjustments related to the "Work in progress" account and other related accounts, as well as any potential impacts (if any) on the accompanying consolidated financial statements.”

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor’s opinion, as presented in the audit report, was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence, and therefore, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

Opinion 9: “As at 31 December 2025, the balance of inventories presented in the financial statements of Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary)

includes construction in progress for Thai Binh 2 Thermal Power Plant, Song Hau 1 Thermal Power Plant, Tran Anh - Long An Apartment Building and Multi-purpose Building Project in District 1, with a total value of approximately VND 58.80 billion (as at 01 January 2025: VND 55.36 billion). We were unable to assess the net realizable value of these construction in progress projects as at the respective dates”.

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor’s opinion, as presented in the audit report, was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence, and therefore, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

Opinion 10: “At Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary), the balances of receivables and payables are as follows: receivables as at 01 January 2025 and 31 December 2025 amounted to VND 25.88 billion and VND 23.40 billion, respectively; payables as at 1 January 2025 and 31 December 2025 amounted to VND 15.83 billion and VND 22.49 billion, respectively. As at 31 December 2025, the company had not reviewed or assessed the collectability of the outstanding receivable balance of VND 64.19 billion for potential allowance for doubtful debts. We are unable to assess the existence, recoverability, or the necessary provision for these receivables”.

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. As of the date of preparation of the 2025 financial statements, the Company had substantially completed the confirmation of receivables and payables. However, as of the date of issuance of the financial statements, a small number of customers had not yet returned debt confirmation letters. The Company will continue to follow up with these customers to ensure full confirmation of the outstanding balances.

Opinion 11: “At Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary), as at 31 December 2025 and 01 January 2025, the Company is carrying a dividend payable relating to 2011 amounting to VND 25 billion (refer to Note 22). This amount was recognised in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2012 (Resolution No. 23/NQ-DKDD-AGM dated 16 April 2012), which approved a dividend of 5% of charter capital. However, the Company has been neither finalized the list of shareholders nor made the dividend payment. Accordingly, we are unable to assess the Company’s obligation in respect of this dividend.”

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor’s opinion, as presented in the audit report, was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence, and therefore, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

Opinion 12: “At Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company (a subsidiary), we were unable to obtain the necessary documentation related to the Thai Binh 2 Thermal Power Plant and Song Hau I Thermal Power Plant projects. Consequently, we were unable to express an opinion on the appropriateness of the cumulative revenue and cost of goods sold recognized as of 31 December 2025, which amounted to VND 893.96 billion and VND 922.11 billion, respectively (including revenue and cost of goods sold recognized in 2025 of VND 987 million and VND 987 million, respectively). Additionally, we have not been able to assess the

appropriateness and completeness of the work-in-progress expenses related to these two projects as of 31 December 2025 and 01 January 2025, with values of VND 146.47 billion and VND 146.25 billion, respectively, nor their impact on the accompanying financial statements.”

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor’s opinion, as presented in the audit report, was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence, and therefore, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

Opinion 13: “The work-in-progress balance of PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary) includes the construction in progress relating to the Commercial, Service, Office, and Apartment Complex project, amounting to VND 32.99 billion (Note 10). The project was completed and put into use in 2018; however, as of the preparation date of these Consolidated Financial Statements, its final settlement has not yet been approved”.

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. Currently, the Company has engaged an audit firm to audit the project's investment capital. Once the investment capital settlement is approved, the Company will account for the remaining work-in-progress costs accordingly.

“Also included in work-in-progress, the Company has not yet determined the net realizable value of the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project and the Song Hau 1 Thermal Power Plant Project, which have carrying amounts of VND 81.45 billion and VND 40.85 billion, respectively.”

Explanation of the Board of General Directors: At the time of preparation of the 2025 financial statements, certain completed work volumes had not yet been accepted for payment by the project owners; therefore, the Company has not been able to determine the final settlement value of these two projects with certainty. Upon completion of the project finalization, the Company will recognize these amounts as construction in progress.

Opinion 14: “At PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary): The Company has not assessed the recoverability of the long-term receivable for the Long Son Riverside Apartment Project, amounting to VND 12.89 billion (Note 16), which was completed since 2019”.

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The project is currently in the process of completing legal documentation and carrying out procedures for investment capital audit. Therefore, the Company has not yet assessed the effectiveness of its capital contribution to this project.

Opinion 15: “At PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables had not been fully reconciled and confirmed as at 01 January 2025 and 31 December 2025. Specifically, receivables amounted to VND 4.21 billion and VND 3.29 billion, respectively while payables amounted to VND 21.27 billion and VND 18.78 billion, respectively.”

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. As of the date of preparation of the financial statements, the Company had substantially completed the confirmation of receivables and payables. However, as of the date of issuance of the financial statements, a small number of customers had not yet returned debt confirmation letters. The Company will continue to follow up with these customers to ensure full confirmation of the outstanding balances.

Opinion 16: “At Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables had not been fully reconciled and confirmed as at 01 January 2025 and 31 December 2025. Specifically, payables amounted to VND 15.55 and VND 18.64 billion, respectively; receivables amounted to VND 10.31 billion and VND 10.82 billion, respectively. Meanwhile, the outstanding receivables amounted to VND 131.89 billion and 130.49 billion as of the respective dates had not been reviewed and assessed for provision by the company. “

Explanation of the Board of General Directors: This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. As of the date of preparation of the financial statements, the Company had substantially completed the confirmation of receivables and payables. However, as of the date of issuance of the financial statements, a small number of customers had not yet returned debt confirmation letters. The Company will continue to follow up with these customers to ensure full confirmation of the outstanding balances..

Regarding the Emphasis of Matter paragraphs in the post-audit financial statements:

The auditor included Emphasis of Matter paragraphs in the audit report in accordance with Vietnamese Auditing Standard No. 706. The Corporation affirms that these Emphasis of Matters do not constitute qualifications or disclaimers. These matters are also not limitations in the scope of the audit, as the Corporation has fully provided all necessary documents and evidence to the auditor to enable them to assess the issues related to the Emphasis of Matters. The inclusion of these paragraphs is intended to draw readers' attention to matters that have been appropriately presented in the financial statements. These matters do not indicate that the auditor believes the financial statements fail to present fairly, in all material respects, the Corporation's financial position as at 31 December 2025, or the results of its operations and its cash flows, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and other relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.

5.3 In order to overcome difficulties and reduce accumulated losses in the coming period, PETROCONs' leadership has outlined the following orientations and remedial solutions:

The leadership of PETROCONs is fully aware of the company's ongoing difficulties and has been making progressive efforts to address them. With the support of the Group and its member units, PETROCONs has actively reviewed, developed, and implemented solutions to resolve challenges, recover, and stabilize its business operations. Some specific solutions for the upcoming period include:

- Taking decisive action in the management and execution of all projects and construction works undertaken by PETROCONs and its member units;

- Actively promoting marketing and bidding activities to seek and add new workloads;

- Continuing to implement the overall restructuring plan of PETROCONs in accordance with the orientation approved by the Group, aiming for the Parent Company to directly participate in construction business activities, play a guiding role for its subsidiaries, fully divest investments in units outside PETROCONs' core business sectors, and enhance its management, supervision, and business operations to improve the efficiency of its subsidiaries and the use of PETROCONs' investment capital;

- Taking strong measures in reviewing, reconciling, and collecting receivables, developing detailed monthly and quarterly debt recovery plans to ensure business capital and minimize financial costs due to capital being held up;

- Actively coordinating with the Group, its member units, and state management authorities to expedite the approval of additional costs incurred in projects that PETROCONs is participating in;

- Proactively working with banks and credit institutions to restructure debts, negotiate lower loan interest rates, and arrange sufficient capital for business operations and the release of guarantees in the near future.

6. Assessment Report on PETROCONs' Environmental and Social Responsibility:

6.1 Environmental Social Responsibility:

PETROCONs strictly complies with environmental protection laws and adheres to the following criteria: pollution prevention, sustainable use of resources, mitigation of and adaptation to climate change, waste management, and energy efficiency. Assessment of environmental indicators:

- Water consumption: Normal
- Energy: Normal
- Emissions: Normal

6.2 Assessment related to labor issues:

The Corporation ensures a safe and healthy working environment for employees, improves quality of life, and contributes to maintaining a green, clean, and beautiful workplace, thereby increasing labor productivity.

6.3 Assessment of the Corporation's responsibility to the local community:

PETROCONs complies with legal regulations on environmental protection and resource exploitation; implements innovation initiatives and workforce training to ensure optimal and efficient use of input materials throughout its business and production activities.

IV. ASSESSMENT BY THE BOARD OF DIRECTORS ON PETROCONs' OPERATIONS

1. Evaluation of the Corporation's performance by the Board of Directors

In 2025, the construction industry experienced many positive transformations, marking a period of strong recovery and entering a new growth cycle after a difficult

period. The added value of the construction industry in the first six months of 2025 achieved high growth (about 9.62%), the highest in the past five years, indicating that the industry has overcome the most challenging period. In 2025, the Government promoted public investment, focusing resources on completing procedures and implementing major projects. Additionally, the resolution of legal obstacles for projects and the maintenance of low deposit and lending interest rates have gradually led to the recovery of the real estate market.

However, construction businesses also face several challenges such as: i) The prices of key raw materials remaining high, especially steel, cement, and mechanical equipment, putting significant pressure on the input costs of construction companies; ii) The disbursement progress of public investment, although improved compared to 2024, still falls short of expectations, leading to delays in the commencement of many key infrastructure projects or adjustments to their implementation plans; iii) Increasingly fierce competition among domestic and foreign contractors, particularly in the EPC sector, has increased pressure regarding financial capacity, project timelines, and construction quality.

In that context, PetroCons' production and business activities were significantly affected. Some projects that the Corporation planned to market through bidding were delayed, the settlement work faced many obstacles; outstanding debts were slow to be addressed, affecting cash flow and payment ability. In addition, the restructuring of member units, handling the finances of ongoing projects, and the pressure to repay entrusted loans also impacted the Corporation's resource planning. However, with close direction from the Board of Directors and the efforts of the Executive Board, PetroCons still maintained relative stability in operations, focused on resolving existing obstacles, improving management capacity, and preparing the foundation for the next development phase.

** Implementation situation of some tasks in 2025*

- Regarding business production results: Based on the 2025 business production plan approved by the General Meeting of Shareholders (GMS) in the Resolution of the 2025 Annual GMS No. 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK dated May 29, 2025, the entire PetroCons complex has made efforts to complete and exceed the business production tasks, with pre-tax profit of the entire complex being 7.51 billion VND, reaching 165% of the 2025 plan; after-tax profit of the entire complex is 0.77 billion VND. The parent company's profit is 10.53 billion VND, equal to 283% of the 2025 plan. The parent company PetroCons's equity as of December 31, 2025, is 296.7 billion VND.

- Construction work at projects:

+ For the key project, Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project: In 2025, PetroCons coordinated with the Project Management Board of the Thai Binh 2 EHV project to carry out the settlement of the EPC contract value; explained and obtained approval from the Investor/Project Management Board for the additional cost of management for importing equipment, and the two parties proceeded to sign Supplement No. 60, adding a pre-tax value of VND 161,610,093,708.

+ Song Hau 1 Thermal Power Plant Project: PetroCons is carrying out the finalization of 02 contracts, contract No. C11/SH1-LLM-PVC&GEOVN for Ground Treatment Construction and No. C15/SH1-LLM-PVC for Construction Items with the General Contractor Lilama. Supply of materials, repair services at Song Hau 1

Thermal Power Plant: In 2025, PetroCons won and signed several contracts such as the Crusher Roller Supply Contract No. 261/HĐ/2025/PVPGB.NMNĐSH1-PetroCons/HH, and the C&I Material Supply Contract for the DCS system 12/HĐ/2025/PVPGB.TITAN-PetroCons/SH1.

+ Southern Petroleum Institute Office Project: In 2025, PetroCons completed the final settlement documents and contract liquidation with the Investor. At the time of reporting, the Investor had signed the final settlement and contract liquidation.

+ Upgrade project of the DCS system for S7 unit - Uong Bi Thermal Power Plant: In 2025, PetroCons completed the final settlement with the Investor.

+ Project for supplying and installing inverters for the smoke fans of S2 unit - Vinh Tan 2 Thermal Power Plant: In 2025, PetroCons completed the final settlement with the Investor.

+ Construction project of the ash disposal site, water collection tower, and return water pipeline of Quang Trach 1 Thermal Power Plant: In 2025, PetroCons completed the construction work on the site and is currently conducting settlement and capital recovery activities.

+ Supply of 1A pump for Cao Ngan Thermal Power Plant: In 2025, PetroCons completed the supply and installation of the 1A pump according to the contract and is currently carrying out settlement and capital recovery activities.

- Marketing and bidding for signing economic contracts:

+ At the parent company: In 2025, the parent company PetroCons participated in bidding and won the following packages: Contract for supplying grinding balls No. 261/HĐ/2025/PVPGB.NMNĐSH1-PetroCons/HH; Contract for supplying C&I materials for the DCS system 12/HĐ/2025/PVPGB.TITAN-PetroCons/SH1; Contract No. 265/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PetroCons/HH on the implementation of the PLC system upgrade package – Thai Binh 2 Thermal Power Plant; Contract 15/2025/LP1/T23 on the construction of the ash disposal system for Long Phu 1 Thermal Power Plant; Contract 14/2025/LP1/T37 on the construction of the EPS and FGD system for Long Phu 1 Thermal Power Plant; Contract No. 178/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PetroCons/HH on the supply of grinding balls for Thai Binh 2 Thermal Power Plant; Contract No. 108/HĐ.2025.PVPGB.NMNĐTB2.PETROCONS.HH on the supply of C&I materials for Thai Binh 2 Thermal Power Plant; Contract No. 167/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PVC/HH on the procurement of materials and hiring installation services for a pressure monitoring system for dust blowers of units S1 and S2.

- Debt handling and collection: As of now, the Parent Company has handled/collected VND 12,995 billion, specifically: PVC-ME (VND 0.119 billion); Petrovietnam (VND 4.574 billion through offsetting cash from the transfer of 12/9 cement shares by purchasing Vissai cement at the Thai Binh 2 project); CNPB (VND 0.278 billion); PetroCons – Đông Đô (VND 2.093 billion); PVC – Binh Son (VND 1.106 billion, advance money for the Song Hau 1 project); DOBC (VND 4.821 billion, advance money for the Thai Binh 2 project). Currently, PetroCons is still reviewing cross debts and resolving obstacles at pending projects to develop solutions to handle/collect debts.

* Some limitations and existing issues:

The year 2025 is considered a quite successful year for PetroCons in carrying out the planned tasks with the support of the Group as well as efforts to seek and implement solutions to promote business and production of the leadership team and all employees of the Corporation. Besides the achievements mentioned above, PetroCons still has to face many difficulties arising from both subjective and objective causes, such as:

- The settlement work for packages C11 and C15 of the Sông Hậu 1 Thermal Power Plant project is still slow, due to prolonged time in agreeing on the settlement values with the Main Contractor/Investor.

- Delays in settlement for long-standing continuation projects of both the Parent Company and its member units pose potential risks in capital recovery, arising disputes, and resource wastage.

- At member units, the work of sourcing projects and signing new contracts is still limited, resulting in a shortfall in output compared to the plan. The work of completing acceptance records, settlement/approval is still relatively slow.

- The work of debt handling and recovery of due/overdue receivables of PetroCons and its subsidiaries still has many uncollectible debts, especially cross-debts between units in projects. Most of PetroCons' current member units are facing difficulties in production, business, and financial activities, and their assets are either non-existent or already pledged/mortgaged, so the units cannot arrange resources to fulfill their debt obligations to PetroCons.

- The divestment work at some units is still slow. During the implementation process, due to the nature that most of the units in PetroCons' divestment plan are loss-making/have large accumulated losses, finding partners to take over the transfer faces many difficulties.

2. Evaluation by the Board of Directors on the Performance of the Executive Board

- The Board of Directors regularly carries out supervisory work over the General Director and the members of the General Management Board during the implementation of the contents of the Board's resolutions that have been set. The General Director clearly assigns tasks to the Deputy General Directors. The members of the General Management Board all possess qualifications, competence, qualities, and experience, and are knowledgeable in the fields and tasks assigned to them. The General Management Board has deployed the unit's business production activities in a manner that is basically consistent with the resolutions of the General Meeting of Shareholders, the directions of the Board of Directors, and complies with the Charter of PetroCons and legal regulations.

- The Board of General Directors works by regularly organizing scheduled briefings with member units to promptly manage production and business activities at the units according to the general orientation, and to resolve difficulties and obstacles in the operational process of each unit. The Board of General Directors has strengthened the implementation of cost-cutting measures, strictly controlling expenses and cash flow to maintain production and business operations; implementing measures to consolidate internal resources and continuing to promote marketing, bidding, and seeking jobs to expand the market; actively seeking investors interested in acquiring capital at the units as well as facilitating activities related to the

restructuring of PetroCons.

- The payment of salaries to the employees of PetroCons Headquarters and the Project Management Board under PetroCons is carried out on the principle of linking salaries to the assigned job positions, the quality and efficiency of work, ensuring that employees working at the PetroCons parent company have a stable income. The Board of General Directors has reviewed and adjusted the internal regulations/policies of PetroCons to suit the actual production and business situation of PetroCons and submitted them to the Board of Directors of PetroCons for consideration and approval.

3. Plan and Orientation of the Board of Directors for 2026

3.1 Economic indicators achieved in 2025 and planned economic indicators for 2026:

Based on the assessment of existing resources and the expected market demand, the Board of Directors develops the business production plan for 2026 with the following main economic targets:

Unit: billion VND

No.	Indicator	Actual 2025	Plan 2026
1	Value of production and business	1.345,00	1.555,50
	– Parent company	332,00	160,02
2	Total revenue	1.707,00	2.274,02
	– Parent company	796,00	1.040,63
3	Profit before tax	4,56	7,51
	– Parent company	3,72	10,53
4	Profit after tax	4,56	0,77
	– Parent company	3,72	10,53
5	Payment to the State Budget	58,00	50,95
	– Parent company	9,00	17,82
6	Average income per employee (million VND/person/month)	14,50	16,67
	– Parent company	19,60	22,54

3.2 Key Tasks and Solutions:

In order to strive to complete the proposed plan, PetroCons has set out key tasks and solutions to be implemented in 2026, specifically:

3.2.1 Restructuring work:

- Based on PetroCons' restructuring plan for the 2026-2030 period, after approval by the Group, develop a detailed restructuring plan for 2026 to implement.

- Continue to urge member units to strengthen and focus on restructuring their business activities. Research and enhance the development of new products and services at member units: Operation and maintenance services, warranty services for thermal power plants, business and trade services for products serving construction

works such as cement, clinker, fly ash, concrete, etc.

- Promote the progress of divestment in units by posting divestment plans in the media (online newspapers/printed newspapers, etc.) to advertise and attract interested investors.

- Develop a pilot plan for bankruptcy/dissolution: Review the list of subsidiaries, select 1–2 of the least efficient units that meet legal conditions, and create a roadmap for implementing bankruptcy/dissolution procedures to report to Petrovietnam.

3.2.2 Implementation work at works/projects

- Focus all resources on implementing business production activities, managing construction operations, and deploying projects. Ensure progress and quality standards during the construction process.

- For new projects, establish strict and rigorous cost control mechanisms, especially regarding fluctuations in material prices, to ensure a positive profit margin for each project.

- Strengthen management, supervision, and construction monitoring at construction sites, regularly review project implementation status, and promptly resolve issues during construction. Organize construction scientifically, manage and closely monitor construction units to accelerate the progress of PetroCons' key projects.

- Optimize costs and processes through innovation, applying the Building Information Modeling (BIM) model, using advanced project management and design software... to improve accuracy, reduce construction time and costs, and enhance efficiency.

- Search for suppliers of materials at competitive prices while ensuring quality. Use advanced materials and technologies to increase durability, aesthetics, and environmental friendliness.

- Build relationships with customers by providing good after-sales service, promptly resolving issues that arise after project handover; Facilitate customers in payment/settlement.

3.2.3 Bid marketing activities:

- Improve the capacity and quality of the apparatus handling bidding activities. Develop and complete the data source system, including data and records of experience and capacity in executing similar projects, personnel capacity records, machinery and equipment records, supplier data, internal norms, and unit prices of the Corporation, ...

- Closely follow the production and business plan, the investment plan of the Group and subsidiaries of the Group, and actively carry out activities to search for information and access information on bidding packages inside and outside the oil and gas industry.

- Develop a detailed proposal to improve bidding capacity, including analyzing failed bids to learn from experience; proactively seek and form consortia with strong partners within and outside the industry to compensate for weak areas; focus marketing resources, closely follow key projects in the industry such as Block B project, Long Phu 1 Thermal Power Plant, Dung Quat Oil Refinery...

- Expand the market, strengthen cooperation and linkages by exploring potential markets, especially in new and underdeveloped areas, collaborating with partners in local regions to increase customer access; cooperate with large, reputable domestic and international companies to access and participate in major projects.

3.2.4 Financial and Accounting Work

- Develop plans and proactively implement the arrangement and mobilization of capital sources to ensure timely support for ongoing construction projects as well as PetroCons' production and business activities in 2026.

- Build a cash flow plan for all production and business activities in 2026, strengthening cash flow control to ensure proper use.

- Calculate economic efficiency, minimize management costs, maximize profits on projects, and closely control cost plans to improve capital usage efficiency.

- Strengthen the inspection and control of accounting work at the executive boards and member units, from which provide specific directions to enhance accounting efficiency. Consolidate the entire financial and accounting apparatus from the parent company to subsidiaries and executive boards under the Corporation.

- Continue reviewing accounts receivable, the value of work-in-progress at construction sites/projects, and units. Based on that, develop a detailed plan for debt recovery/handling in 2026 and be decisive in acceptance, settlement, debt collection, and handling/offsetting cross-debts to ensure capital recovery to serve the General Company's business operations.

- Review and develop a specific roadmap to work with the Corporation and credit institutions to handle entrusted loans and loan guarantees, reducing the burden of financial costs.

3.2.5 Work on organization management, personnel, training, and human resource development

- Seriously implement the Resolutions and Directives of the Corporation and the General Company in the work of organization, personnel, rotation planning, transfer, and appointment of staff.

- Conduct review, evaluation, and classification of staff to carry out the consolidation of organizational work, transfer, and rotation of personnel at the parent company of the General Company and its member units in accordance with the actual situation of production and business tasks and the restructuring of the General Company/member units.

- Continue to develop proposals for consolidating the Capital Representative and proceed with consolidating the Representative at the Units; strengthen the work of directing, managing, and supervising the operation and execution of tasks by PetroCons' Capital Representatives at the Units.

- Conduct management and supervision of the implementation of labor, salary, income, and policy regimes of the parent company and member units according to State regulations, the Corporation, and the actual production and business activities of the General Company.

- Strengthen the attraction and retention of high-quality human resources; provide in-depth training, focusing on core professional areas using funding supported by the

Group; enhance training on applying advanced technology in project management to improve quality; maintain and strengthen internal training at the parent company and its member units.

V. CORPORATE GOVERNANCE

1. Board of Directors

1.1 Members and Structure of the Board of Directors

- As of now, the Board of Directors of PetroCons consists of 5 members, meeting the number required by the Charter on organization and operation of PetroCons. Specifically, as follows:

- Mr. Nghiem Quang Huy - Chairman of the Board of Directors
- Mr. Tran Hai Bang – Member of the Board of Directors
- Mr. Chu Thanh Hai - Member of the Board of Directors
- One member of the Board of Directors representing Petrovietnam (not representing capital): Mr. Nguyen Hoai Nam.
- One independent member of the Board of Directors: Mr. Pham Van Khanh.

1.2 Subcommittees under the Board of Directors: PetroCons does not establish subcommittees under the Board of Directors.

1.3 Activities of the Board of Directors:

In 2025, the Board of Directors held 7 regular meetings and collected opinions from members in writing 133 times, approving 33 Resolutions, 34 Decisions, and other directive documents related to PetroCons' activities. The Resolutions/Decisions issued in 2025 are detailed in the corporate governance report No. 08/BC-XLDK dated January 15, 2026, submitted to the State Securities Commission and Hanoi Stock Exchange.

Summary of the attendance results at the Board of Directors' meetings of the members:

No.	Board Member	Meetings Attended / Total	Attendance Rate	Reason for Absence
1	Mr. Nghiem Quang Huy	07/07	100%	–
2	Mr. Chu Thanh Hai	06/07	86%	Authorization
3	Mr. Pham Van Khanh	07/07	100%	–
4	Mr. Nguyen Hoai Nam	07/07	100%	–
5	Mr. Tran Hai Bang	06/07	86%	Absent for a reason

In addition, to strengthen the supervision of the implementation of the Resolutions and Decisions of the Board of Directors in business activities, the Board of Directors has assigned its members to participate in regular and special meetings with the General Director according to the responsibilities assigned for monitoring.

1.4 Activities of Independent Members of the Board of Directors

- Independent members of the Board of Directors work on a non-permanent basis;

- Independent members of the Board of Directors basically attend all Board meetings and provide full opinions in the Board's opinion request forms;

- Fully perform the rights and obligations of Board members as prescribed in the Charter of PetroCons, the Regulations on the Operation of the Board of Directors, and the Decision on the assignment of duties of the Board members.

1.5 List of Board Members with Corporate Governance Training Certificates/ Participation in Corporate Governance Programs in the Year

List of Board Members Holding Corporate Governance Training Certificates:

No.	Member of the Board of Directors	Training Certificates	Institution	Period
1	Mr. Nghiem Quang Huy	<ul style="list-style-type: none"> - State management knowledge for civil servant program. - Pre-civil service training. - Professional bidding training - Project management and construction cost estimation in road and bridge sector - Technical training for traffic engineers - Intermediate Political Theory – HCK112 - Certificate of Board Member – DCP - Digital transformation program for senior leaders - Investment – Finance Conference 2024 - Macroeconomics and Monetary-Finance Seminar 	<ul style="list-style-type: none"> - Le Hong Phong School for Training Cadres - National Academy of Public Administration - Management Training Center - Transport Management School - JICA (Japan) - School for Transport Management Cadres - Vietnam Institute of Directors (VIOD) - Vietnam Petroleum Institute (PVU) - PETROVIETNAM - PETROVIETNAM 	<ul style="list-style-type: none"> 24/06/2004 – 10/01/2005 09/2005 – 12/2005 05/2006 11/2009 09/2008 06/2020 – 03/2021 09/2022 10–11/2023 06/2024 06/2024

No.	Member of the Board of Directors	Training Certificates	Institution	Period
2	Mr. Chu Thanh Hai	<ul style="list-style-type: none"> - Certificate of Chief Accountant training for State-owned enterprises (2004) - Certificate of Board Member – DCP - National Defense and Security (Level 2) - Seminar on Draft Law on State Capital Management and Investment in Enterprises 	<ul style="list-style-type: none"> - Academy of Finance - Vietnam Institute of Directors (VIOD) - Political Academy – Ministry of National Defense - PETROVIETNAM 	<ul style="list-style-type: none"> 10/05/2004 – 26/06/2004 11/2022 10/2023 08/2024
3	Mr. Nguyen Hoai Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Certificate in Construction Contract Negotiation, Conflict Resolution and Business Strategy Development - Advanced Procurement Training Certificate - Intermediate Political Theory - Certificate of Board Member – DCP 	<ul style="list-style-type: none"> - Hanoi University of Civil Engineering - CFTD Innovation JSC - Party Committee of Central Enterprises Bloc – Transport Management School - Vietnam Institute of Directors (VIOD) 	<ul style="list-style-type: none"> 11/2006 05/2013 06/2020 – 02/2021 09/2022
4	Mr. Tran Hai Bang	<ul style="list-style-type: none"> - Certificate of “Corporate Governance” Training Course - Certificate of Board Member – DCP - Visionary Leadership - Leadership in a VUCA World - ESG Overview - Certificate of Board Member with Environmental and Social Governance Integration (DCP-IESG) 	<ul style="list-style-type: none"> - STEC Training and Technology JSC - Vietnam Institute of Directors (VIOD) - Brainworld Vietnam - Fulbright University Vietnam - PVN and Petroleum College - Vietnam Institute of Directors (VIOD) 	<ul style="list-style-type: none"> 08/2022 11/2022 Apr–Jun 2023 02/2023 10/2023 10/2023

2. Supervisory Board

2.1 Members and organizational structure of the Supervisory Board

The Supervisory Board of the Corporation consists of three members, specifically:

- Mr. Hua Xuan Nam – Head of the Supervisory Board
- Mr. Nguyen Ngoc Cuong – Non-executive Member of the Supervisory Board (since June 30, 2021 according to Resolution No. 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK dated June 30, 2021).
- Mr. Phung Van Sy - Non-executive Member of the Supervisory Board (from June 30, 2021 according to Resolution No. 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK dated June 30, 2021 to May 29, 2025 according to Resolution No. 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK dated May 29, 2025).
- Ms. La Minh Hue - Executive Member of the Supervisory Board (since May 29, 2025 according to Resolution No. 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK dated May 29, 2025).

2.2 Activities of the Supervisory Board

- In 2025, based on the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders of the Corporation, the Supervisory Board focused on implementing regular supervision at the Parent Company of the Corporation regarding the business and production activities (BPA) of the Corporation. The supervision content carried out included the following tasks:

+ Supervising the Corporation's business and production activities through attending meetings of the Board of Directors (BOD) and the General Director Board related to the management and administration of business and production activities.

+ Inspect and supervise compliance with legal regulations, state policies and regimes; the regulations of the major shareholder, Vietnam National Coal and Mineral Industries Group; the resolutions of the Board of Directors and the executive decisions of the General Director by reviewing and studying relevant documents.

+ Attend meetings to review and evaluate the quarterly and annual business operation results of the Corporation.

+ Conduct verification of materials for the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of member units, affiliated companies, and financial investment companies; the Head of the Supervisory Board directly attends the 2025 Annual General Meeting of Shareholders at member units.

+ Quarterly, the Supervisory Board issues documents to the Board of Directors and the General Director of the Corporation requesting information and reports on the business production activities at the Corporation's parent company to serve the inspection and supervision work, while also forming the basis for preparing periodic reports to be sent to the Vietnam National Oil and Gas Group.

- Fully perform the functions and duties of the Supervisory Board in accordance with the provisions of the law, the charter of organization and operation of the Corporation, and the working regulations of the Supervisory Board: regularly inspect and supervise the Corporation's parent company; develop an annual activity plan to be submitted to the Annual General Meeting of Shareholders for approval.

- In 2025, the Supervisory Board completed the inspection and supervision plan at 5 units: Thanh Hoa Petroleum Construction Joint Stock Company (PVC-TH), Duyen Hai Petroleum Investment and Construction Joint Stock Company (PVC-Duyen Hai), Dong Do Petroleum Construction Joint Stock Company (PetroCons-Dong Do), Civil and Industrial Construction Joint Stock Company of Petroleum (PVC-IC), Petroleum Tank Pipeline Joint Stock Company (DOBC).

- For other member units, the Supervisory Board reviewed the business operation reports and related reports of the Representative/Representative of PetroCons's capital at the units, thereby promptly making recommendations and proposals to the Board of Directors and General Director of PetroCons.

- Review and appraise the financial statements of the Parent Company and the consolidated financial statements of the entire Corporation on a quarterly and annual basis in 2025; review the compliance with State regulations related to labor, wages, remuneration, and bonuses for Subsidiaries in which the Corporation holds controlling equity.

- Comply with the provisions of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, on corporate governance applicable to public companies.

In 2025, the Supervisory Board organized 02 meetings (on March 20, 2025, and on September 25, 2025) to assess the implementation of monthly and quarterly tasks and to deploy work plans for the upcoming quarters. In addition, the Supervisory Board regularly exchanged and handled work through forms such as email and telephone.

- Meetings of the Supervisory Board:

No.	Date	Members Attended	Content	Result
1	20/3/2025	3/3	Implement the operational plan of the Supervisory Board for the first 6 months of 2025.	The members of the Supervisory Board fully agree on the contents of the meeting.
2	25/09/2025	3/3	- Report on the implementation of tasks for the last 6 months of 2025 by the Supervisory Board. - Implement the plan for 2026.	The members of the Supervisory Board fully agree on the contents of the meeting.

3. Remuneration transactions and benefits of the Board of Directors, the Executive Board, and the Supervisory Board.

3.1. Salary, bonuses, remuneration, and benefits

a. Salary, bonuses, remuneration, and benefits of the Board of Directors of the Corporation

The salary/remuneration of the Board of Directors for the year 2025 is 2.284.460.076 VND. Specifically:

Unit: VND

No.	Full Name	Position	Salary/compensation for the year 2024	Salary/compensation for performance năm 2025
	Total		2.207.775.903	2.284.460.076
1	Mr. Nghiem Quang Huy	Chairman	545.647.303	573.551.443
2	Mr. Tran Hai Bang	Member	479.906.106	500.481.311
3	Mr. Nguyen Hoai Nam	Member	466.008.070	479.537.200
4	Mr. Chu Thanh Hai	Member	471.929.424	483.450.122
5	Mr. Pham Van Khanh	Member	244.285.000	247.440.000

- The operating expenses of the Board of Directors in 2025 are: 510,027,759 VND. Used in compliance with PetroCons' internal spending regulations and current regulations.

b. Salaries, bonuses, remuneration, and other benefits of the Executive Board:

The actual salary/fee received by the Board of General Directors in 2025 is 2,111,886,132 VND.

Unit: VND

No.	Full Name	Position	Salary/compensation for the year 2024	Salary/compensation for performance năm 2025
	Total		1.905.185.412	2.111.886.132
1	Mr. Tran Quoc Hoan	General Director, appointed on 01/01/2024	449.814.793	572.557.253
2	Mr. Nguyen Van Dong	Deputy General Director	507.748.575	521.417.825
3	Mr. Bui Son Truong	Deputy General Director	482.731.554	493.140.774
4	Mr. Pham Trung Kien	Deputy General Director	464.890.490	524.770.280

c. Salaries, Bonuses, Remuneration, and Other Benefits of the Supervisory Board

- The salary/remuneration actually received by the members of the Supervisory Board in 2025 is 686,187,065 VND.

Unit: VND

No.	Full Name	Position	Salary/compensation for the year 2025	Salary/compensation for performance năm 2024
	Total		686.187.065	506.218.999
1	Mr. Hua Xuan Nam	Head of Supervisory Board	454.099.420	441.418.999
2	Mr. Nguyen Ngoc Cuong	Part-time Member	43.200.000	32.400.000
3	Mr. Phung Van Sy	Part-time Member	16.200.000	32.400.000
4	Mrs. La Minh Hue	Member of the Supervisory Board	172.687.645	

- The operating cost of the Supervisory Board in 2025 is: 85,592,593 VND.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:

Năm 2025, PetroCons không có giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ.

3.3 Contracts or transactions with insiders:

In 2025, the Corporation had 15 internal contracts/transactions, specifically:

No.	Contract content	Related unit	Related unit Contract value includes VAT (VND)
1	Purchase of strategic spare materials for the HP6 feed water heating equipment – TB2 Thermal Power Plant (Contract 33/HD/2025/PVPG.CQCN-PETROCONS/HH signed on June 26, 2025)	PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Industrial - Energy Group (PVPGB)	15.800.000.000
2	Purchase of strategic spare materials for the HP6 feed water heating equipment – TB2 Thermal Power Plant (25/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH signed on July 25, 2025)	Thai Binh Petroleum Investment and Trading Joint Stock Company (PVC-TB)	15.070.000.000
3	Purchasing materials and hiring services for the installation of the pressure parameter monitoring system for the dust blowers of units S1, S2 (Contract	PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Industrial - Energy Group (PVPGB)	2.784.786.862

	167/HĐ/2025/PVPG.NMĐTB2-PETROCONS/HH signed on July 3, 2025)		
4	Purchase of materials and hire of services for installing the monitoring system for pressure parameters of the dust blowing nozzles of units S1, S2 (Contract 22/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH signed on July 22, 2025)	Thai Binh Petroleum Investment and Trading Joint Stock Company (PVC-TB)	2.695.674.010
5	Purchasing limestone crushing balls for business production in 2025 – Thai Binh 2 Thermal Power Plant; 178/HĐ/2025/PVPG.NMĐTB2-PETROCONS/HH signed on July 8, 2025	PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Industrial - Energy Group (PVPGB)	1.610.999.280
6	Purchase of limestone grinding balls for business production in 2025 – Thai Binh 2 Thermal Power Plant; Contract 21/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH signed on July 21, 2025	Thai Binh Petroleum Investment and Trading Joint Stock Company (PVC-TB)	1.553.818.750
7	Soil Improvement Work of the Block B – O Mon Gas Pipeline Project – Contract No. 76-2025/PTSC-SWEPC/HD signed on April 22, 2025	Vietnam Petroleum Technical Services Corporation (PTSC)	95.865.877.214
8	Construction of access road – Contract No. 16-2025/ PetroCons-PVC.IC signed on May 20, 2025	PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC)	3.099.239.067
9	Procurement of C&I replacement materials (DCS System) in 2024 for Song Hau 1 Power Plant – Contract No. 12/HĐKT/2025/PVPGB-TITAN-PETROCONS/SH1 dated April 17, 2025	PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Industrial - Energy Group (PVPGB)	11.689.438.356
10	C&I Material Procurement Package ensuring availability - Thai Binh 2 Thermal Power Plant – Contract No. 108/HĐ/2025/PVPGB.NMĐTB2-PetroCons/HH dated 16/5/2025	PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Industrial - Energy Group (PVPGB)	1.848.103.400
	Upgrade of the PLC system at Thai	PetroVietnam Power	

11	Binh 2 thermal power plant – Contract No. 265/HĐ/2025/PVPG.B.NMTB2-PetroCons/HH signed on September 19, 2025	Generation Branch - Vietnam National Industrial - Energy Group (PVPG.B)	7.463.050.804
12	Package T37 'Customs clearance, domestic transportation, construction, installation of the ESP and FGD system of Long Phu 1 Thermal Power Plant project' – Contract No. 14/2025/HĐKT/LP1PP/LP1-T37 signed on September 29, 2025	Management Board of Long Phu 1 Gas-Power Project	90.134.833.764
13	Import Entrustment Contract: Supply of Bases and Superstructure Blocks for C37-A, NMT-A & SB15-A rigs, including materials for ONGC WPAPP, DSF-II Project according to the scope of work – Contract No. 150/PVCMS - PETROCONS/Import Entrustment Contract signed on August 12, 2025	Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại & Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	81.654.924.367
14	Purchasing limestone crushing balls for Song Hau 1 Thermal Power Plant; Contract No. 261/HĐ/2025/PVPG.NMĐSH1-PETROCONS/HH signed on October 21, 2025	PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Industrial - Energy Group (PVPG.B)	3.019.170.000
15	Purchase of limestone crushing balls for Song Hau 1 Thermal Power Plant; Contract No. 47/HĐ/2025/PetroCons - PVC.TB/HH signed on November 21, 2025	Thai Binh Petroleum Investment and Trading Joint Stock Company (PVC-TB)	2.906.750.000

3.4 On the Implementation of Corporate Governance Regulations:

The Corporation fully complies with corporate governance regulations.

IV. FINANCIAL STATEMENTS

1. Auditor's Opinion: Refer to Section 5, Chapter III – Report and Evaluation by the Board of Management.

2. Audited Financial Statements:

- The 2025 audited consolidated financial statements of PETROCONS: *Attached.*

- The 2025 audited separate financial statements of PETROCONS: Available on the website at: <https://petrocons.vn/pvx-cbtt-vb-giai-trinh-bctc-cong-ty-me-nam-2025-sau-kiem-toan>

Recipients: ↗

- As mentioned above;
- BOD; BOS (e-copy);
- Board of Directors (e-copy);
- CGO-CS (e-copy);
- Clerical work, Financial accounting.

**CONFIRMATION BY THE LEGAL
REPRESENTATIVE
GENERAL DIRECTOR**



Mr. Tran Quoc Hoan



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 65
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 65

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	
Bà La Minh Huệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Quốc Hoàn

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 08 đến trang 65, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.631,68 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

3. Tại ngày 31/12/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 234,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước. Tại ngày 31/12/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí số tiền là 3,88 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang tổng số tiền là 5,72 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 do Công ty này tự lập (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ 6 tháng đầu năm 2024 lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.
6. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 175,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 196,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND), dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.
7. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.
8. Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty này tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 với tổng số tiền lần lượt là 33,647 tỷ VND và 31,148 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
9. Tại ngày 31/12/2025, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 58,80 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025: 55,36 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.

10. Tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con), Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là 25,88 tỷ VND và 23,40 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là: 15,83 tỷ VND và 22,49 tỷ VND. Các khoản nợ phải thu chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2025 là 64,19 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.
11. Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con), tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025, Công ty đang theo dõi khoản phải trả cổ tức năm 2011 số tiền là 25 tỷ VND (xem thuyết minh 22). Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (Nghị quyết số 23/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2012) với tỷ lệ cổ tức là 5% Vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện chốt danh sách cổ đông và chi trả phần cổ tức này. Chúng tôi chưa thể đánh giá nghĩa vụ của Công ty về khoản Cổ tức này.
12. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi đã không thể thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến một số hạng mục thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2025 với tổng giá trị lần lượt là 893,96 tỷ VND và 922,11 tỷ VND (trong đó giá trị doanh thu, giá vốn đã được Công ty ghi nhận trong năm nay lần lượt là 987 triệu VND và 987 triệu VND); chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hạng mục nêu trên tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025 với giá trị lần lượt là 146,47 tỷ VND và 146,25 tỷ VND, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
13. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án. Cũng tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 với giá trị sổ sách lần lượt là 81,45 tỷ VND và 40,85 tỷ VND.
14. Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019.
15. Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,21 tỷ VND và 3,29 tỷ VND; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 21,27 tỷ VND và 18,78 tỷ VND.
16. Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 15,55 tỷ VND và 18,64 tỷ VND; các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 10,31 tỷ VND và 10,82 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025 lần lượt là 131,89 tỷ VND và 130,49 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nào về các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

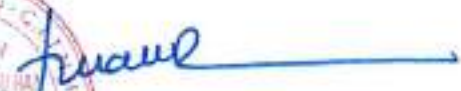
Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC





Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.952.010.638.494	4.611.664.998.814
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	216.258.196.695	433.474.223.994
111	1. Tiền		120.610.628.129	255.791.531.076
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.647.568.566	177.682.692.918
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	299.737.148.504	254.505.326.478
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.900.000.000	14.900.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		298.722.148.504	253.490.326.478
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.049.438.289.435	1.957.524.578.173
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.653.714.479.152	1.663.260.397.192
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	614.457.863.572	570.160.345.945
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	485.010.604.849	419.600.886.765
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.060.263.012.651)	(1.052.014.338.142)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		841.401.020	840.332.920
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.296.303.009.831	1.817.989.197.656
141	1. Hàng tồn kho		1.435.183.096.598	1.937.818.905.304
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(138.880.086.767)	(119.829.707.648)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		90.273.994.029	148.171.672.513
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.255.522.428	3.443.165.122
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		54.417.778.958	110.091.427.591
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	34.600.692.643	34.637.079.800

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.141.944.580.633	1.509.221.766.538
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		27.266.262.226	28.744.401.590
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	9.262.236.011
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	27.266.262.226	28.567.933.637
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(9.085.768.058)
220	II. Tài sản cố định		983.292.048.099	1.019.336.731.121
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	731.994.415.442	767.327.869.072
222	- Nguyên giá		1.618.057.605.919	1.626.973.749.975
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(886.063.190.477)	(859.645.880.903)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	251.297.632.657	252.008.862.049
228	- Nguyên giá		269.672.024.444	274.650.242.344
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.374.391.787)	(22.641.380.295)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	106.690.395.945	85.507.988.185
231	- Nguyên giá		135.326.253.059	111.067.844.188
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.635.857.114)	(25.559.856.003)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	145.993.608.656	138.515.570.946
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		36.044.435.616	25.064.213.539
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		109.949.173.040	113.451.357.407
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	764.510.074.315	78.900.512.009
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		29.132.971.817	32.208.529.511
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		185.313.000.000	206.313.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(159.621.017.502)	(159.621.017.502)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		709.685.120.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		114.192.191.392	158.216.562.687
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	88.065.323.809	100.284.708.167
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35	13.229.667.583	18.801.350.080
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	12.897.200.000	39.130.504.440
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.093.955.219.127	6.120.886.765.352

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.613.950.796.674	5.641.651.070.373
310	I. Nợ ngắn hạn		5.438.381.719.533	5.437.620.269.856
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.086.872.810.043	3.267.033.909.932
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	263.139.941.973	232.242.459.037
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	101.123.640.350	125.235.476.617
314	4. Phải trả người lao động		74.364.954.892	48.701.521.223
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	570.970.124.293	453.154.875.592
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	3.194.386.718	6.249.109.721
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	600.945.371.006	614.469.088.864
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	736.114.733.940	694.791.647.252
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	5.911.574.700	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.255.818.382)	(4.257.818.382)
330	II. Nợ dài hạn		175.569.077.141	204.030.800.517
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	115.497.608.588	115.497.608.588
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	45.522.199.903	50.831.503.317
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	2.549.268.650	2.923.199.868
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	12.000.000.000	24.000.000.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	-	10.778.488.744
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		480.004.422.453	479.235.694.979
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	480.004.422.453	479.235.694.979
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.831.719.482	6.831.719.482
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.681.220.411	22.681.220.411
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.720.195)	(29.720.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		150.859.427.814	150.859.427.814
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		233.648.426	233.648.426
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.035.975.171.212)	(4.023.784.000.841)
421a	- LNST phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(4.023.784.000.841)	(4.031.153.886.036)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(12.191.170.371)	7.369.885.195
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		335.403.297.727	322.443.399.882
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.093.955.219.127	6.120.886.765.352



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	2.208.452.774.951	1.213.006.106.954
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.208.452.774.951	1.213.006.106.954
11	3. Giá vốn hàng bán	28	2.078.099.951.608	1.161.337.416.194
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.352.823.343	51.668.690.760
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	29	43.660.493.111	42.871.334.402
22	6. Chi phí tài chính	30	41.424.853.892	63.779.127.190
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		33.514.834.197	36.198.593.108
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(3.075.557.694)	(904.837.501)
25	8. Chi phí bán hàng		5.171.808.651	2.074.093.980
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	129.696.811.377	74.129.955.136
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.355.715.160)	(46.347.988.645)
31	11. Thu nhập khác	32	21.905.976.755	62.899.113.840
32	12. Chi phí khác	33	9.036.492.994	11.743.521.972
40	13. Lợi nhuận khác		12.869.483.761	51.155.591.868
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.513.768.601	4.807.603.223
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	1.173.358.630	2.077.618.123
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	5.571.682.497	116.962.081
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>768.727.474</u>	<u>2.613.023.019</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(12.191.170.371)	7.369.885.195
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		12.959.897.845	(4.756.862.176)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(30)	18



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.513.768.601	4.807.603.223
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		40.289.235.931	39.785.216.032
03	- Các khoản dự phòng		1.966.287.890	(100.588.459.527)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.193.998.381	(4.169.787.846)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.128.822.038)	(15.713.639.682)
06	- Chi phí lãi vay		33.514.834.197	36.198.593.108
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		73.349.302.962	(39.680.474.692)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.964.302.956)	126.676.626.746
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		505.144.670.265	125.374.406.428
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(84.432.666.859)	(69.001.830.745)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14.407.027.052	10.032.760.183
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.324.948.598)	(1.064.453.316)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(37.954.648)	(497.536.232)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.072.300.000	1.215.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.903.000.000)	(1.244.200.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		495.310.427.218	151.810.298.372
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.068.877.225)	(74.871.289.249)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.044.118.636	16.703.561.704
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(861.496.942.026)	(248.251.366.478)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		106.580.000.000	304.873.589.041
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.110.205.683	12.160.940.711
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(741.831.494.932)	10.615.435.729
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		95.755.285.291	100.137.532.071
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(66.432.198.603)	(148.788.933.736)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		29.323.086.688	(48.651.401.665)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(217.197.981.026)	113.774.332.436
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		433.474.223.994	315.530.103.712
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.046.273)	4.169.787.846
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>216.258.196.695</u>	<u>433.474.223.994</u>



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, tương ứng 400.000.000 cổ phần, mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 140 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 154 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Doanh thu năm nay tăng mạnh trên các loại hình, cụ thể:

- Doanh thu bán hàng tăng do trong năm Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) đã thực hiện cung cấp vật liệu xây dựng như thép, màng chống thấm, xi măng cho các dự án của Công ty CP GeoVietnam (ghi nhận 95,88 tỷ VND);
- Doanh thu từ hoạt động xây lắp tăng mạnh do Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang trong giai đoạn cuối chuẩn bị quyết toán, trong năm Tổng Công ty đang gấp rút nghiệm thu các hạng mục lớn còn lại với chủ đầu tư. Cùng với đó, tại Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) doanh thu hoạt động xây lắp cũng ghi nhận tăng trưởng mạnh do thực hiện nhiều hạng mục lớn tại các Dự án Lô B - Ô Môn, Lạc Đả Vàng, ONGC WPAPP - DSF-II - Ấn Độ.
- Doanh thu dịch vụ tăng do Công ty mẹ ghi nhận khoản doanh thu về tiền điện chạy thử tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Áp dụng giá định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.631,68 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Một số Báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty cũng tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục như: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Đến nay, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư, Tổng Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Tổng Công ty trình Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang quyết liệt thực hiện các giải pháp khác và tin tưởng rằng các giải pháp này sẽ thành công và Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Cấu trúc tập đoàn

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Hưng Yên	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	TP HCM	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	48,62%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	TP HCM	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	TP HCM	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, riêng Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) được hợp nhất theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh" và "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Tổng Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê đất
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.12 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 25 - 38 năm

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, các BCC của Tổng Công ty là BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, kế toán tiếp tục thực hiện:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.16 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

2.17 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.19 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoãn nhập.

2.21 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.22 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.24 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.25 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.26 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.30 Thông tin bộ phận

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	4.021.433.244	5.238.205.288
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	116.589.194.885	250.553.325.788
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.743.027.762	13.978.111.303
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	461.414.901	2.254.370.501
- Các ngân hàng khác	114.384.752.222	234.320.843.984
Các khoản tương đương tiền (i)	95.647.568.566	177.682.692.918
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	4.200.000.000
- Các ngân hàng khác	95.647.568.566	173.482.692.918
	216.258.196.695	433.474.223.994
Trong đó số dư với các bên liên quan		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.743.027.762	18.178.111.303
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.743.027.762	13.978.111.303
- Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000

- (i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 95.647.568.566 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 4,1%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	298.722.148.504	-	253.490.326.478	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	40.800.000.000	-	35.780.000.000	-
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	45.316.000.000	-	45.316.000.000	-
- Các ngân hàng khác	212.606.148.504	-	172.394.326.478	-
	298.722.148.504	-	253.490.326.478	-
Đầu tư dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	709.685.120.000	-	-	-
	709.685.120.000	-	-	-
Trong đó số dư với các bên liên quan				
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	40.800.000.000	-	35.780.000.000	-

- (i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 298.722.148.504 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9 %/năm đến 6,12 %/năm.

Trong đó:

- Các khoản tiền có giá trị 189.037.688.190 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng này (Xem thuyết minh 24);
- Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 45,3 tỷ VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản tiền này sẽ được chi trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất.

- (ii) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng có giá trị 28.180.000 USD được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất 0%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	14.900.000.000	(13.885.000.000)	14.900.000.000	(13.885.000.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
Nội ngoại thất Dầu khí				
Các khoản khác	300.000.000	-	300.000.000	-
	14.900.000.000	(13.885.000.000)	14.900.000.000	(13.885.000.000)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	Mã CK	Địa chỉ	31/12/2025			01/01/2025		
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			%	%	VND	%	%	VND
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC		Hà Nội	44,00	44,00	-	44,00	44,00	-
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	PID	Hà Nội	49,98	49,98	-	49,98	49,98	-
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	Nghệ An	22,64	22,64	-	22,64	22,64	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72	24,72	-	24,72	24,72	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		Hải Phòng	42,46	42,46	28.574.743.188	42,46	42,46	31.417.598.211
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		Hà Nội	97,22	35,00	558.228.629	97,22	35,00	790.931.300
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)		Hà Nội	35,83	35,83	-	35,83	35,83	-
- Công ty CP Thị công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí		Hà Nội	40,00	40,00	-	40,00	40,00	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	Thanh Hóa	36,00	36,00	-	36,00	36,00	-
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh		Thanh Hóa	35,01	43,16	-	35,01	43,16	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	Đà Nẵng	48,27	48,27	-	48,27	48,27	-
					29.132.971.817			32.208.529.511

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31/12/2025 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Tại ngày 31/12/2025, giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết được Tổng Công ty đánh giá giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị thu thập được tại thời điểm gần nhất.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên kết trong năm: Chi tiết xem tại Thuyết minh 42.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND		VND	VND	
- Công ty CP Xi măng Hạ Long (ii)	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	2.500.000.000	(1.200.936.821)	1,67% (*)	23.500.000.000	(1.200.936.821)	15,67% (*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (ii)	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (ii)	3.000.000.000	-	3,99%	3.000.000.000	-	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	2.795.000.000	-	5,00%	2.795.000.000	-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (ii)	2.500.000.000	-	10,00%	2.500.000.000	-	10,00%
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (ii)	5.400.000.000	(5.400.000.000)	7,25%	5.400.000.000	(5.400.000.000)	7,25%
- Các khoản đầu tư dài hạn khác (ii)	9.318.000.000	(4.231.833.881)		9.318.000.000	(4.231.833.881)	
	185.313.000.000	(159.621.017.502)		206.313.000.000	(159.621.017.502)	

(ii) Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là 185,31 tỷ VND và khoảng 159,62 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: khoảng là 206,31 tỷ VND và khoảng 159,62 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2025 và năm 2024 được kiểm toán của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác, do đó dự phòng đầu tư tài chính đang được trích theo báo cáo tài chính các năm trước của các Công ty này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") tại 01/01/2025 là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương").

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Ngày 27/09/2024, Tổng Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Ngày 27/06/2025, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Ngày 24/09/2025, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-XLKD về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc và ghi tăng tài sản đối với thửa đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ. Do đó, tại ngày 31/12/2025, giá trị khoản vốn góp của Tổng Công ty tại PVC - Kinh Bắc còn lại 2.500.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 1,67%.

Ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLKD Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m² đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ). Theo đó, Khu đất có diện tích 3.400 m² được đưa ra đấu giá công khai với mức khởi điểm 210.633.400.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xi măng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	1,67%	1,67%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Trị	3,99%	3,99%	Xây dựng dân dụng, đầu tư, kinh doanh bất động
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Ninh Bình	5,00%	5,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	Hà Nội	7,25%	7,25%	Xây lắp

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	1.198.425.713.302	(157.826.033.909)	1.267.201.651.433	(157.219.916.726)
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.549.727.139	-	5.548.525.269	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	786.064.069.692	-	881.154.608.947	-
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	44.066.850.827	-	5.862.270.296	-
Viện Dầu khí Việt Nam	30.336.867.228	(747.531.048)	36.963.772.960	(747.531.048)
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	-	50.006.385.426	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	(91.619.056.480)	91.619.056.480	(91.619.056.480)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.073.811.922	(200.156.144)	23.291.878.505	(200.156.144)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.858.853.155	(27.158.853.155)	27.858.853.155	(27.158.853.155)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	(1.518.493.750)	6.097.621.800	(1.518.493.750)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-	16.811.955	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	37.060.810.724	(23.936.985.990)	41.635.737.524	(23.330.868.807)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	23.115.000	-	23.115.000	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	532.785.009	(532.785.009)	532.785.009	(532.785.009)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.518.282.409	(9.518.282.409)	9.518.282.409	(9.518.282.409)
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	(366.052.500)	366.052.500	(366.052.500)
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	-	-	16.235.738.266	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	66.506.774.610	-	50.742.318.506	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	-	2.000.000.002	-
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	62.166.603	(62.166.603)	62.166.603	(62.166.603)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	(2.165.670.821)	2.165.670.821	(2.165.670.821)
Bên khác	455.288.765.850	(116.562.118.704)	396.058.745.759	(118.331.077.589)
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	57.841.498.305	-	69.049.973.934	-
Các đối tượng khác	397.447.267.545	(116.562.118.704)	327.008.771.825	(118.331.077.589)
	1.653.714.479.152	(274.388.152.613)	1.663.260.397.192	(275.550.994.315)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
<i>Bên liên quan</i>	249.019.312.075	(173.664.818.848)	249.019.312.075	(173.664.818.848)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	(26.196.864.426)	54.324.395.257	(26.196.864.426)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	(160.772.360)	229.674.800	(160.772.360)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.617.459.964	(11.617.459.964)	11.617.459.964	(11.617.459.964)
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	3.418.342.062	-	3.418.342.062	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	(26.744.518.395)	28.268.366.989	(26.744.518.395)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	-	42.215.869.300	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	80.284.927	(80.284.927)	80.284.927	(80.284.927)
<i>Bên khác</i>	365.438.551.497	(145.491.378.754)	321.141.033.870	(137.499.948.253)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	120.028.310.242	(24.497.588.138)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	10.556.466.443	(3.236.726.458)	14.556.466.443	(3.236.726.458)
Các đối tượng khác	234.853.774.812	(117.757.064.158)	193.197.687.686	(116.407.064.158)
	614.457.863.572	(319.156.197.602)	570.160.345.945	(311.164.767.101)
b) Dài hạn				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	-	-	6.641.430.501	(6.641.430.501)
Các đối tượng khác	-	-	2.620.805.510	(2.444.337.557)
	-	-	9.262.236.011	(9.085.768.058)

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	355.676.953.493	(269.172.594.052)	-	-	355.676.953.493	(269.172.594.052)

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (Oceanbank - nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	3.880.131.484	-	2.994.975.148	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	6.750.990.000	(6.750.990.000)
Phải thu về tạm ứng	67.113.267.284	(6.602.653.657)	48.314.987.793	(3.630.344.555)
Ký cược, ký quỹ	46.236.200.620	-	4.158.250.243	-
Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	115.369.622.286	(27.733.568.215)	109.513.848.523	(27.733.568.215)
Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
Phi trọng tài quốc tế chưa có phán quyết (ii)	4.889.875.320	-	4.889.875.320	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
Phải thu các đội xây dựng	16.819.381.673	(16.819.381.673)	16.819.381.673	(16.819.381.673)
Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	(4.917.824.644)	4.917.824.644	(4.917.824.644)
Phải thu khác	149.848.603.136	(65.978.407.643)	152.056.045.019	(67.530.631.035)
	485.010.604.849	(197.546.068.384)	419.600.886.765	(196.125.982.674)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	24.052.800.501	-	23.954.471.912	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	3.213.461.725	-	4.613.461.725	-
	27.266.262.226	-	28.567.933.637	-

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	59.131.387.608	(3.778.366.082)	56.894.768.733	(3.778.366.082)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	51.964.023.259	(6.138.310.290)	48.630.948.027	(6.138.310.290)
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	(4.742.067.735)	6.840.056.555	(4.742.067.735)
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	(3.899.613.813)	5.360.238.712	(3.899.613.813)
- Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	(33.584.659.686)	33.584.659.686	(33.584.659.686)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	(8.125.138.911)	20.507.270.308	(8.125.138.911)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.727.967.044	-	2.441.887.388	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	2.008.154.052	(2.008.154.052)	2.008.154.052	(2.008.154.052)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	368.366.166	-	368.366.166	-
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	274.000.624	-	274.000.624	-
- Viện Dầu khí Việt Nam	124.742.000	-	124.742.000	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	(28.795.218.993)	28.795.218.993	(28.795.218.993)
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	1.669.212.234	-	1.669.212.234	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	417.223.063	-	1.920.077.283	-
	213.772.520.304	(91.071.529.562)	209.419.600.741	(91.071.529.562)

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 39).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đệ trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 17). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng	326.874.680.522	52.486.527.909	328.178.418.416	52.627.424.101
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	-	91.619.056.480	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.158.853.155	-	27.158.853.155	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.073.811.922	22.872.086.778	23.291.878.505	23.091.722.361
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	30.380.282.717	6.443.296.727	25.401.643.107	2.070.774.300
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	29.273.930.682	-	29.273.930.682	-
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	-	2.165.670.821	-
Công ty CP TID	14.604.536.064	12.998.328.937	19.604.536.064	17.448.428.851
Các đối tượng khác	90.026.319.631	10.172.815.467	91.090.730.552	10.016.498.589
b) Trả trước cho người bán	353.958.546.730	34.802.349.128	355.052.884.287	34.802.349.128
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	31.212.207.481	6.714.619.343	31.212.207.481	6.714.619.343
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.617.459.964	-	11.617.459.964	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	21.708.864.306
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
Công ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	34.069.058.988	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Các đối tượng khác	37.444.750.526	5.219.940.661	38.539.088.083	5.219.940.661



	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
c) Phải thu về cho vay	355.676.953.493	86.504.359.441	355.676.953.493	86.504.359.441
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
d) Phải thu khác ngắn hạn	229.582.595.987	32.036.527.603	221.087.755.915	24.961.773.241
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	163.889.314	-	163.889.314	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	17.731.272.367	21.447.520.000	17.731.272.367
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735
Công ty CP Vinaconex 39	103.192.384	-	103.192.384	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	-	33.584.659.686	-
Công ty CP Hasky	596.348.696	-	2.196.348.696	-
Công ty CP Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	72.981.411.003	9.563.187.501	62.886.570.931	2.488.433.139
	<u>1.266.092.776.732</u>	<u>205.829.764.081</u>	<u>1.259.996.012.111</u>	<u>198.895.905.911</u>

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.205.254.546	(3.090.115.856)	6.465.655.339	(3.169.300.408)
Công cụ, dụng cụ	4.172.928.151	(20.555.000)	4.920.179.637	(641.939.651)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	1.380.938.588.393	(135.769.415.911)	1.867.032.182.874	(104.607.633.381)
Hàng hoá (ii)	43.866.325.508	-	59.400.887.454	(11.410.834.208)
	1.435.183.096.598	(138.880.086.767)	1.937.818.905.304	(119.829.707.648)

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	774.175.769.719	1.400.422.457.557
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	234.057.721.353	245.057.868.468
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (**)	32.986.594.500	32.986.594.500
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	109.184.687.878	109.132.879.549
Các công trình khác	230.533.814.943	79.432.382.800
	1.380.938.588.393	1.867.032.182.874

(*) Công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lương hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(**) Đây là phần chi phí dở dang còn lại của hạng mục công trình thuộc dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 tuy nhiên chưa được phê duyệt quyết toán.

(ii) Giá trị hàng hóa tồn kho tại 01/01/2025 và 31/12/2025 bao gồm các căn hộ thuộc dự án chung cư khách sạn Dầu khí Thái Bình có giá trị 36.302.881.834 VND do Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình là chủ đầu tư. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của các bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	343.438.142	2.739.278.366
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	912.084.286	703.886.756
	1.255.522.428	3.443.165.122
b) Dài hạn		
Chi phí hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	74.883.736.758	77.108.006.166
Chi phí thuê văn phòng	4.167.358.945	5.472.381.608
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.923.424.362	11.290.062.911
Chi phí sửa chữa tài sản	2.305.562.968	5.680.032.353
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.785.240.776	734.225.129
	88.065.323.809	100.284.708.167

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.195.965.028.491	292.882.481.565	110.421.257.838	27.704.982.081	1.626.973.749.975
Mua trong năm	-	241.640.000	1.340.911.515	202.709.489	1.785.261.004
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.661.699.665	-	-	-	1.661.699.665
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	(804.001.007)	(2.790.791.302)	(9.973.695.854)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(2.389.408.871)	-	-	-	(2.389.408.871)
Số dư cuối năm	1.195.237.319.285	286.745.218.020	110.958.168.346	25.116.900.268	1.618.057.605.919
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	446.854.077.643	276.299.653.562	109.026.573.665	27.465.576.033	859.645.880.903
Khấu hao trong năm	28.452.392.966	8.421.003.687	324.756.537	120.614.204	37.318.767.394
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	(804.001.007)	(2.790.791.302)	(9.973.695.854)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(927.761.966)	-	-	-	(927.761.966)
Số dư cuối năm	474.378.708.643	278.341.753.704	108.547.329.195	24.795.398.935	886.063.190.477
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	749.110.950.848	16.582.828.003	1.394.684.173	239.406.048	767.327.869.072
Tại ngày cuối năm	720.858.610.642	8.403.464.316	2.410.839.151	321.501.333	731.994.415.442

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 332.296.099.913 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 374.037.139.512 VND VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 392.980.692.168 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 401.187.220.987 VND).

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	253.189.029.962	21.461.212.382	274.650.242.344
Số dư cuối năm	253.189.029.962	16.482.994.482	269.672.024.444
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	2.411.211.376	20.230.168.919	22.641.380.295
Khấu hao trong năm	110.942.046	600.287.346	711.229.392
Số dư cuối năm	2.522.153.422	15.852.238.365	18.374.391.787
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	250.777.818.586	1.231.043.463	252.008.862.049
Tại ngày cuối năm	250.666.876.540	630.756.117	251.297.632.657

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 14.593.074.482 VND (tại ngày 01/01/2025 là 19.571.292.382 VND).

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	111.067.844.188	111.067.844.188
Tăng do phân loại từ tài sản cố định hữu hình	2.389.408.871	2.389.408.871
Giảm do phân loại sang hàng tồn kho	(2.220.000.000)	(2.220.000.000)
Số dư cuối năm	111.237.253.059	111.237.253.059
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	25.559.856.003	25.559.856.003
Khấu hao trong năm	2.259.239.145	2.259.239.145
Tăng do phân loại từ tài sản cố định hữu hình	927.761.966	927.761.966
Giảm do phân loại sang hàng tồn kho	(111.000.000)	(111.000.000)
Số dư cuối năm	28.635.857.114	28.635.857.114
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	85.507.988.185	85.507.988.185
Tại ngày cuối năm	82.601.395.945	82.601.395.945

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư cho thuê dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay; tại ngày 31/12/2025 là 41.932.656.596 VND (tại ngày 01/01/2025 là 54.565.800.473 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư phát sinh trong năm là Quyền sử dụng 3.400 m² đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ có nguyên giá là 24.089.000.000 VND, được thu hồi theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương (xem thuyết minh 04 mục d). Bất động sản này đang được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên giá thị trường của tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	12.180.083.636	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.522.744.186	1.811.134.827	7.922.605.746	2.210.996.386
	71.243.973.580	36.044.435.616	71.643.835.139	25.064.213.539

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty đã thi công tại công trình này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Mua sắm	147.550.832	147.550.832
- Mua sắm tài sản	147.550.832	147.550.832
Xây dựng cơ bản	109.801.622.208	113.303.806.575
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Ráp (ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang	-	1.835.100.923
- Các công trình, dự án khác (iii)	2.735.110.962	4.402.194.406
	109.949.173.040	113.451.357.407

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Ráp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu

khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 426/XLĐK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

- (iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Dolphin Plaza	-	26.233.304.440
Góp vốn hợp tác Dự án Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	12.897.200.000
	<u>12.897.200.000</u>	<u>39.130.504.440</u>

(i) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/08/2010:

- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (IDICO Long Sơn); Công ty CP Xây dựng Thương mại dịch vụ Khang Thông (Khang Thông); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC - Công ty con của Tổng Công ty) tỷ lệ góp vốn lần lượt là 85%, 5% và 10%;
- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nội dung hợp tác: kinh doanh phần diện tích căn hộ chung cư, trung tâm thương mại cùng các giá trị tài sản khác hình thành trong quá trình đầu tư, khai thác, kinh doanh dự án;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Các bên tham gia được hưởng lợi nhuận, gánh chịu rủi ro lỗ hoặc các khoản rủi ro kinh doanh trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành (IDICO Long Sơn) và theo tỷ lệ góp vốn.

Tại ngày 31/12/2025: dự án đã hoàn thành thi công, mở bán và kinh doanh với phần căn hộ, diện tích sản trung tâm thương mại. Đến thời điểm hiện tại, Do dự án đang vướng thủ tục pháp lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở lâu dài nên PVC-IC chưa nhận kết quả phân chia kinh doanh từ Hợp đồng này.

17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	409.174.635.738	409.174.635.738	410.901.334.379	410.901.334.379
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.327.001.690	2.327.001.690	7.976.738.009	7.976.738.009
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4.061.951.289	4.061.951.289	4.042.951.289	4.042.951.289
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	32.549.589.904	32.549.589.904	27.903.667.974	27.903.667.974
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	177.049.565.265	177.049.565.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	60.120.064.452	60.120.064.452	60.399.700.035	60.399.700.035
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.987.074.805	14.987.074.805	15.291.823.474	15.291.823.474
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
Bên khác	2.677.698.174.305	2.677.698.174.305	2.856.132.575.553	2.844.037.304.732
Công ty DL E&C Co., Ltd (ii)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	232.379.768.460	232.379.768.460	206.781.647.084	206.781.647.084
Tập đoàn Sojitz	-	-	111.744.046.642	111.744.046.642
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	153.320.580.538	153.320.580.538	166.965.691.507	166.965.691.507
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	99.180.983.857	99.180.983.857	95.708.461.469	95.708.461.469
Tổng Công ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV	60.478.955.914	60.478.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914
S-Tank Engineering Co.,Ltd	69.232.782.902	69.232.782.902	68.276.803.542	68.276.803.542
Các đối tượng khác	1.018.685.460.330	1.018.685.460.330	1.101.257.327.091	1.089.162.056.270
	3.086.872.810.043	3.086.872.810.043	3.267.033.909.932	3.254.938.639.111
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Phải trả cho các đối tượng khác	602.523.318.467	602.523.318.467	557.350.620.505	557.350.620.505
	602.523.318.467	602.523.318.467	557.350.620.505	557.350.620.505

- (i) Số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (xem Thuyết minh số 39).
- (ii) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận tư cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phân tố là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Chỉ thị tố tụng số 1 ("PO No.1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.

Theo PO No.1, ngày 03/02/2025, Tổng Công ty đã đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách các vấn đề cần tham vấn ý kiến chuyên gia; và ngày 24/02/2025 đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách nhân chứng vụ việc và nhân chứng chuyên gia, Tổng Công ty đã lựa chọn 10 nhân chứng, 02 chuyên gia người Việt về vấn đề Pháp luật Việt Nam về Xây dựng áp dụng đối với Hợp đồng EPS và 01 chuyên gia nước ngoài Bà Frances Hale của Công ty Diales về Hệ thống thải xỉ.

Ngày 19/09/2025, các bên đã hoàn tất việc nộp bản Lời khai người làm chứng cho Hội đồng trọng tài, Tổng Công ty đã lựa chọn nộp bản lời khai cho 5 nhân chứng trong số Danh sách 10 nhân chứng đã đăng ký.

Ngày 27/11/2025, hai bên đã hoàn tất việc nộp Báo cáo chuyên gia cho Hội đồng trọng tài.

Ngày 26/01/2026, hoàn thành Bước 19 nộp Bản phản hồi Lời khai người làm chứng. Tiếp tục chuẩn bị Bước 20 nộp Báo cáo chuyên gia chung về các vấn đề đã thống nhất vào ngày 28/04/2026 - theo tiến độ lịch biểu tố tụng đã được Hội đồng trọng tài sửa đổi (tại thư số 4852/VIAC ngày 08/12/2025).

Song song với công tác tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, Tổng Công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Công ty DL E&C Co., Ltd và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.

18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	163.754.168.609	102.354.670.629
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	17.612.939.300	17.612.939.300
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	117.255.185	117.255.185
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	7.630.715.774	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	50.156.167.511	1.000.899.140
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	845.101.105	845.101.105
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	4.613.513.835	-
<i>Bên khác</i>	99.385.773.364	129.887.788.408
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	43.797.123.322	63.770.025.034
Các đối tượng khác	55.588.650.042	66.117.763.374
	<u>263.139.941.973</u>	<u>232.242.459.037</u>

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	54.182.602.026	25.250.589.309	37.894.814.132	30.465.765	41.538.377.203
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	1.801.935	1.801.935	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.516.789.923	2.596.625.299	1.173.358.630	37.954.648	34.354.768.750	3.570.008.108
Thuế thu nhập cá nhân	66.785.689	6.354.605.687	8.182.303.903	8.054.133.062	48.219.094	6.464.209.933
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	16.796.024.496	7.008.690.368	17.681.685.927	147.200.611	6.270.229.548
Các loại thuế khác	-	767.032.930	7.752.026.827	7.689.072.802	-	829.986.955
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	3.783.720	44.538.586.179	1.766.073.236	3.850.830.812	783.720	42.450.828.603
	34.637.079.800	125.235.476.617	51.134.844.208	75.210.293.318	34.600.692.643	101.123.640.350

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	226.460.171.614	200.381.246.911
Trích trước chi phí công trình xây lắp	338.502.530.727	246.186.568.775
Chi phí phải trả khác	6.007.421.952	6.587.059.906
	570.970.124.293	453.154.875.592
b) Dài hạn		
Trích trước chi phí công trình xây lắp	115.497.608.588	115.497.608.588
	115.497.608.588	115.497.608.588
c) Trong đó: Bên liên quan		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	149.470.076.555	121.694.660.523
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	17.731.272.367	17.731.272.367
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.647.326.928	1.647.326.928
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	5.782.550.557	5.782.550.557
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	1.125.779.168	1.125.779.168
	175.757.005.575	147.981.589.543

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	3.194.386.718	6.249.109.721
	3.194.386.718	6.249.109.721
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	45.522.199.903	50.632.252.045
Lãi bán tài sản và thuê lại thuê tài chính	-	199.251.272
	45.522.199.903	50.831.503.317

(i) Trong đó bao gồm: 39.334.078.836 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Ráp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.392 VND. Trong năm, Công ty đã phân bổ thêm 3.662.210.590 VND tiền thuê đất từ tháng 12 năm 2014 đến ngày có Quyết định thu hồi đất số 2868/QĐ-UBND ngày 24/09/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang. Tổng Công ty sẽ làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

22 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	17.130.137	17.130.137
Kinh phí công đoàn	6.837.321.015	8.590.345.771
Bảo hiểm xã hội	3.452.017.466	7.137.502.411
Bảo hiểm y tế	357.778.754	732.541.283
Bảo hiểm thất nghiệp	407.662.369	485.828.275
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.910.994.188	4.128.850.588
Cổ tức lợi nhuận phải trả (i)	40.394.150.917	40.394.150.917
Chi phí lãi vay	1.314.567.231	1.246.252.165
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (iii)	182.761.658.990	172.784.334.551
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (iv)	54.098.464.510	54.098.464.510
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (v)	56.212.500.000	56.212.500.000
Phí bảo trì chung cư phải trả	10.521.717.166	10.249.210.378
Các quỹ ủng hộ	3.845.584.784	3.876.584.784
Tiền thuê đất	33.044.495.174	32.013.066.565
Phải trả khác	67.826.548.813	84.559.547.037
	600.945.371.006	614.469.088.864
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.499.268.650	2.873.199.868
Phải trả khác	50.000.000	50.000.000
	2.549.268.650	2.923.199.868
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Phải trả cơ quan bảo hiểm	330.891.655	12.378.319.651
Cổ tức phải trả	40.357.947.640	42.451.440.707
Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
Chi phí lãi vay	1.246.252.165	1.246.252.165
Các khoản khác	1.986.271.865	2.108.341.139
	45.256.182.110	59.519.172.447
d) Trong đó: Bên liên quan		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	54.189.129.410	54.098.464.510
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	56.212.500.000	56.212.500.000
Viện Dầu khí Việt Nam	-	2.698.186.687
Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	667.975.776	667.975.776
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.715.555	14.715.555
	119.782.007.367	122.389.529.154

(i) Trong đó có 25.000.000.000 VND là tiền cổ tức phải trả của năm 2011 tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con). Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (Nghị quyết số 23/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2012) với tỷ lệ cổ tức là 5% Vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty đã không thực hiện chốt danh sách cổ đông và chi trả phần cổ tức này.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 39.

- (iii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank – nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng công ty và chi phí lãi vay mà Tổng công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 7) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.
- (iv) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soái Rap - Tiền Giang.
- (v) Khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư cho Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) tại dự án Bạc Liêu Tower. Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí có nghĩa vụ phải thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam số tiền này theo hợp đồng ký ngày 12 tháng 8 năm 2010.

23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.911.574.700	-
	<u>5.911.574.700</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	10.778.488.744
	<u>-</u>	<u>10.778.488.744</u>

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Vay ngắn hạn						80.149.496.818	53.826.410.130
<i>Bên liên quan</i>						18.954.650.130	20.767.010.130
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	VND	Thả nổi	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tin chấp	18.954.650.130	20.767.010.130
<i>Bên khác</i>						61.194.846.688	33.059.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	VND	7,60%	180 ngày	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp	42.744.846.688	9.336.400.000
Đối tượng khác	VND	(*)	6 tháng đến 1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tin chấp	18.450.000.000	23.723.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						655.965.237.122	640.965.237.122
						736.114.733.940	694.791.647.252

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Các khoản vay đối tượng khác là vay cá nhân có lãi suất từ 0% đến 12%.

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm	31/12/2025	01/01/2025
						VND	VND
Bên liên quan							
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam							
- Hợp đồng số 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB	VND	Thả nổi	Năm 2027	Bù đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	89.295.080.000 89.295.080.000	89.295.080.000 89.295.080.000
Bên khác							
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (*)							
- Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày	VND	4,90%	Năm 2017	Đầu tư vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Tín chấp	575.670.157.122 200.000.000.000	575.670.157.122 200.000.000.000
- Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	Năm 2017	Vay đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	5,50%	Năm 2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tín chấp	310.670.157.122	310.670.157.122
Vay cá nhân	VND	11%-12%		Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	3.000.000.000	-
						667.965.237.122	664.965.237.122
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng						(655.965.237.122)	(640.965.237.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						12.000.000.000	24.000.000.000

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.030.704.785.860)	326.990.811.764	476.862.321.842
Lãi / lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	7.369.885.195	(4.756.862.176)	2.613.023.019
Thay đổi khác	-	-	-	-	-	-	(449.100.176)	209.450.294	(239.649.882)
Số dư cuối kỳ trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.023.784.000.841)	322.443.399.882	479.235.694.979
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.023.784.000.841)	322.443.399.882	479.235.694.979
Lãi / lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(12.191.170.371)	12.959.897.845	768.727.474
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.035.975.171.212)	335.403.297.727	480.004.422.453

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND		VND	
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
Cộng	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>4.000.000.000.000</u>	<u>100%</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	150.859.427.814	150.859.427.814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	233.648.426	233.648.426
	<u>151.093.076.240</u>	<u>151.093.076.240</u>

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	10.403,67	7.365.086,17

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.006.001	11.112.006.001

27 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	118.576.630.058	53.472.991.732
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.518.897.811	73.139.490.403
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.916.123.550.321	1.061.700.329.493
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	17.274.694.474	12.443.089.233
Doanh thu khác	5.959.202.287	12.250.206.093
	<u>2.208.452.774.951</u>	<u>1.213.006.106.954</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.208.452.774.951	1.213.006.106.954
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	1.504.123.870.274	847.863.166.887

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	122.403.999.303	60.941.589.032
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	117.272.243.311	62.963.286.487
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.814.090.567.098	1.046.095.523.656
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	14.109.383.480	7.540.768.826
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.670.295.483	(25.386.397.265)
Giá vốn khác	2.553.462.933	9.182.645.458
	<u>2.078.099.951.608</u>	<u>1.161.337.416.194</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	1.037.318.053	1.854.288.043

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.995.362.019	12.228.895.796
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.995.130.859	25.969.748.195
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.275.931.351
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	396.759.060
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.670.000.233	-
	<u>43.660.493.111</u>	<u>42.871.334.402</u>

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	33.514.834.197	36.198.593.108
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	7.636.363
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.401.460.250	32.431.360.267
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.193.998.381	106.143.505
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(10.087.869.299)
Chi phí tài chính khác	4.314.561.064	5.123.263.246
	41.424.853.892	63.779.127.190
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	27.779.892.856	26.876.666.751

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	860.193.951	703.818.133
Chi phí nhân công	86.416.104.757	79.755.631.970
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	993.903.598	845.794.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.608.392.018	3.708.692.400
Thuế, phí và lệ phí	6.744.680.945	7.619.286.748
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(837.093.549)	(55.143.154.547)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.060.336.041	18.662.691.770
Chi phí khác bằng tiền	15.850.293.616	17.977.194.312
	129.696.811.377	74.129.955.136
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	688.990.120	117.600.000

32 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.044.118.636	4.389.581.387
Tiền phạt được hưởng	839.799.784	1.325.025.483
Thu tiền bồi thường	-	444.318.134
Nợ phải trả được xóa theo thỏa thuận	14.449.047.351	44.715.422.210
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	4.866.914.044	8.720.524.900
Thu nhập khác	706.096.940	3.304.241.726
	21.905.976.755	62.899.113.840

33 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	780.800.413	2.533.444.159
Các khoản bị phạt	3.063.833.420	7.108.413.730
Tổn thất do đầu tư bất thành Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soái Rạp Tiền Giang - 920 ha	1.835.100.923	-
Các khoản khác	3.356.758.238	2.101.664.083
	9.036.492.994	11.743.521.972
Trong đó: Chi phí khác mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	707.718.727	-

34 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty con	1.173.358.630	2.077.618.123
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	727.618.123
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	199.975.821	-
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	973.382.809	1.350.000.000
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.173.358.630	2.077.618.123

35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13.229.667.583	18.801.350.080
	13.229.667.583	18.801.350.080

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.571.682.497	116.962.081
	5.571.682.497	116.962.081

36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(12.191.170.371)	7.369.885.195
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(12.191.170.371)	7.369.885.195
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	399.997.029	399.997.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(30)	18

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	312.167.736.697	167.289.774.429
Chi phí nhân công	333.101.204.322	238.685.019.893
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.221.819.124	1.117.633.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.442.905.836	39.785.216.032
Thuế, phí và lệ phí	4.501.865.242	8.402.256.023
Chi phí/hoàn nhập dự phòng	(2.900.123.653)	(55.404.878.547)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.816.751.318	626.919.260.057
Chi phí khác bằng tiền	38.267.152.753	31.340.926.669
	1.586.619.311.639	1.058.135.208.049

38 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	95.755.285.291	100.137.532.071

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	66.432.198.603	148.788.933.736

39 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31/12/2025:

- Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND;
- Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.

Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31/12/2025 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 kỳ ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty CP Xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn (nay đổi tên là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến 31/12/2025, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó thanh tra chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối,
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTCTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

40 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chưa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang tiến hành rà soát khối lượng và các công việc đã thực hiện với Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 cũng như các nhà thầu phụ để chuẩn bị cho công tác quyết toán dự án. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được kiểm toán và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp

đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được kỳ kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLTK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025

c) Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) ("PVC-MS") ký Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09/08/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình ("Công ty Sao Mai - Bến Đình") để thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích thuê là 229.330 m², thời hạn thuê 49 năm. Theo điều khoản hợp đồng, giá thuê bao gồm chi phí đầu tư và các nghĩa vụ với Nhà nước liên quan đến diện tích thuê.

Theo Phụ lục số 02 ngày 10/02/2026 và văn bản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công ty phải chịu tiền thuê đất với tổng số tiền là 32.194.110.231 VND, trong đó:

- Giai đoạn từ ngày 16/09/2010 đến ngày 12/02/2015: 32.194.110.231 VND;
- Giai đoạn từ ngày 12/02/2015 đến ngày 31/12/2025: được miễn tiền thuê đất.

Ngoài ra, Công ty còn phải chịu tiền chậm nộp tạm tính đến thời điểm 31/12/2025 là 9.726.244.741 VND, trong đó tiền chậm nộp lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là 8.694.816.132 VND.

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh hồi tố ghi nhận giảm khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng khoản mục Phải trả người bán, Phải trả khác tại thời điểm 31/12/2024 với số tiền 44.108.337.386 VND, ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm nay số tiền 1.031.428.609 VND.

41 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài sự kiện ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLTK Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m² đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ) đã được công bố tại thuyết minh số 04 mục d, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đối với phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

42 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sóng Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty thành viên của PTSC
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV GAS)	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	Công ty con của PV GAS
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thủy phía Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Tổng Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	1.504.123.870.274	847.863.166.887
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	850.294.087.066	473.164.613.532
Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	88.174.594.652	5.269.310.330
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28.585.599.093	242.110.198.031
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	535.390.533.318	125.705.769.994
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.679.056.145	1.613.275.000
Mua hàng hóa dịch vụ	1.037.318.053	1.971.888.043
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.037.318.053	1.854.288.043
Viện Dầu khí Việt Nam	-	117.600.000
Chi phí tài chính	27.779.892.856	26.876.666.751
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	27.779.892.856	26.876.666.751
Chi phí quản lý doanh nghiệp	688.990.120	117.600.000
Viện Dầu khí Việt Nam	688.990.120	117.600.000
Chi phí khác	707.718.727	-
Viện Dầu khí Việt Nam	707.718.727	-

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng quản trị		2.284.460.076	2.207.775.913
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	573.551.443	545.647.303
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	247.440.000	244.285.000
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	500.481.311	479.906.106
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	479.537.200	466.008.070
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	483.450.122	471.929.434
Ban Tổng Giám đốc		2.111.886.132	2.014.722.793
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2024)	572.557.253	449.814.957
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2024)	-	109.537.217
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	521.417.825	507.748.575
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	524.770.280	464.890.490
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	493.140.774	482.731.554
Ban Kiểm soát		686.187.065	506.218.999
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	454.099.420	441.418.999
Bà La Minh Huệ	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 29/05/2025)	172.687.645	-
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/05/2025)	16.200.000	32.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	43.200.000	32.400.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

43 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Theo đó số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Tài sản cố định vô hình	227	257.674.706.668	252.008.862.049	(5.665.844.619)
- Nguyên giá	228	284.392.878.902	274.650.242.344	(9.742.636.558)
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(26.718.172.234)	(22.641.380.295)	4.076.791.939
Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.254.938.639.111	3.267.033.909.932	12.095.270.821
Phải trả ngắn hạn khác	319	582.456.022.299	614.469.088.864	32.013.066.565
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(4.005.781.884.168)	(4.031.153.886.036)	(25.372.001.868)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	346.845.580.019	322.443.399.882	(24.402.180.137)

Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Trần Quốc Hoàn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

**PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT
STOCK CORPORATION**

For the fiscal year ended as at 31 December 2025

(Audited)



CONTENTS

	Page
Report of the Board of Management	02 - 03
Independent Auditor's Report	04 - 07
Audited Consolidated Financial Statements	08 - 65
Consolidated Statement of Financial position	08 - 10
Consolidated Statement of Income	11
Consolidated Statement of Cash flows	12 - 13
Notes to the Consolidated Financial Statements	14 - 65

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation ("The Corporation") presents its report and the Corporation's Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2025.

THE CORPORATION

PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation ("the Corporation"), an entity under management of Vietnam National Industry - Energy Group (PVN), formerly known as PetroVietnam Construction Joint Stock Company, was established in Vietnam by privatizing Petroleum Design and Construction Company pursuant to Decision No. 532/QĐ-TCCB dated 26 March 2004 of the Minister of Industry (currently known as the Ministry of Industry and Trade). PetroVietnam Construction Joint Stock Company operates under Enterprise Registration Certificate for Joint Stock Company No. 4903000232 dated 13 March 2006 issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province.

Pursuant to Resolution No. 3604/NQ-DKVN dated 26 October 2007, the Board of Members of Vietnam National Industry - Energy Group approved the proposal on transfer of Petro Construction Joint Stock Company into PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation, operating under parent-subsidiary model. The Corporation operates under Business Registration Certificate for Joint Stock Company No. 3500102365 dated 20 December 2007 and the 23th amendment dated 13 November 2025 issued by Hanoi Department of Finance.

The Corporation's head office is located at 14th Floor, VPI Tower, 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City.

BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISION

Members of the Board of Directors during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr. Nghiem Quang Huy	Chairman	(Reappointed on 29 May 2025)
Mr. Pham Van Khanh	Independent Member	(Reappointed on 29 May 2025)
Mr. Tran Hai Bang	Member	
Mr. Chu Thanh Hai	Member	
Mr. Nguyen Hoai Nam	Member	

Members of the Board of Management during the fiscal year and to the reporting date are:

Mr Tran Quoc Hoan	General Director
Mr. Nguyen Van Dong	Deputy General Director
Mr. Bui Son Truong	Deputy General Director
Mr. Pham Trung Kien	Deputy General Director

The legal representative of the Company during the year and until the preparation of this Consolidated Financial Statements is Mr. Tran Quoc Hoan (General Director).

Members of the Board of Supervision are:

Mr. Hua Xuan Nam	Head of the Board of Supervision	(Reappointed on 29 May 2025)
Mr. Nguyen Ngoc Cuong	Member	
Ms. La Minh Hue	Member	(Appointed on 29 May 2025)
Mr. Phung Van Sy	Member	(Resigned on 29 May 2025)

AUDITORS

The auditors of AASC Auditing Firm Company Limited have taken the audit of Consolidated Financial Statements for the Corporation.

STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management is responsible for the Consolidated Financial Statements which give a true and fair view of the financial position of the Corporation, its operating results and its cash flows for the year. In preparing those Consolidated Financial Statements, the Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by the Board of Directors and Board of Management to ensure the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Consolidated Financial Statements;
- Prepare and present the Consolidated Financial Statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the Consolidated Financial Statements;
- Prepare the Consolidated Financial Statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Corporation will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Corporation, with reasonable accuracy at any time and to ensure that the Consolidated Financial Statements comply with the registered accounting system. It is responsible for safeguarding the assets of the Corporation and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Consolidated Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 31 December 2025, its operation results and cash flows in the year 2025 of the Corporation in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

Other commitments

The Board of Management pledges that the Corporation complies with Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Corporation does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market and the Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 96/2020/TT-BTC.

On behalf of the Board of Management



Tran Quoc Hoan
General Director
Hanoi, 31 March 2026

INDEPENDENT AUDITOR'S REPORT

**To: Shareholders, Board of Directors and Board of Management
PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation**

We have audited the accompanying Consolidated Financial Statements of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation ("The Corporation") prepared on 31 March 2026, from page 08 to page 65, including: Consolidated Statement of Financial position as at 31 December 2025, Consolidated Statement of Income, Consolidated Statement of Cash flows and Notes to Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2025.

Board of Management's Responsibility

The Board of Management of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation is responsible for the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of Financial Statements and for such internal control as directors determines is necessary to enable the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor's Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these Consolidated Financial Statements based on our audit. We have conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. However, due to the matter described in the paragraph "Basis for Disclaimer of Opinion", we were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence to provide a basis for the audit opinion.

Basis for Disclaimer of Opinion

We were unable to assess the effect of the following matters on the Corporation's Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended 31 December 2025 (attached):

1. As at 31 December 2025, the Consolidated Financial Statements reflect the following: an accumulated loss (code 421) of VND 4,035.98 billion, current liabilities (code 310) of VND 5,438.38 billion, which exceeded current assets (code 100) by VND 1,486.37 billion, and overdue debts as at 31 December 2025 amounting to VND 1,631.68 billion. The Corporation's financial position as at 01 January 2025 was similarly challenging. These factors, together with the disclosures in Note 1, lead to substantial doubt about the Corporation's ability to continue as a going concern. The Corporation's ability to maintain operations depends on its plans to recover outstanding receivables, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, and secure financial support from shareholders and creditors. Within the scope of an audit of the financial statements, we did not obtain sufficient appropriate evidence to assess the feasibility and effectiveness of these operational plans.
2. As at 31 December 2025, the Corporation recorded a loan receivable of VND 200 billion, lent to Lam Kinh Hotel Joint Stock Company to support its business operations (as at 01 January 2025: VND 200 billion). A provision of VND 124.4 billion had been made for this loan (as at 01 January 2025: VND 124.4 billion) (Note 07). We were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverability of this receivable as at 31 December 2025 and 01 January 2025. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.

3. As at 31 December 2025, the cost of work in progress related to Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project (Note 10) and Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (Note 15) amounted to approximately VND 234.1 billion and VND 25.8 billion (as at 01 January 2025: VND 245.1 billion and VND 25.8 billion). As at the reporting date, the Corporation was still engaging with the relevant authorities on: (1) approval for adjustments relating to unexpected expenses incurred in the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project and (2) acceptance and finalization of the Corporation's incurred expenses under the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. We were unable to obtain the net realizable value of these work in progress as at 31 December 2025 and 01 January 2025. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.
4. Note 15 of the Notes to the Consolidated Financial Statements presents the balance of construction in progress including projects for which the Corporation acts as the investor that have been suspended since prior years. As at 31 December 2025, the PetroVietnam University Urban Area Project amounted to VND 3.88 billion. As at 01 January 2025, the PetroVietnam University Urban Area Project and the Tien Giang Petroleum Industrial Park Project amounted in aggregate to VND 5.72 billion. We were unable to obtain sufficient appropriate evidence regarding the potential future economic benefits of these projects. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.
5. The Corporation is consolidating Petrovietnam Urban Development Joint Stock Company (a subsidiary) into the Corporation's Consolidated Financial Statements based on the unaudited Financial Statements for the second quarter of 2024. As at 30 June 2024, the subsidiary reported total asset of VND 15.16 billion and negative equity of VND 193.44 billion, with revenue and profit after corporate income tax amounting to VND 0.09 billion and negative VND 0.53 billion, respectively. Regarding associate companies, except for Mien Trung Petroleum Construction Joint Stock Company and Thanh Hoa Petroleum Construction Joint Stock Company, whose financial statements have been audited, the value of investments in the remaining associates is presented using the equity method based on unaudited financial statements for the financial year ended 31 December 2025 or the most recent Financial Statements available to the Corporation (Note 04). We were unable to assess the appropriateness of these figures.
6. As at 31 December 2025, the Corporation was unable to obtain financial statements from the investee entities related to the "Equity investments in other entities" item (code 253) on the Consolidated Statement of Financial position. The total carrying amount and total provision for these investments were VND 175.995 billion and VND 155.39 billion, respectively (as at 01 January 2025: VND 196.995 billion and VND 155.39 billion, respectively). Provisions for these investments were made based on the latest financial statements available to the Corporation. We were unable to obtain sufficient appropriate documentation to assess the impairment of these investments.
7. Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company (a subsidiary) has neither assessed the impairment nor estimated the net realizable value of its real estate inventories, which had carrying value of VND 36.3 billion as at 01 January 2025 and 31 December 2025 (Note 10). We were unable to obtain appropriate documentation regarding the net realizable value of these real estate inventories.
8. At Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company, we have carried out the necessary audit procedures. However, we were unable to obtain sufficient audit evidence to confirm the accuracy and recoverable value of the work in progress of this Company as of 01 January 2025 and 31 December 2025 with a total amount of VND 33.647 billion and VND 31.148 billion, respectively. Therefore, we have not determined the necessary adjustments related to the "Work in progress" account and other related accounts, as well as any potential impacts (if any) on the accompanying consolidated financial statements.
9. As at 31 December 2025, the balance of inventories presented in the financial statements of Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary) includes construction in progress for Thai Binh 2 Thermal Power Plant, Song Hau 1 Thermal Power Plant, Tran Anh - Long An Apartment Building and Multi-purpose Building Project in District 1, with a total value of approximately VND 58.80 billion (as at 01 January 2025: VND 55.36 billion). We were unable to

assess the net realizable value of these construction in progress projects as at the respective dates.

10. At Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary), the balances of receivables and payables are as follows: receivables as at 01 January 2025 and 31 December 2025 amounted to VND 25.88 billion and VND 23.40 billion, respectively; payables as at 1 January 2025 and 31 December 2025 amounted to VND 15.83 billion and VND 22.49 billion, respectively. As at 31 December 2025, the company had not reviewed or assessed the collectability of the outstanding receivable balance of VND 64.19 billion for potential allowance for doubtful debts. We are unable to assess the existence, recoverability, or the necessary provision for these receivables.
11. At Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary), as at 31 December 2025 and 01 January 2025, the Company is carrying a dividend payable relating to 2011 amounting to VND 25 billion (refer to Note 22). This amount was recognised in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2012 (Resolution No. 23/NQ-DKDD-AGM dated 16 April 2012), which approved a dividend of 5% of charter capital. However, the Company has been neither finalized the list of shareholders nor made the dividend payment. Accordingly, we are unable to assess the Company's obligation in respect of this dividend.
12. At Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company (a subsidiary), we were unable to obtain the necessary documentation related to the Thai Binh 2 Thermal Power Plant and Song Hau I Thermal Power Plant projects. Consequently, we were unable to express an opinion on the appropriateness of the cumulative revenue and cost of goods sold recognized as of 31 December 2025, which amounted to VND 893.96 billion and VND 922.11 billion, respectively (including revenue and cost of goods sold recognized in 2025 of VND 987 million and VND 987 million, respectively). Additionally, we have not been able to assess the appropriateness and completeness of the work-in-progress expenses related to these two projects as of 31 December 2025 and 01 January 2025, with values of VND 146.47 billion and VND 146.25 billion, respectively, nor their impact on the accompanying consolidated financial statements.
13. The work-in-progress balance of PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary) includes the construction in progress relating to the Commercial, Service, Office, and Apartment Complex project, amounting to VND 32.99 billion (Note 10). The project was completed and put into use in 2018; however, as of the preparation date of these Consolidated Financial Statements, its final settlement has not yet been approved. Also included in work-in-progress, the Company has not yet determined the net realizable value of the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project and the Song Hau 1 Thermal Power Plant Project, which have carrying amounts of VND 81.45 billion and VND 40.85 billion, respectively.
14. At PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary): The Company has not assessed the recoverability of the long-term receivable for the Long Son Riverside Apartment Project, amounting to VND 12.89 billion (Note 16), which has been completed since 2019.
15. At PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables had not been fully reconciled and confirmed as at 01 January 2025 and 31 December 2025. Specifically, receivables amounted to VND 4.21 billion and VND 3.29 billion, respectively while payables amounted to VND 21.27 billion and VND 18.78 billion, respectively.
16. At Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables had not been fully reconciled and confirmed as at 01 January 2025 and 31 December 2025. Specifically, payables amounted to VND 15.55 and VND 18.64 billion, respectively; receivables amounted to VND 10.31 billion and VND 10.82 billion, respectively. Meanwhile, the outstanding receivables amounted to VND 131.89 billion and 130.49 billion as of the respective dates had not been reviewed and assessed for provision by the company.

Disclaimer of Opinion

Because of the significance of the matters described in the "Basis for Disclaimer of Opinion" paragraph, we have not been able to obtain sufficient appropriate evidence to provide a basis for an audit opinion for Consolidated Financial Statement. Accordingly, we do not express an opinion on the Consolidated Financial Statements.

Emphasis of Matter


As presented in Note 39 of the Notes to the Consolidated Financial Statements, as at 31 December 2025, the Corporation has certain contingent liabilities, and the final outcomes regarding its related obligations have not been determined.

Our disclaimer of opinion is not modified with respect to this matter.

AASC Auditing Firm Company Limited



Pham Anh Tuan
Deputy General Director
Registered Auditor No.: 0777-2023-002-1
Hanoi, 31 March 2026



Nguyen Duy Quang
Auditor
Registered Auditor No.: 3363-2025-002-1

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
As at 31 December 2025

Code	ASSETS	Note	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(adjusted) VND
100	A. CURRENT ASSETS		3,952,010,638,494	4,611,664,998,814
110	I. Cash and cash equivalents	3	216,258,196,695	433,474,223,994
111	1. Cash		120,610,628,129	255,791,531,076
112	2. Cash equivalents		95,647,568,566	177,682,692,918
120	II. Short-term investments	4	299,737,148,504	254,505,326,478
121	1. Trading securities		14,900,000,000	14,900,000,000
122	2. Provision for diminution in value of trading securities		(13,885,000,000)	(13,885,000,000)
123	3. Held-to-maturity investments		298,722,148,504	253,490,326,478
130	III. Short-term receivables		2,049,438,289,435	1,957,524,578,173
131	1. Short-term trade receivables	5	1,653,714,479,152	1,663,260,397,192
132	2. Short-term prepayments to suppliers	6	614,457,863,572	570,160,345,945
135	3. Short-term loan receivables	7	355,676,953,493	355,676,953,493
136	4. Other short-term receivables	8	485,010,604,849	419,600,886,765
137	5. Provision for short-term doubtful debts		(1,060,263,012,651)	(1,052,014,338,142)
139	6. Shortage of assets awaiting resolution		841,401,020	840,332,920
140	IV. Inventories	10	1,296,303,009,831	1,817,989,197,656
141	1. Inventories		1,435,183,096,598	1,937,818,905,304
149	2. Provision for devaluation of inventories		(138,880,086,767)	(119,829,707,648)
150	V. Other short-term assets		90,273,994,029	148,171,672,513
151	1. Short-term prepaid expenses	11	1,255,522,428	3,443,165,122
152	2. Deductible VAT		54,417,778,958	110,091,427,591
153	3. Taxes and other receivables from State budget	19	34,600,692,643	34,637,079,800

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
As at 31 December 2025
(Continued)

Code	ASSETS	Note	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(adjusted) VND
200	B. NON-CURRENT ASSETS		2,141,944,580,633	1,509,221,766,538
210	I. Long-term receivables		27,266,262,226	28,744,401,590
212	1. Long-term prepayments to suppliers	6	-	9,262,236,011
216	2. Other long-term receivables	8	27,266,262,226	28,567,933,637
219	3. Provision for long-term doubtful debts		-	(9,085,768,058)
220	II. Fixed assets		983,292,048,099	1,019,336,731,121
221	1. Tangible fixed assets	12	731,994,415,442	767,327,869,072
222	- Historical cost		1,618,057,605,919	1,626,973,749,975
223	- Accumulated depreciation		(886,063,190,477)	(859,645,880,903)
227	2. Intangible fixed assets	13	251,297,632,657	252,008,862,049
228	- Historical cost		269,672,024,444	274,650,242,344
229	- Accumulated depreciation		(18,374,391,787)	(22,641,380,295)
230	III. Investment properties	14	106,690,395,945	85,507,988,185
231	- Historical cost		135,326,253,059	111,067,844,188
232	- Accumulated depreciation		(28,635,857,114)	(25,559,856,003)
240	IV. Long-term assets in progress	15	145,993,608,656	138,515,570,946
241	1. Long-term work in progress		36,044,435,616	25,064,213,539
242	2. Construction in progress		109,949,173,040	113,451,357,407
250	V. Long-term investments	4	764,510,074,315	78,900,512,009
252	1. Investments in joint ventures and associates		29,132,971,817	32,208,529,511
253	2. Equity investments in other entities		185,313,000,000	206,313,000,000
254	3. Provision for devaluation of long-term investments		(159,621,017,502)	(159,621,017,502)
255	4. Held-to-maturity investments		709,685,120,000	-
260	VI. Other long-term assets		114,192,191,392	158,216,562,687
261	1. Long-term prepaid expenses	11	88,065,323,809	100,284,708,167
262	2. Deferred income tax assets	35	13,229,667,583	18,801,350,080
268	3. Other long-term assets	16	12,897,200,000	39,130,504,440
270	TOTAL ASSETS		6,093,955,219,127	6,120,886,765,352

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
As at 31 December 2025
(Continued)

Code CAPITAL	Note	31/12/2025	01/01/2025
		VND	(adjusted) VND
300 C. LIABILITIES		5,613,950,796,674	5,641,651,070,373
310 I. Current liabilities		5,438,381,719,533	5,437,620,269,856
311 1. Short-term trade payables	17	3,086,872,810,043	3,267,033,909,932
312 2. Short-term prepayments from customers	18	263,139,941,973	232,242,459,037
313 3. Taxes and other payables to State budget	19	101,123,640,350	125,235,476,617
314 4. Payables to employees		74,364,954,892	48,701,521,223
315 5. Short-term accrued expenses	20	570,970,124,293	453,154,875,592
318 6. Short-term unearned revenue	21	3,194,386,718	6,249,109,721
319 7. Other short-term payables	22	600,945,371,006	614,469,088,864
320 8. Short-term borrowings and finance lease liabilities	24	736,114,733,940	694,791,647,252
321 9. Provisions for short-term payables	23	5,911,574,700	-
322 10. Bonus and welfare fund		(4,255,818,382)	(4,257,818,382)
330 II. Non-current liabilities		175,569,077,141	204,030,800,517
333 1. Long-term accrued expenses	20	115,497,608,588	115,497,608,588
336 2. Long-term unearned revenue	21	45,522,199,903	50,831,503,317
337 3. Other long-term payables	22	2,549,268,650	2,923,199,868
338 4. Long-term borrowings and finance lease liabilities	24	12,000,000,000	24,000,000,000
342 5. Provisions for long-term payables	23	-	10,778,488,744
400 D. OWNER'S EQUITY		480,004,422,453	479,235,694,979
410 I. Owner's equity	25	480,004,422,453	479,235,694,979
411 1. Contributed capital		4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
411a - Ordinary shares with voting rights		4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
412 2. Share Premium		6,831,719,482	6,831,719,482
414 3. Other capital		22,681,220,411	22,681,220,411
415 4. Treasury shares		(29,720,195)	(29,720,195)
418 5. Development and investment funds		150,859,427,814	150,859,427,814
420 6. Other reserves		233,648,426	233,648,426
421 7. Retained earnings		(4,035,975,171,212)	(4,023,784,000,841)
421a - Retained earnings accumulated to previous year		(4,023,784,000,841)	(4,031,153,886,036)
421b - Retained earnings of the current year		(12,191,170,371)	7,369,885,195
429 8. Non-Controlling Interests		335,403,297,727	322,443,399,882
440 TOTAL CAPITAL		6,093,955,219,127	6,120,886,765,352



Nguyen Thi Thu Anh
Preparer



Vu Minh Cong
Chief Accountant



Tran Quoc Hoan
General Director

Hanoi, 31 March 2026

CONSOLIDATED STATEMENT OF INCOME
Year 2025

Code	ITEMS	Note	Year 2025 VND	Year 2024 VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	27	2,208,452,774,951	1,213,006,106,954
10	2. Net revenue from sales of goods and rendering of services		2,208,452,774,951	1,213,006,106,954
11	3. Cost of goods sold and services rendered	28	2,078,099,951,608	1,161,337,416,194
20	4. Gross profit from sales of goods and rendering of services		130,352,823,343	51,668,690,760
21	5. Financial income	29	43,660,493,111	42,871,334,402
22	6. Financial expense	30	41,424,853,892	63,779,127,190
23	<i>In which: Interest expense</i>		33,514,834,197	36,198,593,108
24	7. Share of joint ventures and associates' profit or loss		(3,075,557,694)	(904,837,501)
25	8. Selling expense		5,171,808,651	2,074,093,980
26	9. General and administrative expenses	31	129,696,811,377	74,129,955,136
30	10. Net profit from operating activities		(5,355,715,160)	(46,347,988,645)
31	11. Other income	32	21,905,976,755	62,899,113,840
32	12. Other expenses	33	9,036,492,994	11,743,521,972
40	13. Other profit		12,869,483,761	51,155,591,868
50	14. Total net profit before tax		7,513,768,601	4,807,603,223
51	15. Current corporate income tax expense	34	1,173,358,630	2,077,618,123
52	16. Deferred corporate income tax expense	35	5,571,682,497	116,962,081
60	17. Profit after corporate income tax		<u>768,727,474</u>	<u>2,613,023,019</u>
61	18. Profit after tax attributable to owners of the parent		(12,191,170,371)	7,369,885,195
62	19. Profit after tax attributable to non-controlling interest		12,959,897,845	(4,756,862,176)
70	20. Basic earnings per share	36	(30)	18


Nguyen Thi Thu Anh
Preparer


Vu Minh Cong
Chief Accountant



Tran Quoc Hoan
General Director
Hanoi, 31 March 2026

CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS
Year 2025
(Indirect method)

Code	ITEMS	Note	Year 2025 VND	Year 2024 VND
	I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
01	1. Profit before tax		7,513,768,601	4,807,603,223
	2. Adjustment for			
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties		40,289,235,931	39,785,216,032
03	- Provisions		1,966,287,890	(100,588,459,527)
04	- Exchange gains / losses from retranslation of monetary items denominated in foreign currency		1,193,998,381	(4,169,787,846)
05	- Gains / losses from investment activities		(11,128,822,038)	(15,713,639,682)
06	- Interest expense		33,514,834,197	36,198,593,108
08	3. Operating profit before changes in working capital		73,349,302,962	(39,680,474,692)
09	- Increase / decrease in receivables		(9,964,302,956)	126,676,626,746
10	- Increase / decrease in inventories		505,144,670,265	125,374,406,428
11	- Increase / decrease in payables		(84,432,666,859)	(69,001,830,745)
12	- Increase / decrease in prepaid expenses		14,407,027,052	10,032,760,183
14	- Interest paid		(3,324,948,598)	(1,064,453,316)
15	- Corporate income tax paid		(37,954,648)	(497,536,232)
16	- Other receipts from operating activities		2,072,300,000	1,215,000,000
17	- Other payments on operating activities		(1,903,000,000)	(1,244,200,000)
20	Net cash flow from operating activities		495,310,427,218	151,810,298,372
	II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets		(2,068,877,225)	(74,871,289,249)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		1,044,118,636	16,703,561,704
23	3. Loans and purchase of debt instruments from other entities		(861,496,942,026)	(248,251,366,478)
24	4. Collection of loans and resale of debt instrument of other entities		106,580,000,000	304,873,589,041
27	5. Interest and dividend received		14,110,205,683	12,160,940,711
30	Net cash flow from investing activities		(741,831,494,932)	10,615,435,729
	III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
33	1. Proceeds from borrowings		95,755,285,291	100,137,532,071
34	2. Repayment of principal		(66,432,198,603)	(148,788,933,736)
40	Net cash flow from financing activities		29,323,086,688	(48,651,401,665)

CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS
 Year 2025
 (Indirect method)
 (Continued)

50	Net cash flows in the year		(217,197,981,026)	113,774,332,436
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		433,474,223,994	315,530,103,712
61	Effect of exchange rate fluctuations		(18,046,273)	4,169,787,846
70	Cash and cash equivalents at the end of the year	3	<u>216,258,196,695</u>	<u>433,474,223,994</u>



Nguyen Thi Thu Anh
 Preparer



Vu Minh Cong
 Chief Accountant



Tran Quoc Hoan
 General Director
 Hanoi, 31 March 2026

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS
Year 2025

1 GENERAL INFORMATION

Form of ownership

PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation ("the Corporation"), an entity under management of Vietnam National Industry - Energy Group (PVN), formerly known as PetroVietnam Construction Joint Stock Company, was established in Vietnam by privatizing Petroleum Design and Construction Company pursuant to Decision No. 532/QĐ-TCCB dated 26 March 2004 of the Minister of Industry (currently known as the Ministry of Industry and Trade). PetroVietnam Construction Joint Stock Company operates under Enterprise Registration Certificate for Joint Stock Company No. 4903000232 dated 13 March 2006 issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province.

Pursuant to Resolution No. 3604/NQ-DKVN dated 26 October 2007, the Board of Members of Vietnam National Industry - Energy Group approved the proposal on transfer of Petro Construction Joint Stock Company into PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation, operating under parent-subsidiary model. The Corporation operates under Business Registration Certificate for Joint Stock Company No. 3500102365 dated 20 December 2007 and the 23th amendment dated 13 November 2025 issued by Hanoi Department of Finance.

The Corporation's head office is located at 14th Floor, VPI Tower, 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City.

The total charter capital of the Corporation is VND 4,000,000,000,000 equivalent to 400,000,000 shares, with the par value of VND 10,000 per share.

The total number of employees of the Parent Company as at 31 December 2025 is 140 people (as at 01 January 2025 was 154 people).

Business field: Construction.

Business activities

Main business activities of the Corporation are: construction and installation of industrial and civil works.

The Company's operation in the year that affects the Consolidated Financial Statements

During the year, the Corporation continued the implementation of the Thai Binh 2 Thermal Power Plant project with an expected gross loss rate of 0.67%, pursuant to the Board of Directors' provisional approval of the EPC Contract implementation plan for the project. Revenue for the year increased significantly across all segments, specifically:

- Revenue from sale of goods increased as, during the year, Dong Do Petroleum Joint Stock Company (a subsidiary) supplied construction materials such as steel, waterproofing membranes and cement to projects of GeoVietnam Joint Stock Company, with recognized revenue of VND 95.88 billion;
- Construction revenue increased substantially as the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project is in its final stage prior to final settlement. During the year, the Corporation accelerated the acceptance of remaining major work items with the project owner. In addition, at PetroVietnam Metal Structure and Assembly Joint Stock Company (a subsidiary), construction revenue also recorded strong growth due to the execution of several major work packages in the Block B - O Mon and Golden Camel Projects, ONGC WPAPP - DSF-II - India.
- Service revenue increased as the Parent Company recognized revenue from trial-run electricity generation at the Thai Binh 2 Thermal Power Plant.

Going concern assumption:

As at 31 December 2025, the accumulated loss (code 421) of the Corporation was VND 4,035,98 billion, current liabilities (code 310) of VND 5,438.38 billion, which exceeded current assets (code 100) by VND 1,486.37 billion, and overdue debts as at 31 December 2025 amounting to VND 1,631.68 billion. The Corporation's financial position as at 01 January 2025 was similarly challenging. These factors lead to substantial doubt about the Corporation's ability to continue as a going concern. Some financial statements of the Corporation's subsidiaries also have material uncertainties that cast doubt on the ability to continue as a going concern, such as: Petrovietnam Urban Development Joint Stock Company, Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company, PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company. The going concerns of the Corporation and its subsidiaries depends on the plan to recover debts, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, financial support from shareholders and creditors.

Up to now, the Corporation has had its investment restricting plan approved by Vietnam National Industry - Energy Group. The Corporation is also developing a 5-year plan for the period of 2021-2025 and presenting the development strategy of the Corporation to the Group for approval. Additionally, the Board of General Directors of the Corporation is aggressively implementing other solutions and believes that these solutions will be successful, enabling the Corporation to continue its normal business operation. Therefore, the Consolidated Financial Statements are still prepared based on the going concern assumption.

Corporate structure

The Corporation has subsidiaries that have consolidated financial statements as at 31 December 2025, including:

Name of member entities	Address	Proportion of ownership	Proportion of voting rights	Principal activities
Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company	Hung Yen	72.22%	72.22%	Construction, real estate business and services
Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	50.97%	50.97%	Construction, real estate business
Binh Son Petroleum Construction JSC	Quang Ngai	48.62%	52.56%	Trading real estate, building materials
Petroleum Dong Do Joint Stock Company	Hanoi	34.87%	34.87%	Real estate business and services
Petrovietnam Urban Development Joint Stock Company	Ca Mau	53.44%	53.44%	Construction, real estate business
Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	51%	51%	Construction, industrial production, real estate business
Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company	Ho Chi Minh City	51%	51%	Construction, real estate business

According to the assessment of the Board of Management of the Corporation, although the voting stake of the Corporation is less than 50% in Petroleum Dong Do Joint Stock Company, the Corporation still has the right to control this company through the right to dictate financial policies and activities, as well as assign and evaluate the implementation of the annual business plans, provide support in terms of work, construction and installation contracts, markets, and finance. Accordingly, Petroleum Dong Do Joint Stock Company is identified as a subsidiary of the Corporation.

2 ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY

2.1 Accounting period and accounting currency

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.

The Corporation maintains its accounting records in Vietnamese Dong (VND).

2.2 Standards and Applicable Accounting Policies

Applicable Accounting Policies

The Corporation applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC and the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance guiding the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System

The Corporation applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

2.3 Basis for the preparation of Consolidated Financial Statements

Consolidated Financial Statements are prepared based on consolidating Separate Financial Statements of the Corporation and Financial Statements of its subsidiaries under its control (the subsidiaries) as at 31 December 2025, particularly, PetroVietnam Urban Development Joint Stock Company (a subsidiary) is consolidated according to the financial statement data of the second quarter of 2024.

Consistent accounting policies are applied in Financial Statements of subsidiaries and the Corporation. If necessary, adjustments are made to the Financial Statements of subsidiaries to ensure the consistency of application of accounting policies among the Corporation and its subsidiaries.

The operating results of subsidiaries acquired or disposed during the year are included in the Consolidated financial statements from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal.

Balance, main incomes and expenses, including unrealized profits from intra-group transactions are eliminated in full from Consolidated financial statements.

Non - controlling interests

Non - controlling interests represents the portion of profit or loss and net assets not held by owners.

2.4 Accounting estimates

The preparation of Consolidated Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets at the date of the Consolidated Financial Statements and the reported amounts of revenues and expenses during the accounting year.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Consolidated Financial Statements include:

- Provision for bad debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Provision for payables;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated corporate income tax.

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Corporation's Consolidated Financial Statements and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

2.5 Foreign currency transactions

Foreign currency transactions during the year are translated into Vietnam Dong using the actual rate at transaction date.

Actual exchange rate when revaluing monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of Consolidated Financial Statements is determined under the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where the Corporation regularly conducts transaction;
- For cash deposited in bank, applying the bid rate of the commercial bank where the Corporation opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where the Corporation regularly conducts transactions.

All exchange differences arising as a result of transactions or revaluation at the balance sheet date shall be recorded into the financial income or expense in the year.

2.6 Cash and cash equivalents

Cash comprises cash on hand, demand deposits.

Cash equivalents are short-term investments with the maturity of not over than 3 months from the date of investment, that are highly liquid and readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of conversion into cash.

2.7 Business combination and goodwill

All business combinations shall be accounted for by applying the purchase method. The cost of a business combination includes the aggregate of the fair values, at the date of exchange, of assets given, liabilities incurred or assumed, and equity instruments issued by the acquirer, in exchange for control of the acquiree plus any costs directly attributable to the business combination. The acquiree's identifiable assets, liabilities and contingent liabilities in business combination are measured at their fair values at the acquisition date.

The goodwill or interest from a cheap purchase is defined as the difference between the cost of the business combination and acquirer's interest in the net fair value of the identifiable subsidiary assets at the acquisition date held by Parent. Cheap purchase interest (if any) will be recognized in the consolidated income statement. Goodwill is allocated to costs by the straight-line method for an estimated useful period of 10 years. Periodically the Corporation will assess goodwill losses at the subsidiary, if there is evidence that the loss of goodwill is greater than the annual allocation, the allocation shall be based on the loss of goodwill in the year of arising.

2.8 Financial investments

Trading securities are initially recognized at original cost which includes purchase prices plus any directly attributable transaction costs such as brokerage, transaction fee, cost of information

provision, taxes, bank's fees and charges. After initial recognition, trading securities are measured at original cost less provision for diminution in value of trading securities. Upon liquidation or transfer, cost of trading securities is determined using weighted average method.

Investments held to maturity comprise term deposits held to maturity to earn profits periodically and other held to maturity investments.

Investments in joint ventures and associates: During the year, the buyer determines the date of purchase and the cost of investments and implements accounting procedures in accordance with the Accounting Standards on "Financial reporting of interest in joint ventures" and "Accounting for investments in associates".

In the Consolidated Financial Statements, investments in joint ventures and associates are accounted for using equity method. Under this method, the investments are initially recognised at cost and adjusted thereafter for the post acquisition change in the Group's share in net assets of the associate after acquisition date. Goodwill incurred from the investment in the associates is reflected in the carrying amount of the investment in the associate. The Group will not allocate such goodwill but assess annually to determine whether the goodwill is under impaired loss or not.

For the adjustment of the value of investments in joint ventures and associates from the date of investment to the beginning of the reporting year, the Corporation shall:

- For the adjustment to the income statement of previous years: make an adjustment to the undistributed profit after tax according to net adjusted accumulated amount to the beginning of the reporting year.
- For the adjustment due to the difference in revaluation of assets and the difference in foreign exchange rates, recorded in the balance sheet of the previous years: determine the adjustment to the corresponding items on the Statement of Financial Position according to net accumulated adjusted amount.

For the adjustment of the value of investments in joint ventures and associates arising in the year, the Corporation shall exclude the preferred dividends of other shareholders (if preferred shares are classified as Owner's capital); expected number of deductions for bonus and welfare funds of joint ventures and associates; share of profits related to transactions of joint ventures, associates contributing capital or selling assets to the Corporation before determining the Corporation's share in the profit or loss of the joint venture or associated Corporation during the reporting year. The Corporation then adjusts the value of the investment in proportion to its share in profits and losses of joint ventures and associates and immediately recognizes it in the Consolidated Income Statement.

Equity investments in other entities comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

For dividends received in the form of shares, only the number of shares received is recorded without any increase in the investment value and financial income.

Provision for devaluation of investments is made at the end of the year as follows:

- Investments in trading securities: provision shall be made on the basis of the excess of original cost of the investments recorded in the accounting book over their market value at the provision date.
- Long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee: If the investment in listed shares or the fair value of the investment is determined reliably, provisions shall be made on the basis of the market value of the shares; if the fair value of the investment is not determined at the reporting date, provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee.
- Investments held to maturity: provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

2.9 Receivables

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Corporation. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the consolidated financial statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating possible losses.

2.10 Inventories

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Method for valuation of work in process at the end of the year: the value of work in progress is recorded for each construction project which is incomplete or revenue is unrecognised, corresponding to the amount of work in progress at the end of the year.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the year is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

2.11 Fixed assets

Fixed assets (tangible and intangible) are initially stated at the historical cost. During the using time, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

Subsequent measurement after initial recognition

If these costs aument future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Statement of income in the period in which the costs are incurred.

Fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

- Buildings and structures	05 - 48 years
- Machinery, equipment	03 - 15 years
- Vehicles, transportation equipment	04 - 10 years
- Office equipment	03 - 10 years
- Land use rights	According to the land lease term
- Computer software	03 - 05 years

2.12 Investment properties

Investment properties are initially recognised at historical cost.

Investment properties held for capital appreciation prior to 01 January 2015 are depreciated on a straight-line basis similar to other fixed assets, but from 01 January 2015 are not depreciated.

Investment properties held for operating lease are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount. Investment properties are depreciated using the straight-line method with expected useful life as follows:

- Buildings, structures 25 - 38 years

An item of owner-occupied property or inventories only becomes an investment property when its using purposed has been changed, evidenced by commencement of stopping using that item and starting to operate leasing for the third party or completing the construction period. The investment property is transferred to owner-occupied property or inventories only where it undergoes a change in use, evidenced by commencement of starting using the assets by owner or development with a view to sale. The transferring from investment property to owner-occupied property or inventories will not change the original cost and carrying amount of asset as at the date of transfer.

2.13 Construction in progress

Construction in progress includes fixed assets which is being purchased and constructed as at the balance sheet date and is recognised in historical cost. This includes costs of construction, installation of equipment and other direct costs.

2.14 Operating lease

Operating leases is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to Statement of Income on a straight-line basis over the period of the lease.

2.15 Business Cooperation Contract (BCC)

Business Cooperation Contract (BCC) is a contractual agreement between two or more venturers with the objectives of cooperating to carry out specific business activities without constitution of a new legal entity. This operation may be jointly controlled by venturers under BCC or controlled by one of them.

In case of receiving money or assets from other entities in the BCC, they should be recorded as payables. In case of contributing money or assets to BCC, they should be recorded as receivables. During the process of operating BCC, BCC in the form of jointly controlled operations, the accounting methods are adopted as follows:

All parties in the joint venture shall simultaneously do the bookkeeping in their own accounting system and present in its Financial Statements with the following items:

- Assets contributed by it and controlled by the joint venture;
- Its share of liabilities incurred;
- Its share of income from the sale of goods or rendering of services by the joint venture;
- Its share of expenses incurred.

All parties shall share revenue from the sale of goods or rendering of services and share joint expenses according to the BCC's agreements.

2.16 Prepaid expenses

The expenses incurred but related to operating results of several accounting periods are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting periods.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting period should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

Types of prepaid expenses include:

Prepaid land expenses include prepaid land rental, including those related to leased land for which the Corporation has received certificate of land use right but not eligible for recording as intangible fixed asset in accordance with the Circular No. 45/2013/TT-BTC dated 25 April 2013 issued by the Ministry of Finance guiding regulation on management, use and depreciation of fixed assets and other expenses related to ensure for the use of leased land. These expenses are recognized in the consolidated statement of income on a straight-line basis according to the lease term of the contract.

Tools and supplies include assets which are possessed by the Corporation in an ordinary course of business, with historical cost of each asset less than 30 million dong and therefore not eligible for recording as fixed asset under current legal regulations. The historical cost of tools and supplies are allocated on the straight-line basis from 01 to 03 years.

Office rent represents the amount of prepaid rent amortized to the consolidated statement of income on a straight-line basis over the lease term.

Expenses for leasing Sao Mai Ben Dinh port facility are allocated to the income statement during the lease period (49 years) from 16 September 2010.

2.17 Payables

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Corporation. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the Consolidated Financial Statements according to their remaining terms at the reporting date.

2.18 Borrowings

Borrowings shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings. In case of borrowings denominated in foreign currency, they shall be recorded in details in terms of types of currency.

2.19 Borrowing costs

Borrowing costs are recognized as operating expenses in the year, in which it is incurred excepting those which are directly attributable to the construction or production of a qualifying asset are capitalized as part of the cost of that asset in accordance with VAS No. 16 "Borrowing costs". Besides, regarding borrowings serving the construction of fixed assets and investment properties, the interests shall be capitalized even when the construction duration is under 12 months.

2.20 Accrued expenses

Accrued expenses include payables to goods or services received from the suppliers or provided for the customers during the reporting period, but the payments for such goods or services have not been made and other payables such as annual leave salary, expenses arising from seasonal cessation of production, interest expenses, etc. which are recorded as operating expenses of the reporting period.

The recording of accrued expenses as operating expenses during the period shall be carried out under the matching principle between revenues and expenses during the period. Accrued expenses are settled with actual expenses incurred. The difference between accrued and actual expenses is reverted.

2.21 Provision for payables

Provision for payables is only recognized when meeting all of the following conditions:

- The Corporation has a present debt obligation (legal obligation or joint obligation) as a result of past events;
- It is probable that the decrease in economic benefits may lead to the requirement for debt settlement;
- Debt obligation can be estimated reliably.

Value recorded as a provision for payables is the most reasonably estimated amount required to settle the current debt obligation at the end of the accounting year.

Only expenses related to the previously recorded provision for payables shall be offset by that provision for payables.

Provisions for payables are recorded as operating expenses of the accounting year. In case provision made for the previous accounting year but not used up exceeds the one made for the current accounting year, the difference is recorded as a decrease in operating expenses. The excess of the provision for payables relating to construction warranty is recorded as other income in the fiscal year.

2.22 Unearned revenues

Unearned revenues include prepayments from customers for one or many accounting periods relating to asset leasing.

Unearned revenues are transferred to revenue from sale of goods and rendering of services with the amount corresponding to each accounting period.

2.23 Owner's equity

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Share premium is recorded at the difference between the par value with costs directly attributable to the issuance of shares and issue price of shares (including the case of re-issuing treasury shares) and can be a positive premium (if the issue price is higher than par value and costs directly attributable to the issuance of shares) or negative premium (if the issue price is lower than par value and costs directly attributable to the issuance of shares).

Other capital is the operating capital formed from the operating results or from gifts, presents, financing, assets revaluation (if these items are allowed to be recorded as a decrease or increase in the owner's equity).

Treasury shares bought before the effective date of the Securities Law 2019 (01 January 2021) are shares issued by the Corporation and bought-back by itself, but these are not cancelled and may be re-issued subsequently in accordance with the Law on Securities. Treasury shares bought after 01 January 2021 will be cancelled and adjusted to reduce equity.

Retained earnings are used to present the Corporation's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profit appropriation or loss handling of the Corporation.

Dividends to be paid to shareholders are recognised as a payable in Statement of Financial position after the announcement of dividend payment from the Board of Directors and announcement of cut-off date for dividend payment of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

2.24 Revenue

Revenue is recognized to extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Corporation and the revenue can be reliably measures regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates,

and sales returns. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

Revenue from construction contracts

- In case the construction contract stipulates that the contractor is paid according to the value of the volume performed, when the results of construction contract performance are reliably determined and confirmed by the customer, then revenue, Contract-related costs are recorded in proportion to the completed work confirmed by the customer during the year reflected in the invoices issued.

Revenue from rendering of services

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably.

Financial income

Financial incomes include income from assets yielding interest, royalties, dividends and other financial gains by the Corporation shall be recognised when the two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits from the transaction will flow to the Corporation;
- The amount of the revenue can be measured reliably.

Dividend income shall be recognised when the Corporation's right to receive dividend is established.

2.25 Cost of goods sold and serviced rendered

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the year, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the year even when products and goods have not been determined as sold.

2.26 Financial expenses

Items recorded into financial expenses comprise:

- Expenses or losses relating to financial investment activities;
- Borrowing costs;
- Losses from the disposal and transfer of short-term securities, transaction cost of selling securities;
- Provision for diminution in value of trading securities price; provision for losses from investment in other entities, losses from sale of foreign currency, exchange loss, etc

The above items are recorded by the total amount arising in the year without offsetting against financial income.

2.27 Corporate income tax

Current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the year and current corporate income tax rate.

Deferred corporate income tax expenses are determined based on deductible temporary differences, the taxable temporary differences and corporate income tax rate.

Current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses are not offset against each other.

Current corporate income tax rate

The Corporation applies the corporate income tax rate of 20% for the operating activities which has taxable income for the fiscal year ended as at 31 December 2025.

2.28 Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit or loss after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Corporation (after adjusting for the bonus and welfare fund and allowance for Board of Management) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

2.29 Related Parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Corporation's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Corporation or being under the control of the Corporation, or being under common control with the Corporation, including the Corporation's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Corporation that have a significant influence on the Corporation, key management personnel including directors and employees of the Corporation, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements, the Corporation should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

2.30 Segment information

Due the Corporation operates mainly in the field of construction and installation in the territory of Vietnam, the Corporation does not prepare segment reports by business segment and geographical segment.

3 CASH AND CASH EQUIVALENTS

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Cash on hand	4,021,433,244	5,238,205,288
Demand deposits	116,589,194,885	250,553,325,788
- Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	1,743,027,762	13,978,111,303
- Modern Bank of Vietnam - MBV	461,414,901	2,254,370,501
- Others	114,384,752,222	234,320,843,984
Cash equivalents (i)	95,647,568,566	177,682,692,918
- Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	-	4,200,000,000
- Others	95,647,568,566	173,482,692,918
	216,258,196,695	433,474,223,994
In which: Balance with related parties		
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	1,743,027,762	18,178,111,303
- Demand deposits	1,743,027,762	13,978,111,303
- Cash equivalents	-	4,200,000,000

- (i) At 31 December 2025, the cash equivalents are deposits with term of from 01 to 03 months with the amount of VND 95,647,568,566 at commercial banks at the interest rate from 1.6%/year to 4.1%/year.

4 FINANCIAL INVESTMENTS

a) Held to maturity investments

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Short-term investments				
Term deposits (i)	298,722,148,504	-	253,490,326,478	-
- Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	40,800,000,000	-	35,780,000,000	-
- Modern Bank of Vietnam - MBV	45,316,000,000	-	45,316,000,000	-
- Others	212,606,148,504	-	172,394,326,478	-
	<u>298,722,148,504</u>	<u>-</u>	<u>253,490,326,478</u>	<u>-</u>
Long-term investments				
Term deposits (ii)	709,685,120,000	-	-	-
	<u>709,685,120,000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
In which: Balance with related parties				
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	40,800,000,000	-	35,780,000,000	-

- (i) At 31 December 2025, the short-term investments are deposits with terms from over 3 months to less than 12 months with the amount of VND 298,722,148,504 at commercial banks at the interest rate from 2.9%/year to 6.12%/year.

In which:

- Deposits at Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Ha Dong Branch with a value of VND 189,037,688,190 is being pledged for loans at the bank (Detailed in Note 24);
- The term deposit of VND 45.3 billion deposited at Modern Bank of Vietnam - MBV - Vung Tau Branch is temporarily suspending transactions under the direction of the State Bank of Vietnam. This amount will be paid when there is direction from the Government and the State Bank. Therefore, the Board of Management of the Corporation assesses that the above deposits are still recoverable, have no risk of loss and accordingly, no loss provision is required.

- (ii) At 31 December 2025, term deposits with a maturity of 36 months amounting to USD 28,180,000 were placed with the Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Ha Dong Branch, bearing the interest rate of 0% per annum.

b) Trading securities

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Shares	14,900,000,000	(13,885,000,000)	14,900,000,000	(13,885,000,000)
Petroleum Internal and External Equipment JSC	14,600,000,000	(13,885,000,000)	14,600,000,000	(13,885,000,000)
Others	300,000,000	-	300,000,000	-
	<u>14,900,000,000</u>	<u>(13,885,000,000)</u>	<u>14,900,000,000</u>	<u>(13,885,000,000)</u>

The Corporation has not determined the fair value of financial investments since Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System have not had any detailed guidance on the determination of the fair value.

c) Equity investments in associates

	Stock code	Address	31/12/2025			01/01/2025		
			Proportion of ownership	Proportion of voting rights	Book value according to the equity	Proportion of ownership	Proportion of voting rights	Book value according to the equity
			%	%	VND	%	%	VND
					29,132,971,817		32,208,529,511	
- Heerim-PVC International Design JSC		Hanoi	44.00	44.00	-	44.00	44.00	-
- Petroleum Interior Decoration JSC	PID	Hanoi	49.98	49.98	-	49.98	49.98	-
- PetroVietnam - Nghe An Construction JSC	PVA	Nghe An	22.64	22.64	-	22.64	22.64	-
- Sai Gon Petroleum construction and investment Joint Stock Company	PSG	Ho Chi Minh city	24.72	24.72	-	24.72	24.72	-
- Duyen Hai Petro Construction Investment JSC		Hai Phong	42.46	42.46	28,574,743,188	42.46	42.46	31,417,598,211
- Petroleum Link Communication and Trading Joint Stock Company (i)		Hanoi	97.22	35.00	558,228,629	97.22	35.00	790,931,300
- Ha Noi Petroleum Construction JSC (PVC-HN)		Hanoi	35.83	35.83	-	35.83	35.83	-
- Petroleum Mechanical Executing And Assembly Joint Stock Company		Hanoi	40.00	40.00	-	40.00	40.00	-
- Thanh Hoa Petroleum Construction JSC	PVH	Thanh Hoa	36.00	36.00	-	36.00	36.00	-
- Lam Kinh Hotel Joint Stock Company		Thanh Hoa	35.01	43.16	-	35.01	43.16	-
- Mien Trung Petroleum Construction JSC	PXM	Da Nang	48.27	48.27	-	48.27	48.27	-
					<u>29,132,971,817</u>		<u>32,208,529,511</u>	

(i) According to the assessment of the Board of General Directors of the Corporation, although the ownership stake of the Petroleum Link Communication and Trading Joint Stock Company (Petro-link) as at 31 December 2025 is 97%, this ownership stake is temporary because other members have not yet contributed sufficient capital. The ownership stake (contributing capital) of the Corporation according to the Business Registration Certificate is 35%, the Corporation also does not have controlling interest in this company. Therefore, the Board of Management of the Corporation identified Petro-link as an associate and presented this investment as an investment in an associate.

As at 31 December 2025, the value of investments in associates was assessed by the Corporation using the equity method on the basis of the financial statements of the entities collected at the nearest available reporting date.

Material transactions between the Corporation and associates during the year: Detailed in Note 42.

d) Investments in other entities

	31/12/2025			01/01/2025		
	Original cost	Provision	Rate of voting rights	Original cost	Provision	Rate of voting rights
	VND	VND		VND	VND	
- Ha Long Cement JSC (ii)	147,300,000,000	(147,300,000,000)	7.58%	147,300,000,000	(147,300,000,000)	7.58%
- Petro Kinh Bac Investing And Construction JSC (ii)	2,500,000,000	(1,200,936,821)	1.67% (*)	23,500,000,000	(1,200,936,821)	15.67% (*)
- Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC (ii)	12,500,000,000	(1,488,246,800)	2.50%	12,500,000,000	(1,488,246,800)	2.50%
- Truong Son Investment Group JSC (ii)	3,000,000,000	-	3.99%	3,000,000,000	-	3.99%
- Number 2 PetroVietnam Construction JSC (ii)	2,795,000,000	-	5.00%	2,795,000,000	-	5.00%
- Number 4 PetroVietnam Building Materials and Construction JSC (ii)	2,500,000,000	-	10.00%	2,500,000,000	-	10.00%
- Petroleum – 3C Construction Investment Joint Stock Company (ii)	5,400,000,000	(5,400,000,000)	7.25%	5,400,000,000	(5,400,000,000)	7.25%
- Others (ii)	9,318,000,000	(4,231,833,881)		9,318,000,000	(4,231,833,881)	
	185,313,000,000	(159,621,017,502)		206,313,000,000	(159,621,017,502)	

(ii) As at 31 December 2025, the Corporation had investments in various companies with a total book value and total provision for these investments of approximately VND 185.31 billion and VND 159.62 billion (as at 01 January 2025 were approximately VND 206.31 billion and VND 159.62 billion). At the date of preparing these Consolidated Financial Statements, the Corporation has not yet collected the financial statements for the year 2025 and 2024 from these companies. Therefore, the Corporation has not fully assessed the decline in the value of the above investments. These Consolidated Financial Statements do not include any adjustments that may be related to this issue.

As at 31 December 2025, the Corporation could not collect the Financial Statements of other investments, therefore, provision for financial investments is being made according to the financial statements of previous years of these companies.

The Corporation has not determined the fair value of financial investments since Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System have not had any detailed guidance on the determination of the fair value.

(*) The investment value in Petro Kinh Bac Investing and Construction Joint Stock Company ("PVC Kinh Bac") as of 01 January 2025 was VND 23.5 billion, consisting of 2 parts:

- An amount of VND 2.5 billion, representing contributed capital generated before 2010 accounts for 5% of PVC Kinh Bac's charter capital at that time, which was VND 50 billion;
- An amount of VND 21 billion, generated in 2010 from offsetting debts against the amount advanced by the Corporation to PVC Kinh Bac for construction contracts, when PVC Kinh Bac's charter capital was VND 150 billion. This amount was determined to have been used by PVC Kinh Bac to purchase 3,400 m² of land at plot No. 06, Map sheet No. 20, Hamlet 1, Tam Dao town, Tam Dao district, Vinh Phuc province (now Tam Dao commune, Phu Tho province) ("land lot in Tam Dao"). Subsequently, PVC Kinh Bac transferred the land to Mai Phuong Investment Company Limited ("Mai Phuong").

The verdict No. 412/2021/HSPT dated 29 September 2021 concluded:

- The incident of advancing funds to PVC Kinh Bac was against regulations, therefore, the land lot in Tam Dao must be returned to the Corporation;
- The Corporation's capital contribution ratio at PVC Kinh Bac will be resolved by the relevant parties themselves. If required, it will be addressed in separate civil litigation.

On 01 June 2022, the Director of the Civil Judgment Enforcement Department of Hanoi issued Decision No. 905/QĐ-CTHSDS to execute the aforementioned judgment.

On 27 September 2024, the Corporation received the transfer of the land use rights for 3,400 m² of land at Plot No. 06, Map Sheet No. 20, Hamlet 1, Tam Dao Town, Tam Dao District, Vinh Phuc Province, from Mai Phuong Investment Company Limited.

On 27 June 2025, the Corporation was granted the Certificate of Land Use Rights, Ownership of Land-attached Assets.

On 24 September 2025, the Corporation's Board of Directors issued Resolution No. 115/NQ-XLTK approving the policy of adjusting the Corporation's contributed capital in Kinh Bac Petroleum Investment and Construction Joint Stock Company and recording an increase in assets for a land plot in Tam Dao commune, Phu Tho province. Therefore, as at 31 December 2025, the value of the Corporation's contributed capital in PVC - Kinh Bac is VND 2,500,000,000, equivalent to the voting right ratio and interest ratio of 1.67%.

On 31 January 2026, the Corporation's Board of Directors issued Resolution No. 15/NQ-XLTK approving the transfer policy and reserve price to select an auction practice organization for the right to use 3,400 m² of land owned by the Corporation at land plot No. 6, map sheet No. 20, located in Hamlet 1, Tam Dao town, Tam Dao district, Vinh Phuc province (now Tam Dao commune, Phu Tho province). Accordingly, the land plot with an area of 3,400 m² will be offered for public auction with a starting price of VND 210,633,400,000 (inclusive of VAT).

Investments in other entities

Detailed information about the investments in other entities as of 31 December 2025 is as follows:

Name of financial investments	Head office	Rate of interest	Rate of voting rights	Principal activities
Ha Long Cement JSC	Quang Ninh	7.58%	7.58%	Manufacture and sales of cement products
Petro Kinh Bac Investing And Construction JSC	Bac Ninh	1.67%	1.67%	Construction of civil engineering works
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	Hanoi	2.50%	2.50%	Wholesale of machinery and
Truong Son Investment Group JSC	Quang Tri	3.99%	3.99%	Civil construction, investment, real estate business, resort tourism, etc
Number 2 PetroVietnam Construction JSC	Ninh Binh	5.00%	5.00%	Construction consulting
Number 4 PetroVietnam Building Materials and Construction JSC	Hanoi	10.00%	10.00%	Construction consulting
Petroleum – 3C Construction Investment Joint Stock Company	Hanoi	7.25%	7.25%	Construction

5 SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
Related parties	1,198,425,713,302	(157,826,033,909)	1,267,201,651,433	(157,219,916,726)
Vietnam National Industry - Energy Group (PVN)	5,549,727,139	-	5,548,525,269	-
Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board	786,064,069,692	-	881,154,608,947	-
PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Energy and Industry Group	44,066,850,827	-	5,862,270,296	-
Vietnam Petroleum Institute	30,336,867,228	(747,531,048)	36,963,772,960	(747,531,048)
Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex Project Mangement Board	50,006,385,426	-	50,006,385,426	-
Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	91,619,056,480	(91,619,056,480)	91,619,056,480	(91,619,056,480)
Petroleum Mechanical Executing And Assembly JSC	23,073,811,922	(200,156,144)	23,291,878,505	(200,156,144)
Sai Gon Petroleum Construction And Investment JSC	27,858,853,155	(27,158,853,155)	27,858,853,155	(27,158,853,155)
Heerim - Pvc International Design JSC	6,097,621,800	(1,518,493,750)	6,097,621,800	(1,518,493,750)
Mien Trung Petroleum Construction JSC	16,811,955	-	16,811,955	-
Petrovietnam-Nghe An Construction JSC	37,060,810,724	(23,936,985,990)	41,635,737,524	(23,330,868,807)
Thanh Hoa Petroleum Construction JSC	23,115,000	-	23,115,000	-
Petro Vietnam Engineering Consultantcy JSC	532,785,009	(532,785,009)	532,785,009	(532,785,009)
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	9,518,282,409	(9,518,282,409)	9,518,282,409	(9,518,282,409)
Petrovietnam Steel Pipe JSC	15,500,000,000	-	15,500,000,000	-
Petrovietnam Construction Land Corporation	366,052,500	(366,052,500)	366,052,500	(366,052,500)
PetroVietnam Technical Services Corporation	-	-	16,235,738,266	-
PTSC Mechanical and Construction Limited Company	66,506,774,610	-	50,742,318,506	-
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	2,000,000,002	-	2,000,000,002	-
PetroVietnam Low Pressure Gas Distribution JSC	62,166,603	(62,166,603)	62,166,603	(62,166,603)
Petroleum Internal and External Equipment JSC	2,165,670,821	(2,165,670,821)	2,165,670,821	(2,165,670,821)
Others	455,288,765,850	(116,562,118,704)	396,058,745,759	(118,331,077,589)
Viet Nam Machinery Installation Corporation - JSC	57,841,498,305	-	69,049,973,934	-
Other customers	397,447,267,545	(116,562,118,704)	327,008,771,825	(118,331,077,589)
	1,653,714,479,152	(274,388,152,613)	1,663,260,397,192	(275,550,994,315)

6 SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
a) Short-term				
Related parties	249,019,312,075	(173,664,818,848)	249,019,312,075	(173,664,818,848)
Petroleum Mechanical Executing And Assembly Joint Stock Company	54,324,395,257	(26,196,864,426)	54,324,395,257	(26,196,864,426)
Heerim - Pvc International Design Joint Stock Company	229,674,800	(160,772,360)	229,674,800	(160,772,360)
Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	108,864,918,776	(108,864,918,776)	108,864,918,776	(108,864,918,776)
Petrovietnam-Nghe An Construction Joint Stock Company	11,617,459,964	(11,617,459,964)	11,617,459,964	(11,617,459,964)
Petroleum Interior Decoration Joint Stock Company	3,418,342,062	-	3,418,342,062	-
Mien Trung Petroleum Construction Joint Stock Company	28,268,366,989	(26,744,518,395)	28,268,366,989	(26,744,518,395)
Southern Shipbuilding Industry Investment Development Company Limited	42,215,869,300	-	42,215,869,300	-
Petro Vietnam Engineering Consultancy Joint Stock Company	80,284,927	(80,284,927)	80,284,927	(80,284,927)
Others	365,438,551,497	(145,491,378,754)	321,141,033,870	(137,499,948,253)
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment Joint Stock Company	120,028,310,242	(24,497,588,138)	113,386,879,741	(17,856,157,637)
Petro Kinh Bac Investing And Construction Joint Stock Company	10,556,466,443	(3,236,726,458)	14,556,466,443	(3,236,726,458)
Others suppliers	234,853,774,812	(117,757,064,158)	193,197,687,686	(116,407,064,158)
	614,457,863,572	(319,156,197,602)	570,160,345,945	(311,164,767,101)
b) Long-term				
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment Joint Stock Company	-	-	6,641,430,501	(6,641,430,501)
Others suppliers	-	-	2,620,805,510	(2,444,337,557)
	-	-	9,262,236,011	(9,085,768,058)

7 SHORT-TERM LOAN RECEIVABLES

	01/01/2025		During the year		31/12/2025	
	Value	Provision	Increase	Decrease	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Related parties						
Lam Kinh Hotel JSC (i)	200,000,000,000	(124,356,150,003)	-	-	200,000,000,000	(124,356,150,003)
Sai Gon Petroleum Construction And Investment Joint Stock	128,357,292,532	(128,357,292,532)	-	-	128,357,292,532	(128,357,292,532)
Petrovietnam-Nghe An Construction Joint Stock Company (ii)	16,321,991,226	(5,461,481,782)	-	-	16,321,991,226	(5,461,481,782)
Petroleum Internal and External Equipment Joint Stock Company	10,997,669,735	(10,997,669,735)	-	-	10,997,669,735	(10,997,669,735)
	355,676,953,493	(269,172,594,052)	-	-	355,676,953,493	(269,172,594,052)

(i) The Corporation used the loan from Credit Contract No. 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC dated 30 June 2011 signed with OceanBank (now renamed as Modern Bank of Vietnam - MBV) for Lam Kinh Hotel Joint Stock Company ("Lam Kinh Hotel"), the purpose is to support business capital for Lam Kinh Hotel.

(ii) The Corporation uses the loan from the Credit Contract No. 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC dated 20 October 2010 between Ocean Commercial Joint Stock Bank (now renamed as Modern Bank of Vietnam - MBV) and the Corporation to pay for the Sai Gon Petroleum Construction and Investment Joint stock Company and Petrovietnam-Nghe An Construction Joint Stock Company for the transfer of shares;

According to Official Letter No.7697/2014/CV - Oceanbank dated 09 December 2014 of Oceanbank (now renamed as Modern Bank of Vietnam - MBV), the time to pay the loans after being extended is 31 December 2017. As at the date of these Consolidated Financial Statements, the Corporation is working with related parties to extend the payment period for loans at Modern Bank of Vietnam - MBV. The Corporation is also working with the above companies to collect payments on behalf of or lend to have a source of payment for loans at Modern Bank of Vietnam - MBV, in order to enhance the Corporation's solvency as well as to match with regulations on corporate governance applicable to public companies.

8 OTHER RECEIVABLES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
a) Short-term				
Receivables from interest	3,880,131,484	-	2,994,975,148	-
Dividends and profits receivable	6,750,990,000	(6,750,990,000)	6,750,990,000	(6,750,990,000)
Advance	67,113,267,284	(6,602,653,657)	48,314,987,793	(3,630,344,555)
Mortgages	46,236,200,620	-	4,158,250,243	-
Receivables from loan interest, capital support, late payment penalty interest, late payment	115,369,622,286	(27,733,568,215)	109,513,848,523	(27,733,568,215)
Receivables relating to guarantee obligations (i)	42,770,314,825	(42,328,848,975)	42,770,314,825	(42,328,848,975)
International arbitration fees without a ruling (ii)	4,889,875,320	-	4,889,875,320	-
Petroleum Internal and External Equipment JSC	26,414,393,577	(26,414,393,577)	26,414,393,577	(26,414,393,577)
Receivables of construction teams	16,819,381,673	(16,819,381,673)	16,819,381,673	(16,819,381,673)
Surplus of bonus and welfare fund	4,917,824,644	(4,917,824,644)	4,917,824,644	(4,917,824,644)
Others	149,848,603,136	(65,978,407,643)	152,056,045,019	(67,530,631,035)
	485,010,604,849	(197,546,068,384)	419,600,886,765	(196,125,982,674)
b) Long-term				
Mortgages	24,052,800,501	-	23,954,471,912	-
Hop Thanh Investment and Mineral JSC	3,213,461,725	-	4,613,461,725	-
	27,266,262,226	-	28,567,933,637	-

	31/12/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
c) In which: Other payables from related parties				
- Sai Gon Petroleum Construction And Investment Joint Stock Company	59,131,387,608	(3,778,366,082)	56,894,768,733	(3,778,366,082)
- Lam Kinh Hotel Joint Stock Company	51,964,023,259	(6,138,310,290)	48,630,948,027	(6,138,310,290)
- Petroleum Mechanical Executing And Assembly Joint Stock Company	6,840,056,555	(4,742,067,735)	6,840,056,555	(4,742,067,735)
- Heerim - Pvc International Design Joint Stock Company	5,360,238,712	(3,899,613,813)	5,360,238,712	(3,899,613,813)
- Petroleum Internal and External Equipment Joint Stock Company	33,584,659,686	(33,584,659,686)	33,584,659,686	(33,584,659,686)
- Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	20,507,270,308	(8,125,138,911)	20,507,270,308	(8,125,138,911)
- Petrovietnam-Nghe An Construction Joint Stock Company	2,727,967,044	-	2,441,887,388	-
- Vietnam National Industry - Energy Group (PVN)	2,008,154,052	(2,008,154,052)	2,008,154,052	(2,008,154,052)
- Thanh Hoa Petroleum Construction Joint Stock Company	368,366,166	-	368,366,166	-
- Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board	274,000,624	-	274,000,624	-
- Vietnam Petroleum Institute	124,742,000	-	124,742,000	-
- Mien Trung Petroleum Construction Joint Stock Company	28,795,218,993	(28,795,218,993)	28,795,218,993	(28,795,218,993)
- PetroVietnam Technical Services Corporation	1,669,212,234	-	1,669,212,234	-
- Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	417,223,063	-	1,920,077,263	-
	213,772,520,304	(91,071,529,562)	209,419,600,741	(91,071,529,562)

- (i) Receivables from the performance of guarantee obligations is the amount the bank has deducted from the Corporation's account to perform the guarantee obligations for the credit contracts that the Corporation has guaranteed (Detailed in Note 39).
- (ii) This arbitration fee was paid to the Vietnam International Arbitration Center (VIAC) to facilitate the submission of a counterclaim against DL E&C Co., Ltd, related to Arbitration Case No. 05/24 VIAC between the Parent Company and DL E&C Co., Ltd (Note 17). On 31 May 2024, the Corporation submitted the counterclaim against DL E&C Co., Ltd to VIAC and paid the arbitration fee as per VIAC's notice, requesting the Arbitral Tribunal to resolve the Corporation's claims regarding DL E&C Co., Ltd's breaches during the execution of the EPS Contract. This arbitration fee will be allocated by the Arbitral Tribunal upon the issuance of the arbitration award.

9 DOUBTFUL DEBTS

Receivables that are overdue or not yet overdue but difficult to recover:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
a) Trade receivables	326,874,680,522	52,486,527,909	328,178,418,416	52,627,424,101
Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	91,619,056,480	-	91,619,056,480	-
Sai Gon Petroleum Construction And Investment Joint Stock Company	27,158,853,155	-	27,158,853,155	-
Petroleum Mechanical Executing And Assembly Joint Stock Company	23,073,811,922	22,872,086,778	23,291,878,505	23,091,722,361
Petrovietnam-Nghe An Construction Joint Stock Company	30,380,282,717	6,443,296,727	25,401,643,107	2,070,774,300
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment Joint Stock Company	29,273,930,682	-	29,273,930,682	-
Truong Son Investment Group Joint Stock Company	572,219,050	-	572,219,050	-
PetroVietnam Premier Recreation Joint Stock Company	18,000,000,000	-	18,000,000,000	-
Petroleum Internal and External Equipment Joint Stock Company	2,165,670,821	-	2,165,570,821	-
TID Joint Stock Company	14,604,536,064	12,998,328,937	19,604,536,064	17,448,428,851
Others	90,026,319,631	10,172,815,467	91,090,730,552	10,016,498,589
b) Prepayments to suppliers	353,958,546,730	34,802,349,128	355,052,884,287	34,802,349,128
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment Joint Stock Company	31,212,207,481	6,714,619,343	31,212,207,481	6,714,619,343
Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	108,864,918,776	-	108,864,918,776	-
Petrovietnam-Nghe An Construction Joint Stock Company	11,617,459,964	-	11,617,459,964	-
Petroleum Mechanical Executing And Assembly Joint Stock Company	47,905,728,732	21,708,864,306	47,905,728,732	21,708,864,306
Mien Trung Petroleum Construction Joint Stock Company	26,744,518,395	-	26,744,518,395	-
Vinaconex 39 Joint Stock Company	34,069,058,988	1,057,959,818	34,069,058,988	1,057,959,818
Truong Son Investment Group Joint Stock Company	29,923,230,049	100,965,000	29,923,230,049	100,965,000
Number 2 PetroVietnam Construction Joint Stock Company	26,176,673,819	-	26,176,673,819	-
Others	37,444,750,526	5,219,940,661	38,539,088,083	5,219,940,661

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
c) Loan receivable	355,676,953,493	86,504,359,441	355,676,953,493	86,504,359,441
Lam Kinh Hotel Joint Stock Company	200,000,000,000	75,643,849,997	200,000,000,000	75,643,849,997
Sai Gon Petroleum Construction And Investment Joint Stock Company	128,357,292,532	-	128,357,292,532	-
Petrovietnam-Nghe An Construction Joint Stock Company	16,321,991,226	10,860,509,444	16,321,991,226	10,860,509,444
Petroleum Internal and External Equipment Joint Stock Company	10,997,669,735	-	10,997,669,735	-
d) Other short-term receivables	229,582,595,987	32,036,527,603	221,087,755,915	24,961,773,241
Lam Kinh Hotel Joint Stock Company	6,138,310,290	-	6,138,310,290	-
Mien Trung Petroleum Construction Joint Stock Company	28,795,218,993	-	28,795,218,993	-
Viet Nam Port and Infrastructure Construction Investment Joint Stock	163,889,314	-	163,889,314	-
Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	8,125,138,911	-	8,125,138,911	-
Sai Gon Petroleum Construction And Investment Joint Stock Company	21,447,520,000	17,731,272,367	21,447,520,000	17,731,272,367
Petroleum Mechanical Executing And Assembly Joint Stock Company	4,742,067,735	4,742,067,735	4,742,067,735	4,742,067,735
Vinaconex 39 Joint Stock Company	103,192,384	-	103,192,384	-
Modern Bank of Vietnam - MBV	42,328,848,975	-	42,328,848,975	-
PetroVietnam Premier Recreation Joint Stock Company	5,575,990,000	-	5,575,990,000	-
Petroleum Internal and External Equipment Joint Stock Company	33,584,659,686	-	33,584,659,686	-
Hasky Joint Stock Company	596,348,696	-	2,196,348,696	-
Thien Phuc Gia Coporation	5,000,000,000	-	5,000,000,000	-
Others	72,981,411,003	9,563,187,501	62,886,570,931	2,488,433,139
	1,266,092,776,732	205,829,764,081	1,259,996,012,111	198,895,905,911

10 INVENTORIES

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost VND	Provision VND	Original cost VND	Provision VND
Raw materials	6,205,254,546	(3,090,115,856)	6,465,655,339	(3,169,300,408)
Tools, supplies	4,172,928,151	(20,555,000)	4,920,179,637	(641,939,651)
Work in progress (i)	1,380,938,588,393	(135,769,415,911)	1,867,032,182,874	(104,607,633,381)
Goods (ii)	43,866,325,508	-	59,400,887,454	(11,410,834,208)
	<u>1,435,183,096,598</u>	<u>(138,880,086,767)</u>	<u>1,937,818,905,304</u>	<u>(119,829,707,648)</u>

(i) Detailed information of work in progress is as follows:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Thai Binh 2 Thermal Power Plant	774,175,769,719	1,400,422,457,557
Vung Ang 1 Thermal Power Plant (*)	234,057,721,353	245,057,868,468
Apartment 33A, street 30/4, Vung Tau city (**)	32,986,594,500	32,986,594,500
Song Hau 1 Thermal Power Plant	109,184,687,878	109,132,879,549
Others	230,533,814,943	79,432,382,800
	<u>1,380,938,588,393</u>	<u>1,867,032,182,874</u>

(*) The Corporation is a sub-contractor of the EPC general contractor of these constructions. As presented in Note 39 in the Notes to the Consolidated Financial Statements, because of changing in design and unit price, the Corporation is requesting the Owner, General Contractor and competent authorities to consider this provision adjustment to the unexpired value of the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project. The Consolidated Financial Statements does not include any adjustments that may be related to this matter.

(**) This is the remaining work-in-progress cost of the construction item under the Commercial, Service, Office, and Apartment Complex project at 33A, 30/4 Street, Ward 9, Vung Tau City, Bà Rịa - Vung Tau Province. The project was completed and put into use in 2019; however, its final settlement has not yet been approved.

(ii) The value of inventory at 01 January 2025 and 31 December 2025 including apartments from the Thai Binh Petroleum Hotel Apartment with a value of VND 36,302,881,834 owned by Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company. The Corporation has not assessed the decline in value nor estimated the net realizable value of these properties and has decided not to make a provision for the corresponding inventory impairment.

11 PREPAID EXPENSES

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Short-term		
Dispatched tools and supplies	343,438,142	2,739,278,366
Others	912,084,286	703,886,756
	<u>1,255,522,428</u>	<u>3,443,165,122</u>
b) Long-term		
Infrastructure rental at Sao Mai Ben Dinh port	74,883,736,758	77,108,006,166
Office rental	4,167,358,945	5,472,381,608
Dispatched tools and supplies	3,923,424,362	11,290,062,911
Property repair costs	2,305,562,968	5,680,032,353
Others	2,785,240,776	734,225,129
	<u>88,065,323,809</u>	<u>100,284,708,167</u>

12 TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures	Machinery, equipment	Vehicles, transportation equipment	Office equipment	Total
	VND	VND	VND	VND	VND
Historical cost					
Beginning balance	1,195,965,028,491	292,882,481,565	110,421,257,838	27,704,982,081	1,626,973,749,975
Purchase in the year	-	241,640,000	1,340,911,515	202,709,489	1,785,261,004
Completed construction investment	1,661,699,665	-	-	-	1,661,699,665
Liquidation, disposal	-	(6,378,903,545)	(804,001,007)	(2,790,791,302)	(9,973,695,854)
Transfer to investment properties	(2,389,408,871)	-	-	-	(2,389,408,871)
Ending balance of the year	1,195,237,319,285	286,745,218,020	110,958,168,346	25,116,900,268	1,618,057,605,919
Accumulated depreciation					
Beginning balance	446,854,077,643	276,299,653,562	109,026,573,665	27,465,576,033	859,645,880,903
Depreciation in the year	28,452,392,966	8,421,003,687	324,756,537	120,614,204	37,318,767,394
Liquidation, disposal	-	(6,378,903,545)	(804,001,007)	(2,790,791,302)	(9,973,695,854)
Transfer to investment properties	(927,761,966)	-	-	-	(927,761,966)
Ending balance of the year	474,378,708,643	278,341,753,704	108,547,329,195	24,795,398,935	886,063,190,477
Net carrying amount					
Beginning balance	749,110,950,848	16,582,828,003	1,394,684,173	239,406,048	767,327,869,072
Ending balance	720,858,610,642	8,403,464,316	2,410,839,151	321,501,333	731,994,415,442

The carrying amount of tangible fixed assets pledged as collaterals for borrowings as at 31 December 2025 was VND 332,296,099,913 (as at 01 January 2025 was VND 374,037,139,512);

Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use at 31 December 2025 was VND 392,980,692,168 (as at 01 January 2025 was VND 401,187,220,987).

13 INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights	Manager software	Total
	VND	VND	VND
Historical cost			
Beginning balance (adjusted)	253,189,029,962	21,461,212,382	274,650,242,344
Other increase	-	(4,978,217,900)	(4,978,217,900)
Ending balance of the year	253,189,029,962	16,482,994,482	269,672,024,444
Accumulated depreciation			
Beginning balance (adjusted)	2,411,211,376	20,230,168,919	22,641,380,295
Depreciation in the year	110,942,046	600,287,346	711,229,392
Liquidation, disposal	-	(4,978,217,900)	(4,978,217,900)
Ending balance of the year	2,522,153,422	15,852,238,365	18,374,391,787
Net carrying amount			
Beginning balance	250,777,818,586	1,231,043,463	252,008,862,049
Ending balance	250,666,876,540	630,756,117	251,297,632,657

Cost of fully amortized intangible fixed assets but still in use at 31 December 2025 was VND 14,593,074,482 (as at 01 January 2025 was VND 19,571,292,382).

14 INVESTMENT PROPERTIES

a) Investment properties held for lease

	Buildings	Total
	VND	VND
Historical cost		
Beginning balance	111,067,844,188	111,067,844,188
Increase due to conversion from tangible fixed assets	2,389,408,871	2,389,408,871
Decrease due to classifying to inventory	(2,220,000,000)	(2,220,000,000)
Ending balance of the year	111,237,253,059	111,237,253,059
Accumulated depreciation		
Beginning balance	25,559,856,003	25,559,856,003
Depreciation in the year	2,259,239,145	2,259,239,145
Increase due to conversion from tangible fixed assets	927,761,966	927,761,966
Decrease due to classifying to inventory	(111,000,000)	(111,000,000)
Ending balance of the year	28,635,857,114	28,635,857,114
Net carrying amount		
Beginning balance	85,507,988,185	85,507,988,185
Ending balance	82,601,395,945	82,601,395,945

Carrying amount of investment properties held for lease pledged as collaterals for borrowings as at 31 December 2025 was VND 41,932,656,596 (as at 01 January 2025 was VND 54,565,800,473).

Fair value of investment properties has not been appraised and determined exactly as at 31 December 2025. However, based on leasing activities and market prices of these assets, the Board of Management believes that the fair value of investment properties is higher than their carrying amount on the books at the end of fiscal year.

b) Investment properties held for capital appreciation

Investment property arising during the year comprises the land use right to 3,400 m² of land located in Tam Dao commune, Phu Tho province, with a historical cost of VND 24,089,000,000, recovered according to Judgment No. 412/2021/HSPT dated 29 September 2021 from Mai Phuong Investment Company Limited (see Note 04d). This real estate is being mortgaged and pledged to secure loans at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Dong Branch.

The fair value of the investment property has not been formally determined as at 31 December 2025. However, based on market prices of similar assets, the Board of Management believes that the fair value of the investment property exceeds its carrying amount as at the end of the financial year.

15 LONG-TERM ASSET IN PROGRESS

	31/12/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
a) Long-term work in progress				
- Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (i)	25,781,820,546	12,890,910,273	25,781,820,546	12,890,910,273
- Dinh Vu Polyester Plant Project	25,759,325,212	9,162,306,880	25,759,325,212	9,162,306,880
- Long Phu Thermal Power Operation Center	12,180,083,636	12,180,083,636	12,180,083,636	800,000,000
- Others	7,522,744,186	1,811,134,827	7,922,605,745	2,210,996,386
	71,243,973,580	36,044,435,616	71,643,835,139	25,064,213,539

(i) According to Official Letter No. 1828/TTg-KTN dated 15 October 2016 of the Prime Minister on certain changes relating to thermal power projects under management of Quang Trach and Quynh Lap Power Centres, Vietnam Electricity will replace Vietnam Oil and Gas Group (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) as the investor of the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. As of the date of preparing these Consolidated Financial Statements, the Corporation is still in the process of working with relevant parties to finalize and settle the expenses incurred by the Corporation for the construction work performed on this project.

b) Construction in progress

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Procurement of fixed assets	147,550,832	147,550,832
- Procurement of fixed assets	147,550,832	147,550,832
Construction in progress	109,801,622,208	113,303,806,575
- Soai Rap Petroleum Service Industrial Zone Project (ii)	103,182,526,261	103,182,526,261
- Petro Vietnam University Urban Area Project (iii)	3,883,984,985	3,883,984,985
- Tien Giang Petroleum Industrial Zone Project	-	1,835,100,923
- Other projects (iii)	2,735,110,962	4,402,194,406
	109,949,173,040	113,451,357,407

(ii) This is the capital construction in progress of Soai Rap Petroleum Service Industrial Park Project (referred to as "the project") which the Corporation inherited and became the investor

from Vietnam Oil And Gas Group (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) (PVN) according to Decision No. 7089/QĐ-DKVN dated 12 August 2010 of the Board of Members of PVN.

On 22 August 2016, the Ministry of Finance issued Document No. 11704/BTC-TCDN to the People's Committee of Tien Giang Province and PVN to provide detailed instructions on the transfer of the above project from PVN to the People's Committee of Tien Giang Province.

According to Minutes No. 1421/BB-SKH&DT dated 31 July 2017 between the Project Acceptance Team and the People's Committee of Tien Giang Province, it was agreed to recognize the project value during the period of implementation by the Corporation as VND 143 billion.

On 01 October 2018, the Corporation signed Minutes of liquidation of the land lease contract with the Department of Natural Resources and Environment of Tien Giang province, handing over the land and the assets attached to the land to this agency.

On 28 February 2019, the Government Office issued Document No. 1630/VPCP-CN directing the Ministry of Planning and Investment, the Ministry of Justice, the Ministry of Natural Resources and Environment, the Ministry of Industry and Trade, the Committee for Management of State Capital at Enterprises to instruct the People's Committee of Tien Giang province and the project investor to settle the incurred expenses for the project investor due to the recovery of project land, ensuring compliance with the provisions of law, preventing the loss of state assets and safeguarding the rights and interests of the project investor.

Despite multiple directives from the Government, the relevant ministries have not yet provided an official plan to resolve and guide the reimbursement of expenses invested by the Corporation in the Soai Rap Oil and Gas Industrial Park project in Tien Giang province.

On 29 March 2021, the Corporation issued Document No. 426/XLĐK-KHĐT&TCC requesting to continue its role as the Investor of Soai Rap Petroleum Service Industrial Park Project in Tien Giang Province.

On 06 August 2021, the Ministry of Planning and Investment continued to send Document No. 5183/BKHĐT-QLKKT proposing that the Prime Minister instructs the People's Committee of Tien Giang Province to conclusively resolve all issues related to the Project in 2021 in accordance with the law and regulations.

On 15 February 2022, the Government Office issued Document No. 964/VPCP-CN announcing the specific directive of Deputy Prime Minister Le Van Thanh, assigning the Ministry of Natural Resources and Environment to have specific opinions on the compliance with legal procedures and provisions of the Law on land recovery process for the project of the People's Committee of Tien Giang province. This will serve as a basis for considering whether the Corporation is entitled to compensation for assets on the project land.

As at the preparation date of the Consolidated Financial Statements, the project transfer process has not yet been completed. The Board of Management of the Corporation believes that the Corporation will fully recover the expenses incurred or be entrusted with the project for further implementation.

- (iii) The Projects that have been suspended for several years have not yet been assessed by the Board of Management regarding their potential future economic benefits.

16 OTHER ASSETS

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Contribution to the investment of the Dolphin Plaza	-	26,233,304,440
Contribution to Long Son Riverside project (i)	12,897,200,000	12,897,200,000
	12,897,200,000	39,130,504,440

(i) The capital contribution under Business Cooperation Contract No. 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND dated 08 June 2010:

- Participants, contribution ratio, form, and schedule: The participating parties include IDICO Long Son Investment Joint Stock Company (IDICO Long Son), Khang Thong Construction Trading Service Joint Stock Company (Khang Thong), and Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC - a subsidiary of the Corporation), with respective capital contribution ratios of 85%, 5%, and 10%.
- Purpose of business cooperation: Joint investment in and management of the "Long Son Riverside Apartment" project located at 1351 Huynh Tan Phat Street, Phu Thuan Ward, Ho Chi Minh City.
- Cooperation details: Business activities include the sale and leasing of apartment units, commercial center spaces, and other assets formed during the investment, operation, and business process of the project.
- Profit-sharing method: The parties share profits, bear losses, and assume business risks based on the business performance of the Operator (IDICO Long Son) and in proportion to their capital contribution ratio.

As of 31 December 2025: the project has completed construction, opened for sale and business with the apartment part, commercial center floor area. Up to now, because the project is stuck in legal procedures for converting land use purpose to long-term residential land, PVC-IC has not received the business division results from this Contract.

17 SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	31/12/2025		01/01/2025 (adjusted)	
	Outstanding balance VND	Amount can be paid VND	Outstanding balance VND	Amount can be paid VND
Related parties	409,174,635,738	409,174,635,738	410,901,334,379	410,901,334,379
Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company	2,327,001,690	2,327,001,690	7,976,738,009	7,976,738,009
Mien Trung Petroleum Construction Joint Stock Company	4,061,951,289	4,061,951,289	4,042,951,289	4,042,951,289
Thanh Hoa Petroleum Construction Joint Stock Company	32,549,589,904	32,549,589,904	27,903,667,974	27,903,667,974
Vietnam National Industry - Energy Group (PVN)	177,049,565,265	177,049,565,265	177,207,065,265	177,207,065,265
PetroVietnam Exploration Production Corporation (i)	115,973,338,811	115,973,338,811	115,973,338,811	115,973,338,811
Petroleum Mechanical Executing And Assembly Joint Stock Company	60,120,064,452	60,120,064,452	60,399,700,035	60,399,700,035
Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	14,987,074,805	14,987,074,805	15,291,823,474	15,291,823,474
Petrovietnam-Nghe An Construction Joint Stock Company	2,106,049,522	2,106,049,522	2,106,049,522	2,106,049,522
Others	2,677,698,174,305	2,677,698,174,305	2,856,132,575,553	2,844,037,304,732
DL E&C Co., Ltd (ii)	1,044,419,642,304	1,044,419,642,304	1,044,419,642,304	1,044,419,642,304
Viet Nam Machinery Installation Corporation - Joint Stock Company	232,379,768,460	232,379,768,460	206,781,647,084	206,781,647,084
Sojitz Corporation	-	-	111,744,046,642	111,744,046,642
Viet Nam Electricity	153,320,580,538	153,320,580,538	166,965,691,507	166,965,691,507
Boilermaster Vietnam Co.,Ltd	99,180,983,857	99,180,983,857	95,708,461,469	95,708,461,469
Ba Son Corporation - One member Company Limited	60,478,955,914	60,478,955,914	60,978,955,914	60,978,955,914
S-Tank Engineering Co.,Ltd	69,232,782,902	69,232,782,902	68,276,803,542	68,276,803,542
Others	1,018,685,460,330	1,018,685,460,330	1,101,257,327,091	1,089,162,056,270
	<u>3,086,872,810,043</u>	<u>3,086,872,810,043</u>	<u>3,267,033,909,932</u>	<u>3,254,938,639,111</u>
Unpaid overdue payables				
Others	602,523,318,467	602,523,318,467	557,350,620,505	557,350,620,505
	<u>602,523,318,467</u>	<u>602,523,318,467</u>	<u>557,350,620,505</u>	<u>557,350,620,505</u>

- (i) The amount that Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company (PVC Thai Binh - a subsidiary of the Corporation) was required to pay to PVEP regarding PVC Thai Binh's acceptance of transfer of the Thai Binh Petroleum Hotel Investment from PVEP (Detailed in Note 39).
- (ii) On 25 January 2024, DL E&C Co., Ltd submitted a Statement of Claim to the Vietnam International Arbitration Center (VIAC), initiating a dispute related to EPS Contract No. 30/HDKT/2012/PVC-SDC dated 22 May 2012, between the Corporation (the main contractor) and DL E&C Co., Ltd (the subcontractor).

The subcontractor has requested the Arbitral Tribunal to review and decide on the following matters: the conditions for granting the Operational Acceptance Certificate (completion certificate) for the work performed under the contract have been satisfied; the warranty period for the equipment and services provided by the subcontractor has ended; the Corporation must settle the overdue debts amounting to USD 7.67 million and VND 287.3 million; the Corporation must refund the performance deposit for the EPS Contract, totaling USD 13.4 million and VND 532.9 million; the Corporation must return the retained amount for warranty obligations, totaling USD 20.05 million and VND 799.3 million; the costs incurred due to project delays amounting to USD 11.85 million; other related claims amounting to USD 6.23 million; and the estimated late payment penalty amounting to USD 17.81 million.

On 31 May 2024, the Corporation submitted a Statement of Defense against DL E&C Co., Ltd's Statement of Claim to VIAC, with the following key arguments: the Corporation does not recognize DL E&C Co., Ltd's legal standing to initiate the claim, disputes the Arbitral Tribunal's jurisdiction over the case, and rejects all claims made by DL E&C Co., Ltd.

On the same day, the Corporation also filed a Counterclaim with VIAC, requesting DL E&C Co., Ltd to compensate for damages resulting from breaches in the execution of the EPS Contract, with a total counterclaim value of VND 17,955.47 million and USD 36.64 million.

On 13 June 2024, VIAC issued Notice No. 1722/VIAC, informing that the Arbitral Tribunal had decided to hold a case management conference, scheduled for early August 2024.

On 14 September 2024, VIAC signed Document No. 2747/VIAC issuing a Procedural Directive ("PO No. 1") on behalf of the Court.

On 12 December 2024, VIAC conducted an online hearing attended by representatives of both the claimant and the respondent.

Pursuant to PO No.1, on 03 February 2025, the Corporation submitted to the Arbitral Tribunal a list of issues requiring expert determination; and on 24 February 2025, submitted a list of factual witnesses and expert witnesses. The Corporation selected 10 witnesses, 2 Vietnamese experts on Vietnamese Construction law applicable to the EPS Contract and 1 foreign expert, Ms. Frances Hale of Diales, on slag disposal system.

On 19 September 2025, the parties completed the submission of witness statements to the Arbitral Tribunal. The Corporation submitted witness statements for 5 out of the 10 registered witnesses.

On 27 November 2025, the two parties completed the submission of expert reports to the Arbitral Tribunal.

On 26 January 2026, Step 19 – submission of responses to witness statements – was completed. The parties are currently preparing for Step 20 – submission of the joint expert report on agreed issues, scheduled for 28 April 2026, according to the revised procedural schedule issued by the Arbitral Tribunal (Letter No. 4852/VIAC dated 08 December 2025).

Parallel to the arbitration proceedings at VIAC, the Corporation continues to engage in negotiations and mediation efforts with Daelim E&C to resolve the disputes amicably and urges the contractor to withdraw the aforementioned claims.

18 SHORT-TERM PREPAYMENTS FROM CUSTOMERS

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Related parties	163,754,168,609	102,354,670,629
Vung Ang - Quang Trach Petroleum Power Project Management Board	82,778,475,899	82,778,475,899
University of Petroleum Project Management Board	17,612,939,300	17,612,939,300
Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex Project Management Board	117,255,185	117,255,185
PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Energy and Industry Group	7,630,715,774	-
Long Phu 1 Petroleum Power Project Management	50,156,167,511	1,000,899,140
PetroVietnam Power Corporation	845,101,105	845,101,105
PetroVietnam Technical Services Corporation	4,613,513,835	-
Others	99,385,773,364	129,887,788,408
Viet Nam Machinery Installation Corporation - JSC	43,797,123,322	63,770,025,034
Others	55,588,650,042	66,117,763,374
	<u>263,139,941,973</u>	<u>232,242,459,037</u>

19 TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Tax receivable at the beginning of year VND	Tax payable at the beginning of year VND	Tax payable in the year VND	Tax paid in the year VND	Tax receivable at the end of the year VND	Tax payable at the end of the year VND
Value-added tax	30,465,765	54,182,602,026	25,250,589,309	37,894,814,132	30,465,765	41,538,377,203
Export, import duties	19,254,703	-	1,801,935	1,801,935	19,254,703	-
Corporate income tax	34,516,789,923	2,596,625,299	1,173,358,630	37,954,648	34,354,768,750	3,570,008,108
Personal income tax	66,785,689	6,354,605,687	8,182,303,903	8,054,133,062	48,219,094	6,464,209,933
Land tax and land rental	-	16,796,024,496	7,008,690,368	17,681,685,927	147,200,611	6,270,229,548
Other taxes	-	767,032,930	7,752,026,827	7,689,072,802	-	829,986,955
Fees, charges and other payables	3,783,720	44,538,586,179	1,766,073,236	3,850,830,812	783,720	42,450,828,603
	34,637,079,800	125,235,476,617	51,134,844,208	75,210,293,318	34,600,692,643	101,123,640,350

The Corporation's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the Consolidated Financial Statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

20 ACCRUED EXPENSES

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
Interest expense	226,460,171,614	200,381,246,911
Accrual of construction work	338,502,530,727	246,186,568,775
Other accrued expenses	6,007,421,952	6,587,059,906
	<u>570,970,124,293</u>	<u>453,154,875,592</u>
b) Long-term		
Accrual of construction work	115,497,608,588	115,497,608,588
	<u>115,497,608,588</u>	<u>115,497,608,588</u>
c) In which: Accrued expenses from related parties		
Public Commercial Joint Stock Bank of Vietnam	149,470,076,555	121,694,660,523
Sai Gon Petroleum Construction And Investment JSC	17,731,272,367	17,731,272,367
Petrovietnam-Nghe An Construction JSC	1,647,326,928	1,647,326,928
Petroleum Interior Decoration Joint Stock Company	5,782,550,557	5,782,550,557
Vietnam National Industry - Energy Group	1,125,779,168	1,125,779,168
	<u>175,757,005,575</u>	<u>147,981,589,543</u>

21 UNEARNED REVENUES

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Short-term		
Revenues from property leasing	3,194,386,718	6,249,109,721
	<u>3,194,386,718</u>	<u>6,249,109,721</u>
b) Long - term		
Revenues from property leasing (i)	45,522,199,903	50,632,252,045
Gains from sale of assets and sublease of financial	-	199,251,272
	<u>45,522,199,903</u>	<u>50,831,503,317</u>

(i) Including: VND 39,334,078,836 represents the balance of land rent received in advance from PetroVietnam Steel Pipe Manufacturing Joint Stock Company under Contract No. 01/HDTD/PVPIPE-PVC dated 01 November 2012, with a lease term of 588 months and a total contract value of VND 46,818,181,818 at Soai Rap Industrial Park, Tien Giang Province. The Corporation recognised land rental income up to December 2014 amounting to VND 3,821,892,392. During the year, the Corporation recognised an additional VND 3,662,210,590 of land rental income for the period from December 2014 to the date of Land Recovery Decision No. 2668/QĐ-UBND dated 24 September 2018 by the Kien Giang Provincial People's Committee. The Corporation will continue to work with the customer regarding the remaining balance of advance land rent.

22 OTHER PAYABLES

	31/12/2025	01/01/2025 (adjusted)
	VND	VND
a) Short-term		
Surplus of assets awaiting resolution	17,130,137	17,130,137
Trade union fee	6,837,321,015	8,590,345,771
Social insurance	3,452,017,466	7,137,502,411
Health insurance	357,778,754	732,541,283
Unemployment insurance	407,662,369	485,828,275
Short-term deposits, collateral received	1,910,994,188	4,128,850,588
Dividends or profits payable (i)	40,394,150,917	40,394,150,917
Interest expense	1,314,567,231	1,246,252,165
Provision for guarantee obligations (ii)	137,942,779,492	137,942,779,492
Modern Bank of Vietnam - MBV (iii)	182,761,658,990	172,784,334,551
Vietnam National Industry - Energy Group (iv)	54,098,464,510	54,098,464,510
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (v)	56,212,500,000	56,212,500,000
Payable for condominium maintenance fee	10,521,717,166	10,249,210,378
Aid Funds	3,845,584,784	3,876,584,784
Land rent	33,044,495,174	32,013,086,565
Others	67,826,548,813	84,559,547,037
	<u>600,945,371,006</u>	<u>614,469,088,864</u>
b) Long-term		
Long-term deposits, collateral received	2,499,268,650	2,873,199,868
Other payables	50,000,000	50,000,000
	<u>2,549,268,650</u>	<u>2,923,199,868</u>
c) Unpaid overdue payables		
Payables to the insurance agency	330,891,655	12,378,319,651
Dividends or profits payable	40,357,947,640	42,451,440,707
Payables for Petroleum assistance funds	1,334,818,785	1,334,818,785
Interest expense	1,246,252,165	1,246,252,165
Others	1,986,271,865	2,108,341,139
	<u>45,256,182,110</u>	<u>59,519,172,447</u>
d) In which: Other payables to related parties		
Vietnam National Industry - Energy Group	54,189,129,410	54,098,464,510
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	56,212,500,000	56,212,500,000
Vietnam Petroleum Institute	-	2,698,186,687
Ca Mau Gas-Power-Nitrogen Cluster Project Management Board	8,697,686,626	8,697,686,626
Mien Trung Petroleum Construction JSC	667,975,776	667,975,776
Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	14,715,555	14,715,555
	<u>119,782,007,367</u>	<u>122,389,529,154</u>

(i) Of which, VND 25,000,000,000 represents dividend payable for 2011 at Dong Do Petroleum Joint Stock Company (Subsidiary). This amount was recognized in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2012 (Resolution No. 23/NQ-DKDD-ĐHDCĐ dated 16 April 2012), approving a dividend of 5% of charter capital. However, the Corporation has neither finalised the list of shareholders nor made the dividend payment.

(ii) As at 31 December 2025, the provision for guarantee obligations was as presented in Note 39.

- (iii) Interest payable to Ocean Commercial Bank Limited (Oceanbank – now renamed as Modern Bank of Vietnam - MBV) includes interest expense of the Corporation and interest expense that the Corporation will collect from companies that the Corporation has paid or lent under capital support contracts (detailed in Note 07) to pay OceanBank. According to Resolution No. 7548/NQ-DKVN dated 29 October, 2014 of the Members' Council of Vietnam Oil and Gas Group (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) and according to Official Letter No. 7697/2014/CV-OceanBank dated 9 December 2014 of OceanBank, the payment deadline of these amounts has been extended to 31 December 2017 and the loan interest rate has been reduced to 1%/year from 01 January 2015 as presented in Note 24. From 01 January 2018, the loan has been subject to an overdue interest rate equal to 150% of the current interest rate. As at the date of these Consolidated Financial Statements, the Corporation is looking for solutions to pay the overdue loan interest payable.
- (iv) The payable to Vietnam National Industry - Energy Group is the amount that supported the Corporation to pay for contractors of the Soai Rap - Tien Giang Petroleum Service Industrial Zone Project.
- (v) The payable to PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation is related to the transfer of investor status to PetroVietnam Urban Development Joint Stock Company (a subsidiary of the Corporation) in the Bac Lieu Tower project. PetroVietnam Urban Development Joint Stock Company is obligated to pay this amount to PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation according to the contract signed on 12 August 2010.

23 PROVISIONS FOR SHORT-TERM PAYABLES

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
a) Short-term		
Provision for construction warranty	5,911,574,700	-
	<u>5,911,574,700</u>	<u>-</u>
b) Long-term		
Provision for construction warranty	-	10,778,488,744
	<u>-</u>	<u>10,778,488,744</u>

(i) Detailed information on Short-term borrowings and Current portion of long-term debts:

	Currency	Interest Rate	Maturity	Loan purpose	Guarantee	31/12/2025	01/01/2025
						VND	VND
Short-term borrowings						80,149,496,818	53,826,410,130
<i>Related parties</i>						18,954,650,130	20,767,010,130
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	VND	Floating	08 months	Supplementing working capital for business activities	Unsecured	18,954,650,130	20,767,010,130
<i>Others</i>						61,194,846,688	33,059,400,000
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Ha Dong Branch	VND	7.60%	180 days	Supplementing working capital, LC open guarantee	Secured	42,744,846,688	9,336,400,000
Others	VND	(*)	06 months - 01 year	Supplementing working capital for business activities	Unsecured	18,450,000,000	23,723,000,000
Current portion of long-term debts						655,965,237,122	640,965,237,122
						<u>736,114,733,940</u>	<u>694,791,647,252</u>

Loans from banks and other credit institutions are secured by the mortgage contract/ collaterals/ guarantee with the lender and fully registered as secured transactions.

(*) Other loans are personal loans with interest rates from 0% to 12%.

(ii) Detailed information on Long-term borrowings:

	Currency	Interest Rate	Date due	Loan purpose	Guarantee	31/12/2025	01/01/2025
						VND	VND
Related parties							
Public Commercial Joint Stock Bank of Vietnam							
- Contract No. 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB dated 04/06/2015	VND	Floating	Year 2017	Offsetting the investment capital of Thai Binh Petroleum Hotel	Unsecured	89,295,080,000	89,295,080,000
Others							
Modern Bank of Vietnam - MBV (*)							
- Contract No.603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC dated 20/10/2010	VND	4.90%	Year 2017	Investment in Lam Kinh Hotel Joint Stock Company	Unsecured	200,000,000,000	200,000,000,000
- Contract No.602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC dated 30/06/2011	VND	4.90%	Year 2017	Investment in Thai Binh Petroleum Investment and Trading Joint Stock Company	Unsecured	65,000,000,000	65,000,000,000
- Contract No.10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC dated 30/06/2011	VND	5.50%	Year 2017	Payment and offsetting of investment payment received from PVFC under the Sale Contract/Transfer Contract	Unsecured	310,670,157,122	310,670,157,122
Personal Loans						3,000,000,000	-
						667,965,237,122	664,965,237,122
Amount due for settlement within 12 months						(655,965,237,122)	(640,965,237,122)
Amount due for settlement after 12 months						12,000,000,000	24,000,000,000

Loans from banks and other credit institutions are secured by the mortgage contract/ collaterals/ guarantee with the lender and fully registered as secured transactions.

(*) According to Resolution No. 7548/NQ-DKVN dated 29 October 2014 of Members' Vietnam Oil and Gas Group (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) and OceanBank's Official Letter No. 7697/2014/CV-OceanBank dated 09 December 2014 (now renamed as Modern Bank of Vietnam - MBV), the deadline for loans from Modern Bank of Vietnam - MBV has been extended until 31 December 2017. The interest rate applicable to the loans from the time interest was overdue until 31 December 2014 was 2.4% per year, and 1% per year from 01 January 2015. From 01 January 2018, overdue loans bear interest at 150% of the in-term interest rate. At the date of preparing these Consolidated financial statements, the Corporation is actively seeking solutions to repay the principal amounts of these overdue loans.

25 OWNER'S EQUITY

a) Changes in owner's equity

	Contributed capital	Share premium	Other capital	Treasury shares	Development and investment funds	Other reserves	Retained earnings	Non-Controlling Interests	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Beginning balance of previous year (adjusted)	4,000,000,000,000	6,831,719,482	22,681,220,411	(29,720,195)	150,859,427,814	233,648,426	(4,030,704,785,860)	326,990,811,764	476,862,321,842
Profit/(loss) for previous year	-	-	-	-	-	-	7,369,885,195	(4,756,862,176)	2,613,023,019
Other decrease	-	-	-	-	-	-	(449,100,176)	209,450,294	(239,649,882)
Ending balance of previous year (adjusted)	4,000,000,000,000	6,831,719,482	22,681,220,411	(29,720,195)	150,859,427,814	233,648,426	(4,023,784,000,841)	322,443,399,882	479,235,694,979
Beginning balance of current year (adjusted)	4,000,000,000,000	6,831,719,482	22,681,220,411	(29,720,195)	150,859,427,814	233,648,426	(4,023,784,000,841)	322,443,399,882	479,235,694,979
Profit/(loss) for this year	-	-	-	-	-	-	(12,191,170,371)	12,959,897,845	768,727,474
Ending balance of this year	4,000,000,000,000	6,831,719,482	22,681,220,411	(29,720,195)	150,859,427,814	233,648,426	(4,035,975,171,212)	335,403,297,727	480,004,422,453

b) Details of Contributed capital

	31/12/2025	Rate	01/01/2025	Rate
	VND		VND	
Vietnam National Industry - Energy Group	2,178,733,330,000	54.47%	2,178,733,330,000	54.47%
Others	1,821,266,670,000	45.53%	1,821,266,670,000	45.53%
Total	<u>4,000,000,000,000</u>	<u>100%</u>	<u>4,000,000,000,000</u>	<u>100%</u>

c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Owner's contributed capital		
- At the beginning of the year	4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
- At the end of the year	4,000,000,000,000	4,000,000,000,000

d) Share

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quantity of Authorized issuing shares	400,000,000	400,000,000
Quantity of issued shares	400,000,000	400,000,000
- Common shares	400,000,000	400,000,000
Quantity of shares repurchased (Treasury shares)	2,971	2,971
- Common shares	2,971	2,971
Quantity of outstanding shares in circulation	399,997,029	399,997,029
- Common shares	399,997,029	399,997,029
Par value per share: VND 10,000/ share		

e) Company's reserves

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Development and investment funds	150,859,427,814	150,859,427,814
Other reserves	233,648,426	233,648,426
	<u>151,093,076,240</u>	<u>151,093,076,240</u>

26 OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMENT

a) Foreign currencies

	31/12/2025	01/01/2025
USD	10,403.67	7,365,086.17

b) Doubtful debts written-off

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Doubtful debts written-off	11,112,006,001	11,112,006,001

27 TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Revenue from sale of goods	118,576,630,058	53,472,991,732
Revenue from rendering of services	150,518,697,811	73,139,490,403
Revenue from construction	1,916,123,550,321	1,061,700,329,493
Revenue from real estate transfer	17,274,694,474	12,443,089,233
Other revenue	5,959,202,287	12,250,206,093
	<u>2,208,452,774,951</u>	<u>1,213,006,106,954</u>
Revenue deductions	-	-
Net revenue from sales of goods and rendering of services	2,208,452,774,951	1,213,006,106,954
In which: Revenue from related parties (Detailed in Note 42)	1,504,123,870,274	847,863,166,887

28 COST OF GOODS SOLD

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Cost of goods sold	122,403,999,303	60,941,589,032
Cost of services rendered	117,272,243,311	62,963,286,487
Cost of construction contracts	1,814,090,567,098	1,046,095,523,656
Cost of transferring real estate	14,109,383,480	7,540,768,826
Provision for devaluation of inventories	7,670,295,483	(25,386,397,265)
Others	2,553,462,933	9,182,645,458
	<u>2,078,099,951,608</u>	<u>1,161,337,416,194</u>
In which: Purchase from related parties Total purchase value: (Detailed in Note 42)	1,037,318,053	1,854,288,043

29 FINANCIAL INCOME

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Interest income	14,995,362,019	12,228,895,796
Gain on exchange difference in the year	20,995,130,859	25,969,748,195
Gain on exchange difference at the year-end	-	4,275,931,351
Interest from deferred payment sale or payment discount	-	396,759,060
Other financial income	7,670,000,233	-
	<u>43,660,493,111</u>	<u>42,871,334,402</u>

30 FINANCIAL EXPENSES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Interest expenses	33,514,834,197	36,198,593,108
Payment discount or interests from deferred	-	7,636,363
Loss on exchange difference in the year	2,401,460,250	32,431,360,267
Loss on exchange difference at the year-end	1,193,998,381	106,143,505
Provision for diminution in value of trading securities and impairment loss from investment	-	(10,087,869,299)
Other financial expenses	4,314,561,064	5,123,263,246
	<u>41,424,853,892</u>	<u>63,779,127,190</u>
In which: Financial expenses paid to related parties (Detailed in Note 42)	27,779,892,856	26,876,666,751

31 GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Raw materials	860,193,951	703,818,133
Labour expenses	86,416,104,757	79,755,631,970
Tools, instruments and supplies expenses	993,903,598	845,794,350
Depreciation expenses	3,608,392,018	3,708,692,400
Tax, Charge, Fee	6,744,680,945	7,619,286,748
Reversal of provision expenses	(837,093,549)	(55,143,154,547)
Expenses of outsourcing services	16,060,336,041	18,662,691,770
Other expenses in cash	15,850,293,616	17,977,194,312
	<u>129,696,811,377</u>	<u>74,129,955,136</u>
In which: Expenses purchased from related parties (Detailed in Note 42)	688,990,120	117,600,000

32 OTHER INCOME

	Year 2025	Year 2024
	VND	VND
Gain from liquidation, disposal of fixed assets	1,044,118,636	4,389,581,387
Collected fines	839,799,784	1,325,025,483
Income from compensation	-	444,318,134
Income from waiver of payables	14,449,047,351	44,715,422,210
Reversal of construction warranty provisions	4,866,914,044	8,720,524,900
Others	706,096,940	3,304,241,726
	<u>21,905,976,755</u>	<u>62,899,113,840</u>

33 OTHER EXPENSES

	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Interest on late payment of tax, insurance	780,800,413	2,533,444,159
Fines	3,063,833,420	7,108,413,730
Losses due to unsuccessful investment in Soai Rap Tien Giang Petroleum Service Industrial Park Project - 920 hectares	1,835,100,923	-
Others	3,356,758,238	2,101,664,083
	9,036,492,994	11,743,521,972
In which: Other expenses from related parties (Detailed in Note 42)	707,718,727	-

34 CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES

	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Current corporate income tax expense in parent	-	-
Current corporate income tax expense in subsidiaries	1,173,358,630	2,077,618,123
- <i>Petroleum Equipment Assembly And Metal Structure Joint Stock Company</i>	-	727,618,123
- <i>Binh Son Petroleum Construction Jsc</i>	199,975,821	-
- <i>Petroleum Industrial And Civil Construction Joint Stock Company.</i>	973,382,809	1,350,000,000
Total current corporate income tax expense	1,173,358,630	2,077,618,123

35 DEFERRED INCOME TAX

a) Deferred income tax assets

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Corporate income tax rate used to determine deferred income tax assets	20%	20%
Deferred income tax assets related to deductible temporary differences	13,229,667,583	18,801,350,080
	13,229,667,583	18,801,350,080

b) Deferred corporate income tax expense

	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Deferred CIT expense relating to reversal of deferred income tax assets	5,571,682,497	116,962,081
	5,571,682,497	116,962,081

36 BASIC EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share distributed to common shareholders of the Corporation are calculated as follows:

	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Net profit after tax	(12,191,170,371)	7,369,885,195
Profit distributed to common shares	(12,191,170,371)	7,369,885,195
Average number of outstanding common shares in circulation	399,997,029	399,997,029
Basic earnings per share	(30)	18

The Corporation has not planned to allocate the Bonus and Welfare Fund or the Management Bonus Fund from the after-tax profit at the time of preparing the consolidated financial statements.

As at 31 December 2025, the Corporation does not have shares with dilutive potential for earnings per share.

37 BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS

	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Raw materials	312,167,736,697	167,289,774,429
Labour expenses	333,101,204,322	238,685,019,893
Tools, instruments and supplies	1,221,819,124	1,117,633,493
Depreciation expenses	41,442,905,836	39,785,216,032
Taxes, fees and charges	4,501,865,242	8,402,256,023
Provisions	(2,900,123,653)	(55,404,878,547)
Expenses of outsourcing services	858,816,751,318	626,919,260,057
Other expenses in cash	38,267,152,753	31,340,926,669
	1,586,619,311,639	1,058,135,208,049

38 ADDITIONAL INFORMATION FOR THE ITEMS OF THE CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS

a) Proceeds from borrowings during the year

	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Proceeds from ordinary contracts	95,755,285,291	100,137,532,071

b) Actual repayments on principal during the year

	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Repayment on principal from ordinary contracts	66,432,198,603	148,788,933,736

39 CONTINGENCIES

a) Guarantees for borrowings

As at 31/12/2025, the Corporation has guarantees for overdue loans taken by other companies from credit institutions, specifically as follows:

Guaranteed unit	Guarantor institution	Guarantee period	Guarantee balance at the end of the year VND	Overdue loan balance at the end of the year VND	Provision for end-of-term liabilities VND
Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	Vietnam International Bank - Head Office	From 31/12/2011 to 30/04/2012	73,668,464,073	73,668,464,073	73,668,464,073
Petroleum Mechanical Executing And Assembly JSC	Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank - Dong Do Branch	From 01/01/2012 to 30/06/2012	49,961,348,093	49,961,348,093	49,961,348,093
Petroleum Mechanical Executing And Assembly JSC	Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank - Head Office	From 26/07/2011 to 26/07/2012	14,312,967,325	14,312,967,325	14,312,967,325
Sai Gon Petroleum Construction And Investment JSC (*)	Modern Bank of Vietnam Limited - Sai Gon Branch	From 31/12/2011 to 30/08/2012	17,103,570,845	17,103,570,845	-
			155,046,350,336	155,046,350,336	137,942,779,491

The Corporation, as a guarantor, has committed to pay the creditors the amounts equal to the value of the relevant letters of guarantee plus any interest, penalties and other financial obligations incurred (if any) immediately after receiving the first request document accompanied with the records proving that the guaranteed entities fail to perform, or inadequately perform, repayment obligations (if any). Accumulated to 31 December 2025:

- Credit institutions have deducted approximately VND 91 billion from the Corporation's deposit accounts for fulfilment of its guarantee obligations;
- Guaranteed entities have repaid the Corporation approximately VND 49 billion out of the amount as mentioned above.

Thus, the outstanding balance of receivables relating to guarantee obligations as at 31 December 2025 is approximately VND 42.8 billion (Note 08).

Following the recommendations of the State Audit Office stated in the Audit Report for the year 2014 dated 10 March 2016, the Corporation made provision for all payable liabilities in respect of these guarantees in the separate financial statements for the year ended 31 December 2014. At the reporting date of these Consolidated financial statements, the guaranteed companies were still working with credit institutions about the extension of the repayment term. The Corporation was still working with guaranteed companies and credit institutions to release its guarantee obligations in order to enhance the solvency of the Corporation.

(*) In 2016, the Corporation reviewed all of its letters of guarantee and assessed that its obligation under the guarantee for Saigon Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company (PVC-SG) to borrow from Ocean Commercial Joint Stock Bank - Saigon Branch (after that is OceanBank - Saigon Branch, and now renamed as Modern Bank of Vietnam - MBV - Saigon Branch) has changed. The Provision Appraisal Council of the Corporation assessed and agreed to reverse the provision that had been made for the Corporation's obligation under the said letter of guarantee for PVC-SG's loan from Modern Bank of Vietnam - MBV - Saigon Branch with the amount of approximately VND 99.9 billion; the provision reversal reduces the Corporation's financial expenses for 2016.

On 18 August 2016, PVC-SG sent Official Letter No. 58/XLDKSG to the Corporation to report some contents related to the collateral for the entrusted loan and the situation of working with Oceanbank. Accordingly, on 10 August 2016, Oceanbank - Saigon Branch sent to PVC-SG Official Letter No. 784/2016/CV-CNSG replying to the debt settlement plan of PVC-SG. In this Official Letter, Oceanbank - Saigon Branch approved for PVC-SG to carry out a business investment plan for the Urban Development Project of Areas 2 and 3, Ward 5, Vi Thanh City, Hau Giang Province (Vi Thanh Project) as well as to partially disburse collateral for PVC-SG to sell goods/assets to create a source of repayment for Oceanbank and PVC-SG to pay all outstanding principal (approximately VND 148 billion).

As at 31 December 2025, PVC-SG has paid back VND 131 billion out of VND 148 billion of principal; At the same time, PVC-SG performed quite well the debt repayment plan proposed by Oceanbank - Saigon Branch. The Board of Management assesses that the payable obligations of the Parent Company - the Corporation for the guarantee will not incur because PVC SG is able to make payment to Oceanbank (now renamed as Modern Bank of Vietnam – MBV).

b) Payment guarantee

On 29 December 2010, the Holding Company signed Guarantee Agreement No. 0112/2010/HDBL.TT-PVCTB with Thai Binh Petroleum Tourism Company Limited (currently known as Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company (PVC Thai Binh - a subsidiary of the Corporation)) and issued a letter of guarantee for the payment by this company with the guaranteed value of approximately VND 111.8 billion. Accordingly, the Holding Company guaranteed that PVC Thai Binh would fulfil all of its obligations to PetroVietnam Exploration Production Corporation (PVEP) in a timely manner in accordance with the agreement dated 28 December 2010 on the transfer of Thai Binh Petroleum Hotel construction project between PVEP and PVC Thai Binh. The letter of guarantee takes effect from the signing date until the time PVC Thai Binh fulfils all of its obligations to PVEP in accordance with the above transfer agreement.

In 2016, the Holding Company received a document from PVEP requesting the Holding Company to fulfil its guarantee obligation. The Board of Management of the Corporation assesses that such obligation will not be incurred since PVC Thai Binh is able to fulfil its payment obligation to PVEP.

c) Conclusion of the Government Inspectorate

The Corporation is the contractor of Northern ethanol biofuel factory construction project and Dinh Vu polyester manufacturing plant construction project.

On 24 November 2016, the Government Inspectorate issued Announcement No. 3129/TB-TTCP about the conclusion of the inspection of the biofuel projects funded by Vietnam Oil and Gas Group (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) and its subsidiaries. Accordingly, the Government Inspectorate proposed that the Corporation should be responsible for the economic loss to the project owner as a result of the breach of EPC Contract on the construction of Northern ethanol biofuel factory.

On 24 November 2016, the Government Inspectorate issued the Announcement No. 3130/TB-TTCP about the conclusion of the inspection of the construction of Dinh Vu polyester manufacturing plant. According to the Government Inspectorate:

- The acceptance value of the work performed by the Corporation should be reduced by approximately VND 46.8 billion due to the Corporation's violation of the Ordinance on Foreign exchange when signing contract;
- The acceptance value of the work performed by the Corporation under the EPC contract should be reduced by approximately VND 8.1 billion and USD 23 thousand due to duplication of the same acceptance value and the acceptance of some work volume incurred not in accordance with regulations.

The Corporation's Board of Management assessed that the Announcements of the Government Inspectorate as mentioned above are applicable to the owners of the projects to whom the Corporation is a related party under relevant economic contracts. As at the reporting date, the Corporation was still working with the projects' owners and the Government Inspectorate on the above conclusions of the Government Inspectorate.

In 2022, the Corporation received the conclusion of the Government Inspectorate No. 2090/KL-TTCP dated 23 November 2022 on the observance of policies and laws in production and business activities of the Corporation during the period 2008-2013. The Corporation has been coordinating with relevant parties to implement the recommendations of the Government Inspector in accordance with the above document.

d) Other contingent liabilities

At the reporting date of these Consolidated Financial Statements, the Corporation and its subsidiaries had certain litigation cases related to their receivables, payables, borrowings and contingent liabilities relating to value added tax and penalties for late payment of tax on revenue generated but not yet billed. The outcomes of these litigation cases could not be determined.

40 OTHER INFORMATION

a) The value of issuance has not yet been estimated at the Corporation's constructed works

Due to the influence of fluctuations in the economy, the Corporation's operations contain risks of fluctuations in the market value of materials used for construction. Major changes in the price of construction materials can greatly affect the benefits and economic obligations of the Corporation. However, the Board of Management of the Corporation believes that the changes of the market as well as the influence of the Government's macro management policies are very difficult to predict. Therefore, the Board of Management of the Corporation cannot quantify the impact of this issue on the Corporation's ongoing construction projects. The final result will only be determined when the construction is completed, and the acceptance is handed over to the project owners.

Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project

The Corporation signed an EPC contract to build Thai Binh 2 Thermal Power Plant with the Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board (under Vietnam National Industry - Energy Group) with a value of about USD 918 million and VND 5,874 billion. At the date of these consolidated financial statements, the total value of the provisional contracts signed by the Corporation with subcontractors for the Thai Binh 2 Thermal Power Plant project has exceeded the value of the EPC contract signed with the Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board. According to Official Letter No. 737/TTg-KTN dated 23 May 2014 of the Prime Minister, the Thai Binh 2 Thermal power plant was included in the list of urgent power projects for the period 2013-2020.

The project applies specific mechanisms and policies issued in Decision No.2414/QD-TTg dated 11 December 2013 of the Prime Minister.

Pursuant to the resolution of the Board of Directors approving the provisional implementation plan for the EPC Contract of the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project, the estimated revenue for the project is USD 926.6 million and VND 11,076.2 billion, while the estimated cost is USD 921.2 million and VND 11,402.1 billion, resulting in an expected gross loss margin of 0.67% for the entire project. As at the date of these Consolidated Financial statements, the Corporation is reviewing the quantities of work performed and related items with the Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board, as well as with subcontractors, in preparation for the final settlement of the project. The Board of Management considers these estimates to represent the best estimates as at the date of these Consolidated Financial statements. Such estimates are subject to ongoing review and update to reflect the actual profit or loss realised from the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project. Accordingly, the Corporation has recognized revenue and cost of sale for this project based on the expected gross loss margin as mentioned above.

Vung Ang 1 Thermal Power Plant

On 28 September 2009, the Corporation signed a contract to build Vung Ang 1 Thermal Power Plant with Viet Nam Machinery Installation Corporation (LILAMA) under Contract No. 280909/LILAMA-PVC with a total package value of about VND 1,322 billion. According to Resolution No. 686/NQ-DKVN dated 27 January 2014, Vietnam National Industry - Energy Group (PVN) approved the unforeseeable costs of the entire Vung Ang 1 Thermal Power Plant project (include internal road and construction) at about VND 1,090 billion. The estimated value after

verification/appraisal for construction items performed by the Corporation increased by about VND 290 billion (excluding the deductible value-added tax value) compared to the value of the lump-sum construction contract signed by the Corporation. The Corporation has requested PVN to consider adjusting the unexpected arising value of this project. At the date of these Consolidated Financial Statements, PVN and the competent State agencies have not yet made a decision on the Corporation's decision, the Board of Management of the Corporation believes that the value arising outside the contract will be signed additionally.

b) Information on the Corporation's restructuring

According to Resolution No. 332/NQ-XLDK-DHDCD dated 11 October 2022 of the General Meeting of Shareholders of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation on approving the restructuring of the Corporation for the period of 2021-2025:

- The Corporation continues to hold at least 51% of charter capital in the period 2021-2025, including: Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company (PVC-PT) and Petroleum Equipment Assembly & Metal Structure., JSC (PVC-MS).
- The Corporation will divest all investment capital in the remaining subsidiaries in the period of 2021-2025.
- The following companies: Hanoi Petroleum Construction JSC (PVC-HN), Petroleum Mechanical Executing and Assembly Joint Stock Company (PVC-MEA), Mien Trung Petroleum Construction JSC (PVC-MT) and PetroVietnam Urban Development JSC (PVC-Mekong) will handle dissolution or bankruptcy in case the Corporation cannot divest its capital.
- The Corporation will divest all other long-term financial investments and trading securities in the period 2021-2025.

c) Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company (Subsidiary) leases premises and infrastructure in Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Maritime Service Base Area

Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company (Subsidiary) ("PVC-MS") signed Economic Contract No. 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B dated 09 August 2010 with Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Investment Joint Stock Company ("Sao Mai - Ben Dinh Company") to lease premises and infrastructure at the Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Maritime Service Base, with a total leased area of 229,330 m², and a lease term of 49 years. According to the terms of the contract, the rental fee includes investment costs and obligations to the State relating to the leased area.

Pursuant to Appendix No. 02 dated 10 February 2025 and relevant documents from competent authorities, the Company is required to pay land rental amounting to VND 32,194,110,231, comprising:

- For the period from 16 September 2010 to 12 February 2015: VND 32,194,110,231;
- For the period from 12 February 2015 to 31 December 2025: exempt from land rental.

In addition, PVC-MS is also subject to late payment interest provisionally calculated up to 31 December 2025 amounting to VND 9,726,244,741, of which the accumulated late payment interest up to 31 December 2024 amounted to VND 8,694,816,132.

During the year, PVC-MS made a retroactive adjustment to decrease retained earnings and increase payables to suppliers and other payables as at 31 December 2024 by VND 44,108,337,386, and recognised an amount of VND 1,031,428,609 in profit or loss for the current year.

41 SUBSEQUENT EVENTS AFTER THE REPORTING PERIOD

Except for the event on 31 January 2026, whereby the Board of Directors issued Resolution No. 15/NQ-XLDK approving the transfer policy and reserve price for the auction of the Corporation's land use rights to 3,400 m² of land at land plot No. 6, map sheet No. 20, located in village 1, Tam Dao town, Tam Dao district, Vinh Phuc province (now Tam Dao commune, Phu Tho province) as disclosed in Note 04d, there were no other material events that occur after the end of the fiscal year that require adjustment or disclosure in these Consolidated Financial statements.

42 TRANSACTIONS AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

List and relations between related parties and the Company are as follows:

Related parties	Relation
Vietnam National Industry - Energy Group (PVN)	Parent company
Vung Ang - Quang Trach Petroleum Power Project Management Board	PVN's dependent entity
Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board	PVN's dependent entity
Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex Project Mangement Board	PVN's dependent entity
Song Hau 1 Petroleum Power Project Management Board	PVN's dependent entity
Long Phu 1 Petroleum Power Project Management Board	PVN's dependent entity
Vietnam Petroleum Institute	PVN's dependent entity
University of Petroleum Project Management Board	PVN's dependent entity
Ca Mau Gas-Power-Nitrogen Cluster Project Management Board	PVN's dependent entity
PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Energy and Industry Group	PVN's dependent entity
PetroVietnam Technical Services Corporation	Entity under common control
Ptsc Mechanical and Construction Limited Company	PTSC's Member
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (PV GAS)	Entity under common control
PetroVietnam Low Pressure Gas Distribution JSC	Subsidiaries of PV GAS
Petro Vietnam Engineering Consultancy JSC	Entity under common control
Petrovietnam Steel Pipe JSC	Entity under common control
Petrovietnam Construction Land Corporation	Entity under common control
Southern Shipbuilding Industry Investment Development Company Limited	Entity under common control
Petroleum Internal and External Equipment JSC	Entity under common control
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	Entity under common control
PetroVietnam Exploration Production Corporation	Entity under common control
PetroVietnam Power Corporation	Entity under common control
Petroleum Mechanical Executing And Assembly JSC	Associate
Hanoi Petroleum Construction Joint Stock Company	Associate
Sai Gon Petroleum Construction And Investment JSC	Associate
Duyen Hai Petro Construction Investment JSC	Associate
Thanh Hoa Petroleum Construction JSC	Associate
Mien Trung Petroleum Construction JSC	Associate
Lam Kinh Hotel Joint Stock Company	Associate
Petrovietnam-Nghe An Construction JSC	Associate
Petroleum Interior Decoration Joint Stock Company	Associate
Heerim - Pvc International Design JSC	Associate
Petroleum Link Communication And Trading JSC	Associate
Members of the Board of Directors, Board of Management, Supervisory Board, and other key management personnel of the Corporation	Key management personnel of the Corporation

In addition to the information with related parties presented in the above Notes, during the year, the Company has transactions with related parties as follows:

	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Sales of goods	1,504,123,870,274	847,863,166,887
Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board	850,294,087,066	473,164,613,532
PetroVietnam Power Generation Branch - Vietnam National Energy and Industry Group	88,174,594,652	5,269,310,330
PetroVietnam Technical Services Corporation	28,585,599,093	242,110,198,031
Ptsc Mechanical and Construction Limited Company	535,390,533,318	125,705,769,994
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	1,679,056,145	1,613,275,000
Purchase of goods and services	1,037,318,053	1,971,888,043
Thanh Hoa Petroleum Construction JSC	1,037,318,053	1,854,288,043
Vietnam Petroleum Institute	-	117,600,000
Financial Expense	27,779,892,856	26,876,666,751
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	27,779,892,856	26,876,666,751
General and Administrative Expense	688,990,120	117,600,000
Vietnam Petroleum Institute	688,990,120	117,600,000
Other expenses	707,718,727	-
Vietnam Petroleum Institute	707,718,727	-

Remuneration, salaries and other income of members of the Board of Directors, Board of Management, Supervisory Board and other managers are as follows:

	Position	Year 2025 VND	Year 2024 VND
Board of Directors		2,284,460,076	2,207,775,913
Mr. Nghiem Quang Huy	Chairman	573,551,443	545,647,303
Mr. Pham Van Khanh	Independent Member	247,440,000	244,285,000
Mr. Tran Hai Bang	Member	500,481,311	479,906,106
Mr. Nguyen Hoai Nam	Member	479,537,200	466,008,070
Mr. Chu Thanh Hai	Member	483,450,122	471,929,434
Board of Management		2,111,886,132	2,014,722,793
Mr. Tran Quoc Hoan	General Director (Appointed on 01/01/2024)	572,557,253	449,814,957
Mr. Phan Tu Giang	General Director (Resigned on 01/01/2024)	-	109,537,217
Mr. Nguyen Van Dong	Deputy General Director	521,417,825	507,748,575
Mr. Pham Trung Kien	Deputy General Director	524,770,280	464,890,490
Mr. Bui Son Truong	Deputy General Director	493,140,774	482,731,554
Board of Supervision		686,187,065	506,218,999
Mr. Hua Xuan Nam	Head of the Board	454,099,420	441,418,999
Ms. La Minh Hue	Member (Appointed on 29/05/2025)	172,687,645	-
Mr. Phung Van Sy	Member (Resigned on 29/05/2025)	16,200,000	32,400,000
Mr. Nguyen Ngoc Cuong	Member	43,200,000	32,400,000

In addition to the above related parties transactions, other related parties did not have any transactions during the period and have no balance at the end of the fiscal year with the Corporation.

43 COMPARATIVE FIGURES

The comparative figures are figures in the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024, which was audited by AASC Auditing Firm Company Limited.

The Board of Management of the Corporation decided to retrospectively adjust some of the items in the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024. Accordingly, the comparative data of the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ending 31 December 2025 are specifically adjusted as follows:

	Code	Figures in the Consolidated Financial Statements	Adjusted figures	Difference
		VND	VND	VND
Consolidated Statement of Financial position				
Intangible Fixed Assets	227	257,674,706,668	252,008,862,049	(5,665,844,619)
- Historical cost	228	284,392,878,902	274,650,242,344	(9,742,636,558)
- Accumulated amortization	229	(26,718,172,234)	(22,641,380,295)	4,076,791,939
Short-term trade payables	311	3,254,938,639,111	3,267,033,909,932	12,095,270,821
Other short-term payables	319	582,456,022,299	614,469,088,864	32,013,066,565
Retained earnings accumulated to the end of previous year	421a	(4,005,781,884,168)	(4,031,153,886,036)	(25,372,001,868)
Non-controlling interests	429	346,845,580,019	322,443,399,882	(24,402,180,137)



Nguyen Thi Thu Anh
Preparer



Vu Minh Cong
Chief Accountant



Tran Quoc Hoan
General Director
Hanoi, 31 March 2026